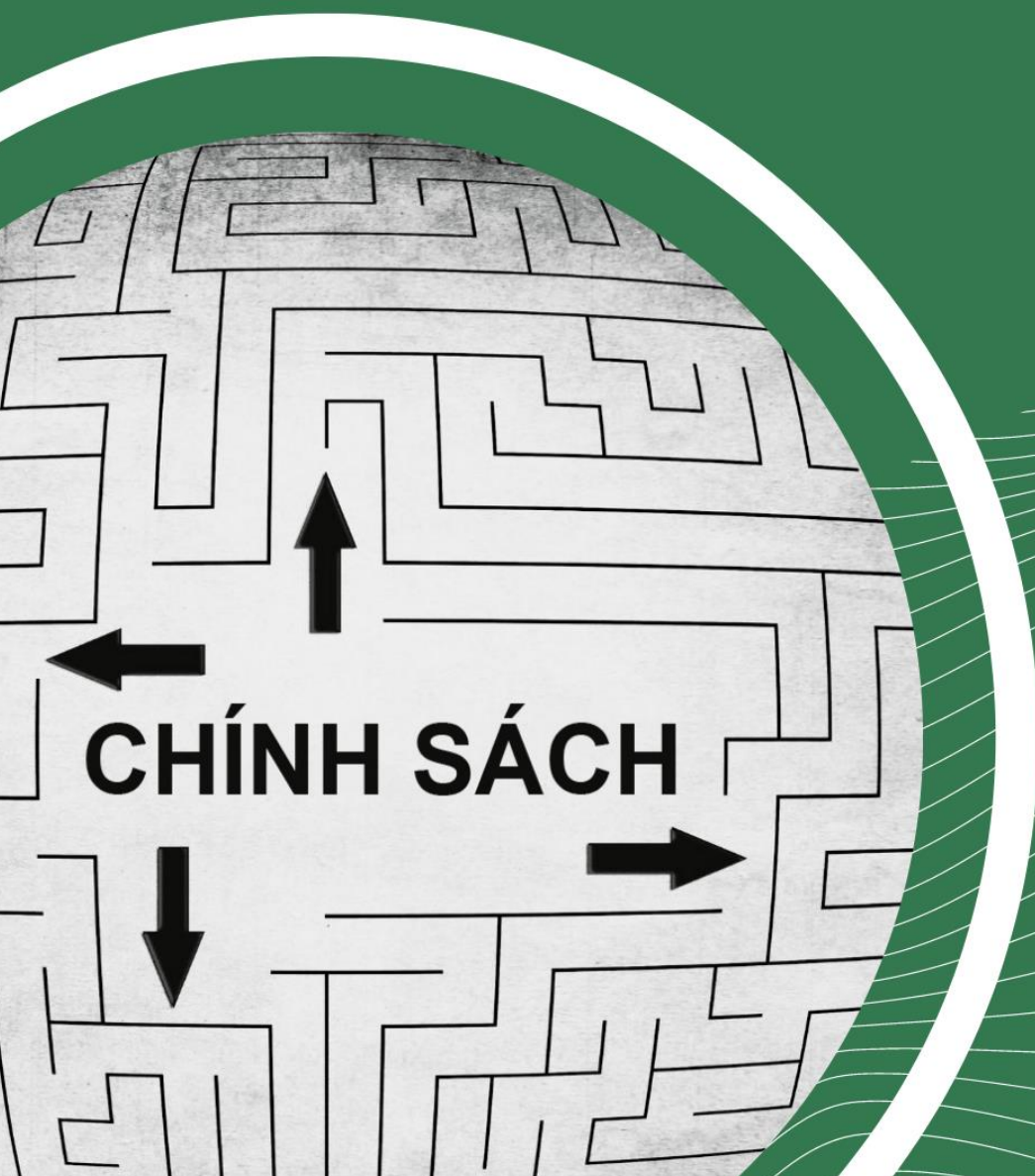




 UK Government

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
PHẦN A – CƠ SỞ XÂY DỰNG CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH.....	8
1. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ PHẦN XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ...	12
2. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ PHẦN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH	14
2.1. Hướng dẫn đánh giá nội dung xác định vấn đề bất cập	15
2.2. Hướng dẫn đánh giá nội dung mục tiêu giải quyết vấn đề.....	17
2.3. Hướng dẫn đánh giá nội dung các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề	18
2.4. Hướng dẫn đánh giá nội dung đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.....	20
2.4.1. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích tác động về kinh tế.....	20
2.4.2. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích tác động về xã hội	22
2.4.3. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích tác động về giới.....	25
2.4.4. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích tác động của thủ tục hành chính..	26
2.4.5. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích tác động với hệ thống pháp luật...	33
2.5. Hướng dẫn đánh giá nội dung kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)	35
2.6. Hướng dẫn đánh giá sự phù hợp giữa nội dung của các chính sách với nhau và với phần xác định vấn đề bất cập tổng quan, và sự phù hợp giữa tên và nội dung của các chính sách	37
3. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG Ý KIẾN THAM VẤN TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH	39
4. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ PHẦN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH.....	41
5. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH	44

PHẦN B – BẢNG HỎI ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH.....	47
PHẦN C – CÁC PHỤ LỤC.....	79
PHỤ LỤC I – DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	80
PHỤ LỤC II – TỔNG HỢP MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ PHÙ HỢP VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH	83
PHỤ LỤC III – BẢNG SO SÁNH PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG VÀ ĐỊNH TÍNH.....	89
PHỤ LỤC IV - MỘT SỐ THAM KHẢO VỀ CHÍNH SÁCH VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH.....	91

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Báo cáo ĐGTĐCS	Báo cáo Đánh giá tác động của chính sách
ĐGTĐ	Đánh giá tác động
ĐGTĐCS	Đánh giá tác động của chính sách
HĐND	Hội đồng nhân dân
Luật BHVBQPPL	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020
TTHC	Thủ tục hành chính
VBPPL	Văn bản quy phạm pháp luật

Đơn vị chủ trì

Vụ các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp

LỜI NÓI ĐẦU

Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (Báo cáo ĐGTĐCS) là tài liệu rất quan trọng để cơ quan thẩm định, thẩm tra đánh giá chính sách theo các nội dung thẩm định, thẩm tra và đặc biệt là các cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách nhìn nhận rõ tác động lên các mặt của đời sống, kinh tế, xã hội nếu chính sách được ban hành và thực thi. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Luật BHVBQPPL) và các văn bản hướng dẫn, Báo cáo ĐGTĐCS là một trong những tài liệu bắt buộc phải có trong hồ sơ đề nghị xây dựng, hồ sơ dự thảo của nhiều VBQPPL quan trọng, và phải được thẩm định bởi các cơ quan có thẩm quyền⁽¹⁾. Trên thực tế, quá trình đánh giá chất lượng của Báo cáo ĐGTĐCS trong thời gian qua còn gặp những khó khăn, thách thức nhất định, trong đó phần nào xuất phát từ việc chưa có những tiêu chí cụ thể cho việc đánh giá chất lượng các Báo cáo ĐGTĐCS.

Nhằm hỗ trợ công tác đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS, Bộ Tư pháp biên soạn ***Tài liệu hướng dẫn đánh giá Báo cáo đánh giá tác động chính sách*** (gọi tắt là “Tài liệu”/“Tài liệu này”). Tài liệu này tập trung vào xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS. Đây là một công cụ giúp cho các cán bộ thuộc Bộ Tư pháp trong việc xem xét và đánh giá chất lượng của các Báo cáo ĐGTĐCS trong quy trình thẩm định các hồ sơ đề nghị xây dựng hay hồ sơ dự thảo VBQPPL. Những cơ quan khác ngoài Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS (bao gồm tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ và các Sở Tư pháp⁽²⁾) cũng có thể sử dụng Tài liệu trong quá trình thẩm định. Tài liệu này cũng dự kiến sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan quản lý nhà nước các cấp chịu trách nhiệm soạn thảo Báo cáo ĐGTĐCS để giúp các cơ quan này tự đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS và nâng cao chất lượng của Báo cáo

⁽¹⁾ Luật BHVBQPPL, Điều 37, khoản 1, điểm b; Điều 87, khoản 2, điểm b; Điều 92, khoản 2, điểm đ; Điều 98, khoản 2, điểm d.

⁽²⁾ Luật BHVBQPPL, Điều 102, Điều 115, Điều 121.

ngay từ khi bắt đầu xây dựng Báo cáo. Những đối tượng khác như các nhà nghiên cứu, giảng viên... cũng có thể sử dụng Tài liệu này để phục vụ cho công tác của mình, nếu phù hợp.

Tài liệu hướng dẫn đánh giá Báo cáo đánh giá tác động chính sách được xây dựng trên cơ sở rà soát các quy định pháp luật về yêu cầu ĐGTĐCS từ giai đoạn bắt đầu xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS đến khi hoàn thiện Báo cáo ĐGTĐCS sau khi lấy ý kiến (nếu có), chủ yếu bao gồm các quy định liên quan tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật BHVBQPPL (Nghị định 34/2016/NĐ-CP), Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Nghị định 154/2020/NĐ-CP), đặc biệt là mẫu Báo cáo ĐGTĐCS được quy định tại Mẫu số 01 – Phụ lục V của Nghị định 154/2020/NĐ-CP (gọi tắt là “Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS”) và một số văn bản khác có liên quan. Ngoài ra, Tài liệu cũng có tham khảo một số hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng và đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS của Việt Nam và một số kinh nghiệm tốt của nước ngoài có liên quan.

Căn cứ vào các yêu cầu luật định và hướng dẫn kỹ thuật về việc ĐGTĐCS phù hợp, Tài liệu đã xây dựng hệ thống **14 tiêu chí đánh giá toàn diện một Báo cáo ĐGTĐCS** ở tất cả các khía cạnh, từ nội dung đến hình thức và cả phương pháp thực hiện. Các tiêu chí được đề xuất này mang tính chất tham khảo, có vai trò như một danh mục kiểm tra giúp cho đơn vị hoặc người thẩm định có cái nhìn tổng quan và thống nhất, tránh bỏ sót một hoặc một số nội dung quan trọng trong quá trình xem xét, đánh giá chất lượng các Báo cáo ĐGTĐCS. Cần nhìn nhận rằng giống như nhiều nghiệp vụ khác mà các công chức tư pháp đảm nhiệm, công tác đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS đòi hỏi người thực hiện phải có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm nhất định trong lĩnh vực ĐGTĐCS. Bên cạnh đó, để xác định một Báo cáo ĐGTĐCS có thoả mãn các tiêu chí được khuyến nghị hay không, đơn vị hoặc người thẩm định không chỉ căn cứ duy nhất vào Tài liệu này mà còn có thể phải triển khai các hoạt động khác như xin ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học. Trên thực tế, các Báo

cáo ĐGTĐCS có thể bao hàm các nội dung chính sách chuyên sâu, đòi hỏi đơn vị hoặc người thẩm định phải có kiến thức, thông tin về một số lĩnh vực nhất định, từ đó mới có thể trả lời được cho câu hỏi: Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn các tiêu chí cụ thể theo hướng dẫn tại Tài liệu này hay chưa?

Tài liệu này bao gồm 03 phần chính:

- **Phần A: Cơ sở xây dựng các tiêu chí đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS**

Phần này tổng hợp các quy định pháp luật và các hướng dẫn kỹ thuật trong quá trình xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS để đưa ra **14 tiêu chí đánh giá** từng phần, từng nội dung trong Báo cáo ĐGTĐCS. Với mỗi tiêu chí, Phần này cũng đưa ra **các câu hỏi gợi ý** để đơn vị hoặc người thẩm định có thể đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS đã đạt được tiêu chí đó hay chưa.

- **Phần B: Bảng hỏi đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS**

Phần B này tổng hợp lại **14 tiêu chí** và các câu hỏi gợi ý tại Phần A để tạo thành 01 mẫu bảng hỏi, thuận tiện cho việc sử dụng trực tiếp trong quá trình đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS.

- **Phần C: Các phụ lục**

Phần này bao gồm 03 phụ lục: (i) Danh mục tài liệu tham khảo để xây dựng Tài liệu này; (ii) Tổng hợp một số kinh nghiệm quốc tế phù hợp về ĐGTĐCS; (iii) Bảng so sánh phương pháp định lượng và định tính; và (iv) Một số tham khảo về chính sách và đánh giá tác động chính sách.



PHẦN A

CƠ SỞ XÂY DỰNG CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH



Phần A tổng hợp quy định pháp luật hiện hành liên quan đến Báo cáo ĐGTĐCS, kết hợp với các hướng dẫn về ĐGTĐCS mà Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp đã xây dựng hoặc giới thiệu. Từ đó, các **tiêu chí** đối với từng nội dung cụ thể của Báo cáo ĐGTĐCS và các **câu hỏi gợi ý** được đưa ra giúp cho đơn vị, người thẩm định xác định liệu Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn được tiêu chí hay chưa. Để thuận tiện cho việc theo dõi và sử dụng Tài liệu trong quá trình đánh giá, **Phần A** này được cấu trúc theo thứ tự tương ứng của các nội dung trong một Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS theo quy định tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP.

Về mặt logic, trước khi bắt đầu quá trình đánh giá nội dung Báo cáo ĐGTĐCS theo quy định tại Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, cần thiết phải xác định VBQPPL có các chính sách được đánh giá có thuộc trường hợp phải xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS hay không. Nếu có thì mới tiếp tục thực hiện việc đánh giá các nội dung của Báo cáo. **Hộp 1** dưới đây tổng hợp lại 02 nhóm VBQPPL phải ĐGTĐCS theo quy định tại Nghị định 34/2016/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 154/2020/NĐ-CP:

Hộp 1: Hai nhóm VBQPPL phải ĐGTĐCS theo quy định hiện hành

NHÓM 1: Nhóm các VBQPPL phải ĐGTĐCS trong giai đoạn lập đề nghị⁽³⁾, bao gồm:

(i) Luật.

(ii) Pháp lệnh.

(iii) Nghị quyết của Quốc hội về việc thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành⁽⁴⁾.

⁽³⁾ Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 4; Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 2.

⁽⁴⁾ Luật BHVBQPPL, Điều 15, khoản 2, điểm b.

(iv) Nghị quyết của Quốc hội về việc tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân⁽⁵⁾.

(v) Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội⁽⁶⁾.

(vi) Nghị định của Chính phủ quy định vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Trước khi ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội⁽⁷⁾.

(vii) Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương⁽⁸⁾.

NHÓM 2: Nhóm các VBQPPL phải ĐGTĐCS trong giai đoạn soạn thảo⁽⁹⁾, bao gồm:

(i) Nghị định quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước⁽¹⁰⁾.

(ii) Nghị định quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ,

⁽⁵⁾ Luật BHVBQPPL, Điều 15, khoản 2, điểm c.

⁽⁶⁾ Luật BHVBQPPL, Điều 16, khoản 2, điểm b.

⁽⁷⁾ Luật BHVBQPPL, Điều 19, khoản 3.

⁽⁸⁾ Luật BHVBQPPL, Điều 27, khoản 4.

⁽⁹⁾ Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 31; Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 9.

⁽¹⁰⁾ Luật BHVBQPPL, Điều 19, khoản 1.

ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ; những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của từ hai bộ, cơ quan ngang bộ trở lên; nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ⁽¹¹⁾.

(iii) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về (a) Biện pháp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, chế độ làm việc với các thành viên Chính phủ, chính quyền địa phương và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; (b) Biện pháp chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các thành viên Chính phủ; kiểm tra hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước⁽¹²⁾.

(iv) Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên⁽¹³⁾.

(v) Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương⁽¹⁴⁾.

(vi) Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Ngoài ra, còn có **trường hợp đặc biệt**⁽¹⁵⁾: Trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến về dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nếu có chính sách mới được đề xuất thì cơ quan đề xuất chính sách phải ĐGTD của

⁽¹¹⁾ Luật BHVBQPPL, Điều 19, khoản 2.

⁽¹²⁾ Luật BHVBQPPL, Điều 20.

⁽¹³⁾ Luật BHVBQPPL, Điều 27, khoản 2.

⁽¹⁴⁾ Luật BHVBQPPL, Điều 27, khoản 3.

⁽¹⁵⁾ Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 31, khoản 1; Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 9.

chính sách mới. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày đề xuất chính sách mới, cơ quan đề xuất có trách nhiệm xây dựng báo cáo ĐGTĐ đối với chính sách mới đó.

Sau khi đã xác định được VBQPPL có các chính sách được đánh giá thuộc trường hợp phải xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS theo quy định pháp luật, đơn vị hoặc người thẩm định sẽ đánh giá lần lượt các nội dung thuộc các phần của Báo cáo ĐGTĐCS như trình bày tại các mục dưới đây.

1. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ PHẦN XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP, **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** cần “*nêu rõ bối cảnh xây dựng báo cáo đánh giá tác động, trong đó mô tả vấn đề bất cập tổng quan cần giải quyết và mục tiêu chung của chính sách*”, và bao gồm 02 mục (i) Bối cảnh xây dựng chính sách và (ii) Mục tiêu xây dựng chính sách – bao gồm Mục tiêu tổng thể và Mục tiêu cụ thể. Theo quy định tại khoản 2, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP, một trong những công việc phải thực hiện trong quá trình xây dựng nội dung của chính sách là “*Xác định mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể cần đạt được khi giải quyết các vấn đề*”. Ngoài các quy định pháp luật đã đề cập, cho tới thời điểm hiện tại, không có một quy định nào khác hướng dẫn cụ thể về các yêu cầu đặt ra với các nội dung về Bối cảnh xây dựng chính sách và Mục tiêu xây dựng chính sách thuộc **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** trong Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS. Các tài liệu hướng dẫn cũng thường hướng dẫn trực tiếp việc ĐGTĐCS các chính sách cụ thể mà không đưa ra các hướng dẫn đối với phần Xác định vấn đề bất cập tổng quan này.

Trên thực tế, phần Xác định vấn đề bất cập tổng quan của Báo cáo ĐGTĐCS thường có nội dung trùng với một số nội dung tại Tờ trình hay Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật. Điều này cũng phù hợp về mặt logic để đảm bảo tính thống nhất của các tài liệu trong bộ hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL

hay hồ sơ dự thảo VBQPPL. Với kinh nghiệm trong việc xây dựng và đánh giá các Báo cáo ĐGTĐCS, tiêu chí sau đây được đưa ra để đánh giá chất lượng của **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** trong Báo cáo ĐGTĐCS:

Tiêu chí 1: Sự phù hợp của phần Xác định vấn đề bất cập tổng quan

Đơn vị hoặc người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 1

- Phần bối cảnh có nêu được các đặc trưng về bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội trong lĩnh vực điều chỉnh bởi VBQPPL được xây dựng/soạn thảo hay không? Các thông tin đã đảm bảo tính cập nhật hay chưa? *(Ví dụ có nêu được các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, những điểm nhấn mới nhất về mặt kinh tế, xã hội... trong lĩnh vực điều chỉnh của VBQPPL hay không?)*
- Các nội dung trong phần bối cảnh có mô tả được các vấn đề bất cập cần giải quyết hay không? Những vấn đề bất cập này đã đúng và đủ chưa? Có vấn đề bất cập nào chưa thực sự phù hợp hoặc còn thiếu bất cập nổi bật nào hay không? Các bất cập được nêu có phù hợp với bối cảnh chung đã được phân tích hay không?
- Các nội dung trong phần bối cảnh của Báo cáo ĐGTĐCS có tương thích với các nội dung tương ứng trong các tài liệu khác của hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL hay hồ sơ dự thảo VBQPPL hay không?
- Báo cáo có bao gồm đủ 02 nội dung mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể không?
- Các mục tiêu cụ thể có phù hợp, tương thích với mục tiêu tổng thể hay không?
- Các mục tiêu tổng thể và cụ thể có hướng tới giải quyết những vấn đề bất cập tổng quan tại phần bối cảnh xây dựng chính sách không?

Cần thiết phải nhấn mạnh rằng **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** của Báo cáo ĐGTĐCS là phần mang ý nghĩa giới thiệu chung về bối cảnh và mục tiêu xây dựng chính sách, và về mặt logic có mối liên hệ chặt chẽ với các nội dung Xác định vấn đề bất cập và Mục tiêu giải quyết vấn đề trong mỗi chính sách cụ thể được trình bày tại **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** của Báo cáo ĐGTĐCS. Do đó, sau khi đánh giá từng chính sách cụ thể trong **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** trong Báo cáo ĐGTĐCS, đơn vị hoặc người thẩm định cần quay lại đánh giá tổng quan về sự phù hợp của các vấn đề bất cập và mục tiêu giải quyết vấn đề trong các chính sách cụ thể với các nội dung liên quan tại **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan**. Nội dung này sẽ được hướng dẫn cụ thể tại **mục 2.6** của **Phần A** này.

2. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ PHẦN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS quy định tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP, **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** phải được chia theo từng chính sách, trong đó mỗi chính sách phải có đủ 05 nội dung: (i) Xác định vấn đề bất cập; (ii) Mục tiêu giải quyết vấn đề; (iii) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề; (iv) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan; (v) Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề). **Phần II** này là nội dung cốt lõi của mỗi Báo cáo ĐGTĐCS, do đó hoạt động đánh giá cũng cần tập trung vào phần này.

Nội dung hướng dẫn đánh giá **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** dưới đây được cấu trúc theo từng nội dung trong 05 nội dung trên của các chính sách. Bên cạnh đó, Tài liệu cũng đưa ra một số hướng dẫn giúp đánh giá tổng quan mối liên hệ giữa các chính sách với nhau và với bối cảnh, mục tiêu xây dựng chính sách nói chung (đã được đánh giá theo hướng dẫn tại **mục 1** phía trên), cũng như sự phù hợp giữa nội dung chính sách với tên chính sách.

2.1. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP

Theo quy định tại Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, nội dung Xác định vấn đề bất cập trong mỗi chính sách bao gồm “*mô tả thực trạng của vấn đề, phân tích các bất cập, hậu quả, nguyên nhân*”. Theo quy định tại Nghị định 34/2016/NĐ-CP, việc xác định các vấn đề cần giải quyết, nguyên nhân của từng vấn đề cũng là một trong những công việc phải thực hiện khi ĐGTĐCS⁽¹⁶⁾.

Theo một số hướng dẫn kỹ thuật về ĐGTĐCS hiện hành, vấn đề thực tiễn cần giải quyết là một hiện trạng xã hội đã và đang xảy ra (hoặc có thể được dự báo sẽ xảy ra) có ảnh hưởng hay tác động tiêu cực đến đời sống, hoạt động của một hoặc một số nhóm đối tượng trong xã hội, đến tổ chức, hoạt động của cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, một vấn đề thực tiễn đòi hỏi phải được giải quyết bằng chính sách, pháp luật chỉ khi vấn đề đó có nội dung tác động và phạm vi tác động đáng kể về thời gian, không gian cho các đối tượng chịu ảnh hưởng⁽¹⁷⁾. Như vậy, có thể thấy rằng việc xác định vấn đề bất cập bao gồm các phân tích về **thực trạng, hậu quả, nguyên nhân** của vấn đề, và gắn liền với việc xác định những **ảnh hưởng hay tác động tiêu cực** và xác định **những nhóm đối tượng** phải chịu những tác động đó.

Lưu ý Báo cáo ĐGTĐCS phải phân tích, nhận diện được các nguyên nhân (trực tiếp và gián tiếp) gây ra hiện trạng (vấn đề) để phục vụ cho việc tìm kiếm giải pháp phù hợp khắc phục triệt để các nguyên nhân đó⁽¹⁸⁾. Việc nhận diện nguyên nhân phải đúng và đầy đủ với vấn đề bất cập để có thể xây dựng được chính sách, biện pháp giải quyết vấn đề phù hợp. Một vấn đề bất cập phải có tối thiểu một nguyên nhân tạo nên và có thể có nhiều nguyên nhân cho một vấn đề bất cập. Việc xác định nguyên nhân đòi hỏi phải có những thông tin, bằng chứng (số liệu thống kê, ý kiến chuyên gia...) để chứng minh, luận giải về mối

⁽¹⁶⁾ Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 5, khoản 1.

⁽¹⁷⁾ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 7.

⁽¹⁸⁾ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 8.

quan hệ nhân – quả giữa nguyên nhân và vấn đề bất cập⁽¹⁹⁾. Trong quá trình xác định nguyên nhân, cần lưu ý tới cả các nguyên nhân có thể nảy sinh từ vấn đề giới hoặc khía cạnh giới. Đơn vị hoặc người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm có trong các tài liệu được liệt kê tại Phụ lục I và có tại **mục 1, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung Xác định vấn đề bất cập sẽ theo tiêu chí sau:

Tiêu chí 2: Sự phù hợp của việc xác định vấn đề bất cập

Đơn vị hoặc người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 2

- Báo cáo có chỉ ra được vấn đề bất cập hiện nay hay không? (*Ví dụ bất cập trong việc thực thi quyền và nghĩa vụ của người dân và doanh nghiệp, bất cập về quản lý nhà nước trong lĩnh vực cụ thể...*)
- Báo cáo có phân tích được các tác động/ảnh hưởng tiêu cực (hậu quả) của vấn đề bất cập hay không? (*Ví dụ như ảnh hưởng đến việc thực thi các điều ước quốc tế, không đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích chính đáng của người dân, ảnh hưởng đến doanh nghiệp, môi trường kinh doanh...*)
- Phân phân tích về các tác động/ảnh hưởng tiêu cực (hậu quả) có chỉ ra được các đối tượng bị tác động/ảnh hưởng hay không? (*Ví dụ như người dân, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực/ngành nhất định...*)
- Báo cáo có phân tích được nguyên nhân của vấn đề bất cập hay không? (*Ví dụ như bất cập xuất phát từ sự không phù hợp của văn bản pháp luật với yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội? Hay bất cập từ việc đã*

⁽¹⁹⁾ Bộ LĐTBXH, Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động về giới, trang 27.

có quy định nhưng quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không rõ ràng; hoặc bất cập do quá trình thực thi, do thiếu nguồn lực thực hiện? ...)

• Nguyên nhân của vấn đề bất cập có được xác định đúng và đủ hay không? (Ví dụ nguyên nhân có phải là nguyên nhân trực tiếp, chính yếu dẫn tới vấn đề bất cập không? Hay chỉ là nguyên nhân gián tiếp? Có vấn đề giới hay khía cạnh giới nào trong các nguyên nhân mà Báo cáo chưa đề cập hay không?...)

2.2. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG MỤC TIÊU GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Theo quy định tại khoản 2, Điều 5 của Nghị định 34/2016/NĐ-CP, việc xác định mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể khi giải quyết các vấn đề là một trong những công việc phải thực hiện trong quá trình xây dựng nội dung của chính sách. Mục tiêu chính sách là mức độ giải quyết vấn đề thực tiễn mà Nhà nước hướng tới trong thời gian trước mắt hoặc lâu dài (mục tiêu ngắn hạn, mục tiêu dài hạn) nhằm hạn chế, giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với các đối tượng chịu tác động hoặc chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách pháp luật. Một vấn đề có thể phát sinh do nhiều nguyên nhân gây ra và có thể tác động tiêu cực đến các đối tượng trên các khía cạnh khác nhau như kinh tế, xã hội, môi trường... Do đó, mục tiêu chính sách trước tiên cần hướng tới giải quyết những **nguyên nhân chính** gây nên tác động tiêu cực chủ yếu cho các đối tượng⁽²⁰⁾. Đơn vị hoặc người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm có trong các tài liệu ở Phụ lục I và tại **mục 2, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung Mục tiêu giải quyết vấn đề sẽ theo tiêu chí sau:

Tiêu chí 3: Sự phù hợp của việc xác định mục tiêu giải quyết vấn đề

⁽²⁰⁾ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 8.

Đơn vị hoặc người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 3

- Mục tiêu giải quyết vấn đề có tương xứng với các nguyên nhân chính, trực tiếp đã được xác định tại phần Xác định vấn đề bất cập hay không? (Ví dụ, nếu phần xác định nguyên nhân chỉ ra 02 nguyên nhân chính dẫn đến vấn đề bất cập thì đã có các mục tiêu tương ứng để khắc phục 02 nguyên nhân đó hay chưa?...)

- Mục tiêu giải quyết vấn đề có được xác định rõ ràng hay không? (Ví dụ mục tiêu được nêu cụ thể, đo lường được, có tính khả thi, phù hợp với thực tế, và được xác định trong khoảng thời gian cụ thể?...)

2.3. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Việc xác định định hướng, giải pháp để giải quyết từng vấn đề là một trong những công việc phải thực hiện trong quá trình xây dựng nội dung của chính sách theo quy định tại khoản 3, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP. Theo quy định tại Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, trong số các giải pháp đề xuất, bắt buộc phải có **giải pháp giữ nguyên hiện trạng**⁽²¹⁾.

Theo một số tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, giải pháp thực hiện chính sách là các phương án khác nhau để giải quyết vấn đề thực tiễn theo mục tiêu đã xác định. Giải pháp phải **phù hợp, cân xứng** với vấn đề về quy mô, phạm vi, đối tượng tác động, khắc phục được trúng và đúng các nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân gián tiếp gây ra vấn đề; đồng thời giải pháp phải hiệu quả nghĩa là **đạt được mục tiêu** đặt ra với chi phí hợp lý, khả thi đối với các đối tượng phải thực hiện, tuân thủ. Thông thường, mỗi giải pháp thực hiện chính sách sử dụng một công cụ thể hiện cách thức mà Nhà nước có thể can thiệp để giải quyết vấn đề thực tiễn. Việc ban hành VBQPPL chứa chính sách là một trong các công

⁽²¹⁾ Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Phụ lục V, Mẫu số 01, Mục II.

cụ, giải pháp quan trọng nhưng không phải là duy nhất. Có những công cụ chính sách bắt buộc phải thể hiện bằng hình thức VBQPPL (như luật, pháp lệnh...) nhưng cũng có những công cụ thực hiện không phải bằng VBQPPL (như cải tiến phương thức giải quyết TTHC)⁽²²⁾.

Bên cạnh phương án/giải pháp giữ nguyên hiện trạng, các giải pháp được đề xuất để giải quyết vấn đề trong các Báo cáo ĐGTĐCS thường bao gồm từ 02 – 03 giải pháp khác với các đề xuất mang tính thay đổi so với giải pháp giữ nguyên hiện trạng để nhằm so sánh giữa các giải pháp và xác định giải pháp nào là tối ưu với mục tiêu đã đề ra. Kinh nghiệm thực hiện xây dựng các giải pháp thường có trong các tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS của Việt Nam và quốc tế, đơn vị/người thẩm định có thể tham khảo thêm tại **mục 3, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

Từ những nội dung nêu trên, việc đánh giá nội dung Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề sẽ theo tiêu chí sau:

Tiêu chí 4: Sự phù hợp của việc xác định các giải pháp giải quyết vấn đề

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thỏa mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 4

- Trong mỗi chính sách, Báo cáo ĐGTĐCS có giải pháp giữ nguyên hiện trạng hay không? Ngoài giải pháp giữ nguyên hiện trạng thì Báo cáo có đưa ra thêm được tối thiểu 02 giải pháp khác hay không?
- Các giải pháp được đề xuất có gắn với các mục tiêu giải quyết vấn đề đã được xác định hay không?
- Các giải pháp có cân xứng với quy mô, phạm vi, đối tượng tác động, khắc phục được trúng và đúng các nguyên nhân trực tiếp hay không?

⁽²²⁾ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 9; Bộ LĐTBXH, Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động về giới, trang 30, trang 31.

- Có bắt buộc phải ban hành VBQPPL để đạt được mục tiêu giải quyết vấn đề hay không? Liệu có công cụ nào khác phù hợp hơn để đạt được mục tiêu hay không?

2.4. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN

ĐGTĐ của các giải pháp là nội dung cốt lõi trong mỗi chính sách nói riêng và trong Báo cáo ĐGTĐCS nói chung. Việc đánh giá được thực hiện trên 05 khía cạnh theo quy định tại Luật BHVBQPPL và các văn bản hướng dẫn⁽²³⁾, bao gồm: (i) Tác động về kinh tế; (ii) Tác động về xã hội; (iii) Tác động về giới; (iv) Tác động của TTHC; và (v) Tác động với hệ thống pháp luật.

2.4.1. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích Tác động về kinh tế

Pháp luật hiện hành quy định tác động về kinh tế được đánh giá trên cơ sở “*phân tích **chi phí** và **lợi ích** đối với một hoặc một số nội dung về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương, chi tiêu công, đầu tư công và các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế*”⁽²⁴⁾.

Theo một số tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về ĐGTĐ kinh tế, các tác động về kinh tế có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên các **đối tượng khác nhau** trong xã hội trong nhiều **khía cạnh kinh tế** bao gồm: (i) Nhà nước (ví dụ: tác động từ chi tiêu công/nguồn thu công; tăng/giảm đầu tư công; tăng/giảm chi tiêu cho phúc lợi xã hội, thất thu thuế...); (ii) Người dân (ví dụ: tác động từ tăng/giảm tài sản; tăng/giảm chi tiêu; tăng/giảm tiền lương; tăng/giảm thuế...); (iii) Tổ chức (ví dụ: tác động từ sản xuất/kinh doanh; tiêu dùng/chi tiêu tổ chức; tăng/giảm đầu tư; khả năng cạnh tranh...); (iv) Đối tượng khác (ví dụ: tác động về chi

⁽²³⁾ Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 6; Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 3.

⁽²⁴⁾ Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 6, khoản 1.

tiêu/tiêu dùng; tăng/giảm đầu tư; tăng/giảm kiều hối...), từ đó tác động với từng đối tượng trên sẽ có ảnh hưởng tới nội dung chung là trình độ phát triển, năng lực cạnh tranh, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương⁽²⁵⁾. Trong ĐGTĐ kinh tế, **phân tích lợi ích – chi phí** là phương pháp chủ đạo nhằm đánh giá lợi ích thuần mà một chính sách hoặc một chương trình sẽ mang lại cho xã hội hay nền kinh tế. Việc tính toán đầy đủ và thể hiện đầy đủ các chi phí và lợi ích này sẽ giúp cho các cơ quan đề xuất, xây dựng chính sách, văn bản pháp luật hiểu rõ hơn chính sách sẽ tác động đến các đối tượng khác nhau như thế nào. Bên cạnh đó, phương pháp đánh giá giả định cũng được áp dụng dựa trên các quy luật kinh tế, xã hội chắc chắn, chính xác và đã được xác lập⁽²⁶⁾. Đơn vị/người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm được nêu ở các tài liệu tại Phụ lục I và tại **mục 4, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

Cũng lưu ý rằng trong Mẫu Báo cáo ĐGTĐ còn quy định có thể có **Phần V – Phụ lục**, bao gồm các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích của các giải pháp (nếu có). Do đó, quá trình đánh giá cũng cần lưu ý tới các bảng, biểu trong các phụ lục (ví dụ đã được dẫn chiếu trong các phần ĐGTĐ của các giải pháp).

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung Tác động về kinh tế sẽ theo tiêu chí sau:

Tiêu chí 5: Sự phù hợp của các phân tích tác động về kinh tế

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 5

- Báo cáo có xác định được các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan từ khía cạnh kinh tế hay không? Các đối tượng được xác định đã đúng và đủ hay chưa (*thông thường sẽ có 03 nhóm đối tượng: (i) Nhà nước; (ii) Doanh nghiệp, tổ chức khác;*

⁽²⁵⁾ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 20.

⁽²⁶⁾ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 25.

(iii) Cá nhân)? Còn nhóm đối tượng nào có khả năng bị tác động mà Báo cáo chưa đề cập, đặc biệt là các nhóm yếu thế (như người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, người dân ở các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người lao động di cư...)? Có đối tượng nào được xác định là có tác động nhưng trên thực tế sẽ không chịu tác động?

- Báo cáo đã xác định được các tác động về kinh tế (phân tích chi phí và lợi ích) lên các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan chưa? Còn chi phí hay lợi ích nào bị bỏ sót hay không? Có chi phí hay lợi ích nào được xác định tại Báo cáo nhưng trên thực tế sẽ không phát sinh?

- Các tính toán chi phí và lợi ích có đúng hay không? (Ví dụ số lượng đối tượng chịu tác động đã đúng với thực tế hay chưa? Số tiền được tính toán có đúng hay không?...)

- Báo cáo có các bảng biểu tính toán chi phí và lợi ích được đính kèm trong phụ lục hay không? Có bảng biểu nào được nêu trong phần chính của Báo cáo mà trong phụ lục không có? Có điểm mâu thuẫn nào giữa nội dung được trình bày trong phần chính của Báo cáo và nội dung tại các bảng biểu tương ứng tại phụ lục hay không?

2.4.2. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích Tác động về xã hội

Theo quy định hiện hành, tác động về xã hội được đánh giá trên cơ sở “*phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội, chính sách dân tộc (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội*”⁽²⁷⁾. Theo đó, ĐGTD về xã hội dựa trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với các vấn đề xã hội rất đa dạng, bao gồm 13 khía cạnh chính: (i) Dân số; (ii) Việc làm; (iii) Tài sản; (iv) Sức khỏe; (v) Môi trường; (vi) Y tế; (vii) Giáo dục; (viii) Di lại; (ix) Giảm nghèo; (x) Giá

⁽²⁷⁾ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 3, điểm a.

trị văn hoá truyền thống; (xi) Gắn kết cộng đồng, xã hội; (xii) Chính sách dân tộc; (xiii) Các vấn đề khác. Cũng tương tự như ĐGTĐ về kinh tế, ĐGTĐ về xã hội đòi hỏi phải **xác định đúng các đối tượng chịu tác động** về mặt xã hội trong các nhóm đối tượng: (i) Nhà nước, (ii) Người dân, (iii) Tổ chức; (iv) Đối tượng khác, và **khía cạnh xã hội mà đối tượng đó bị tác động**. Nói cách khác, người thực hiện ĐGTĐ phải thực hiện các phân tích để trả lời câu hỏi: Giải pháp chính sách có gây ra tác động xã hội (trong từng lĩnh vực cụ thể) như thế nào với từng nhóm đối tượng bị tác động?⁽²⁸⁾.

Trên thực tế, nhiều cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS còn gặp khó khăn trong việc ĐGTĐ về xã hội, cụ thể với việc xác định các đối tượng chịu tác động về mặt xã hội và các khía cạnh xã hội chịu tác động của các đối tượng đó. Gần đây đã có một số tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cụ thể về việc xác định các đối tượng chịu tác động và các khía cạnh tác động xã hội, cụ thể như *Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tác động của chính sách* của Bộ Tư pháp Việt Nam, *Danh mục kiểm tra khi Bộ Tư pháp thẩm định nội dung ĐGTĐCS về xã hội* và *ĐGTĐCS về giới trong đề nghị xây dựng VBQPPL/Dự thảo VBQPPL* và *Danh mục tham chiếu về ĐGTĐ xã hội và giới trong quy trình xây dựng chính sách, VBQPPL* của Bộ Tư pháp, *Danh mục tham chiếu phục vụ cho quy trình đánh giá tác động xã hội và giới của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*, *Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động về giới* của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội. Các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật như trên sẽ giúp người phụ trách xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS thuận tiện hơn trong việc xác định các đối tượng và khía cạnh xã hội chịu tác động của chính sách, rút ngắn thời gian xác định đối tượng và khía cạnh chịu tác động, đồng thời hạn chế khả năng bỏ sót các đối tượng và khía cạnh có khả năng chịu tác động bởi chính sách, đặc biệt là các tác động lên nhóm yếu thế.

⁽²⁸⁾ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 30.

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung Tác động về xã hội sẽ theo tiêu chí sau:

Tiêu chí 6: Sự phù hợp của các phân tích tác động về xã hội

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thỏa mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 6

- Báo cáo có xác định được các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan từ khía cạnh xã hội hay không? Các đối tượng được xác định đã đúng và đủ hay chưa (*thông thường sẽ có 03 nhóm đối tượng: (i) Nhà nước; (ii) Doanh nghiệp, tổ chức khác; (iii) Cá nhân*)? Còn nhóm đối tượng nào có khả năng bị tác động mà Báo cáo chưa đề cập, đặc biệt là các nhóm yếu thế (như người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, người dân ở các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người lao động di cư...)? Có đối tượng nào được xác định là có tác động nhưng trên thực tế sẽ không chịu tác động?
- Báo cáo đã xác định được các tác động về mặt xã hội ở các khía cạnh nào trong số 13 nội dung theo quy định? Còn khía cạnh nào (có thể ngoài 13 nội dung theo quy định) có khả năng chịu tác động của chính sách mà Báo cáo chưa đề cập?
- Với mỗi khía cạnh/nội dung chịu tác động về mặt xã hội, Báo cáo có nêu được các chỉ tiêu ĐGTĐ cụ thể hay không? (Ví dụ, *Báo cáo xác định chính sách có tác động về mặt Việc làm thì cụ thể tác động đó được thể hiện như thế nào - như giúp nâng cao năng suất lao động, bảo vệ lao động nữ, giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp...*)
- Trong mỗi lĩnh vực, Báo cáo có phân tích được các tác động tích cực và tiêu cực lên các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan hay không?

2.4.3. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích Tác động về giới

Tác động về giới (nếu có) được đánh giá trên cơ sở “*phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới*”⁽²⁹⁾. Luật Bình đẳng giới 2006 cũng quy định “*Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới bằng cách xác định vấn đề giới, dự báo tác động giới của văn bản, trách nhiệm, nguồn lực để giải quyết vấn đề giới trong các quan hệ xã hội được văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh*”⁽³⁰⁾. Trong Quyết định 2410/QĐ-BTP, Bộ Tư pháp cũng xác định một trong những nội dung thẩm định là việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có). Cụ thể, văn bản này đưa ra yêu cầu khi thẩm định về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản thì cần xem xét, đánh giá các chính sách được đề xuất có khả năng gây bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới hay không, đồng thời đánh giá cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và khả năng thụ hưởng các quyền, lợi ích, sự tác động tích cực hoặc tiêu cực đến mỗi giới trong chính sách.... Trường hợp nội dung chính sách có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới nhưng chưa được cơ quan đề xuất xử lý thì trong báo cáo phải nêu rõ và yêu cầu xử lý trong chính sách⁽³¹⁾.

Với việc ĐGTD về giới được thực hiện **lồng ghép với ĐGTD về xã hội, kinh tế**, về mặt logic, đối với mỗi chỉ tiêu xã hội, kinh tế được xác định là có tác động, cần thiết phải đánh giá chỉ tiêu đó ở khía cạnh giới để xem xét chỉ tiêu đó có tạo ra sự tác động về giới hay không, cụ thể là có tạo ra sự khác biệt đáng kể đối với cơ hội, năng lực, điều kiện và thụ hưởng quyền, lợi ích của nam và nữ hay không. Do đó, cần có “nhạy cảm giới” để nhận biết và đánh giá đúng sự khác biệt của các tác động đó đối với mỗi giới (nam, nữ) và hệ quả, từ

⁽²⁹⁾ Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 3, điểm a.

⁽³⁰⁾ Luật Bình đẳng giới 2006, Điều 5, khoản 7.

⁽³¹⁾ Quyết định 2410/QĐ-BTP, Phụ lục I, mục 9.

đó đề xuất lựa chọn giải pháp phù hợp³². Đơn vị/người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm được nêu ở trong các tài liệu ở Phụ lục I và tại **mục 5, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

Từ những phân tích trên, việc đánh giá nội dung Tác động về giới theo tiêu chí sau:

Tiêu chí 7: Sự phù hợp của các phân tích tác động về giới

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 7

- Trong trường hợp Báo cáo CÓ đề cập tới vấn đề bất cập về giới/khía cạnh giới tại phần Xác định vấn đề bất cập và Mục tiêu giải quyết vấn đề thì trong các nội dung tại phần Đánh giá tác động của các giải pháp có các phân tích tác động về giới tương ứng hay không?
- Trong trường hợp Báo cáo KHÔNG đề cập tới vấn đề bất cập về giới/khía cạnh giới tại phần Xác định vấn đề bất cập và Mục tiêu giải quyết vấn đề thì trong các nội dung tại phần Đánh giá tác động của các giải pháp, có các phân tích tác động về kinh tế và xã hội nào cho thấy có khả năng tạo ra sự khác biệt của các tác động đó đối với mỗi giới hay không?
- Các tác động về giới (nếu có) có phân tích được các tác động về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới hay không?

2.4.4. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích Tác động của thủ tục hành chính

Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định tác động của TTHC (nếu có) được đánh giá trên cơ sở “*phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính*

⁽³²⁾ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 34.

hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách”⁽³³⁾.

Gần đây, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 03/2022/TT-BTP hướng dẫn việc ĐGTD của TTHC trong lập đề nghị xây dựng VBQPPL và soạn thảo dự án, dự thảo VBQPPL (Thông tư 03/2022/TT-BTP), thay thế Thông tư 07/2014/TT-BTP, và có hiệu lực từ 28/03/2022. Theo quy định tại Thông tư này, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định quy định TTHC theo Luật BHVBQPPL và quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng chịu sự tác động của quy định TTHC để hoàn thiện nội dung thẩm định về quy định TTHC trước khi gửi đơn vị thẩm định tổng hợp, hoàn thiện Báo cáo thẩm định⁽³⁴⁾.

Trên thực tế, Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát TTHC và các văn bản sửa đổi, bổ sung⁽³⁵⁾ không đưa ra các tiêu chí riêng về thẩm định TTHC mà dẫn chiếu về các quy định chung của Luật BHVBQPPL, Nghị định 34/2016/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Do đó, vào thời điểm hiện hành, việc đánh giá TTHC sẽ được thực hiện theo các tiêu chí được nêu tại Nghị định 34/2016/NĐ-CP như đã đề cập, bao gồm: (i) **Sự cần thiết**; (ii) **Tính hợp pháp**; (iii) **Tính hợp lý**; (iv) **Chi phí tuân thủ**. Thông tư 03/2022/TT-BTP có hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá từng yếu tố này của TTHC trong 02 trường hợp: (i) Trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản; và (ii) Trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản, và là cơ sở cho việc đánh giá nội dung ĐGTD TTHC trong các Báo cáo ĐGTĐCS. **Bảng 1** dưới đây tóm lược các nội dung quan trọng của việc xác định 04 tiêu chí đánh giá TTHC trong 02 trường hợp nêu trên theo quy định tại Thông tư 03/2022/TT-BTP:

⁽³³⁾ Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 6, khoản 4.

⁽³⁴⁾ Thông tư 03/2022/TT-BTP, Điều 4, khoản 3.

⁽³⁵⁾ Nghị định 63/2010/NĐ-CP, Điều 10, Điều 11; Nghị định 48/2013/NĐ-CP, Điều 1, khoản 4; Nghị định 92/2017/NĐ-CP, Điều 1, khoản 3.

Bảng 1: Tiêu chí đánh giá TTHC theo quy định tại

Thông tư 03/2022/TT-BTP⁽³⁶⁾

TIÊU CHÍ	TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN	TRONG SOẠN THẢO DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN
Sự cần thiết	(i) Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực nhất định hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. (ii) Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. (iii) Là phương án, giải pháp tối ưu trong các phương án, giải pháp có thể được thực hiện để bảo đảm các yêu cầu tại mục (i) và (ii).	<i>Trương tự việc đánh giá sự cần thiết trong lập đề nghị xây dựng văn bản.</i>
Tính hợp pháp	(i) TTHC được đề xuất trong đề nghị xây dựng văn bản theo đúng thẩm quyền được quy định tại Luật BHVBQPPL và các quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC. (ii) TTHC được đề xuất phải bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật. (iii) TTHC được đề xuất phải bảo	(i) TTHC phải được ban hành theo đúng thẩm quyền được quy định tại Luật BHVBQPPL và các quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC. (ii) Nội dung quy định TTHC có sự thống nhất trong cùng một văn bản; không trái với các VBQPPL khác, điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội

⁽³⁶⁾ Thông tư 03/2022/TT-BTP, từ Điều 6 đến Điều 9, Điều 11.

TIÊU CHÍ	TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN	TRONG SOẠN THẢO DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN
	đảm tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
Tính hợp lý	Đánh giá tính hợp lý đối với 03 bộ phận của TTHC, gồm tên TTHC, đối tượng thực hiện TTHC và cơ quan giải quyết TTHC. <i>(Chi tiết xem tại khoản 2, Điều 8, Thông tư 03/2022/TT-BTP)</i>	Tương tự việc đánh giá tính hợp lý trong lập đề nghị xây dựng văn bản với 03 bộ phận của TTHC (tên, đối tượng, cơ quan giải quyết), ngoài ra cần đánh giá thêm tính hợp lý đối với các bộ phận khác của TTHC bao gồm: (i) Trình tự thực hiện; (ii) Cách thức thực hiện; (iii) Thành phần, số lượng hồ sơ; (iv) Thời hạn giải quyết; (v) Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có); (vi) Mẫu đơn, tờ khai; (vii) Yêu cầu, điều kiện; (viii) Kết quả thực hiện TTHC. <i>(Chi tiết xem tại khoản 3, Điều 11, Thông tư 03/2022/TT-BTP)</i>
Chi phí tuân thủ	Xác định rõ để thực hiện TTHC, cá nhân, tổ chức phải nộp hoặc không phải nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có). Việc đề xuất quy định phí, lệ phí	(i) Tuân thủ các nguyên tắc tính chi phí tuân thủ TTHC quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 11, Thông tư 03/2022/TT-BTP. (ii) Tuân thủ cách tính chi phí

TIÊU CHÍ	TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN	TRONG SOẠN THẢO DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN
	và các chi phí khác (nếu có) cơ bản phải bảo đảm bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi cơ quan nhà nước giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức; bảo đảm cắt giảm tối đa chi phí không cần thiết cho cá nhân, tổ chức; có tính đến đặc điểm từng vùng miền, từng đối tượng thực hiện, từng lĩnh vực và thông lệ quốc tế.	tuân thủ TTHC và cách xác định các loại chi phí cụ thể để tính chi phí tuân thủ TTHC theo quy định tại điểm b, điểm c, khoản 4, Điều 11, Thông tư 03/2022/TT-BTP.

Bên cạnh đó, khi ĐGTĐ TTHC trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản, cũng cần lưu ý có một số khác biệt về ĐGTĐ của TTHC trong các trường hợp: (i) TTHC dự kiến ban hành mới; (ii) TTHC được quy định chi tiết; (iii) TTHC được sửa đổi, bổ sung; (iv) TTHC được bãi bỏ⁽³⁷⁾.

Việc ĐGTĐ TTHC được thực hiện theo các **biểu mẫu** tại Thông tư 03/2022/TT-BTP. Theo đó, có các biểu mẫu riêng dành cho việc ĐGTĐ trong lập đề nghị xây dựng văn bản (Phụ lục I, Thông tư 03/2022/TT-BTP) và trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản (Phụ lục II, Thông tư 03/2022/TT-BTP). Như vậy, có thể thấy rằng, khác với những khía cạnh ĐGTĐ khác như kinh tế, xã hội hay giới chỉ có những quy định chung, nội dung hướng dẫn ĐGTĐ TTHC trong hệ thống quy định hiện hành khá rõ ràng, chi tiết. Điều này cũng sẽ giúp cơ quan thẩm định thuận tiện hơn trong quá trình đánh giá nội dung phân tích tác động của TTHC.

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung Tác động của TTHC sẽ theo tiêu chí sau:

⁽³⁷⁾ Thông tư 03/2022/TT-BTP, Điều 11, Điều 12.

Tiêu chí 8: Tính cần thiết, hợp pháp, hợp lý và sự phù hợp của chi phí tuân thủ của TTHC

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thỏa mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 8

• **Tính cần thiết:** Báo cáo có nêu rõ TTHC phục vụ cho nhu cầu quản lý nhà nước trong ngành, lĩnh vực nào và bảo đảm việc thực hiện quyền, nghĩa vụ nào của cá nhân, tổ chức? Các lý do được đưa ra có cho thấy sự cần thiết của TTHC hay không? Trong những phương án, giải pháp được đưa ra có giải pháp nào phù hợp hơn so với việc ban hành TTHC hay không? (*Ví dụ có thể thực hiện hậu kiểm thay vì yêu cầu thực hiện TTHC không?*). Lý do lựa chọn phương án, giải pháp quy định TTHC có xác đáng không?

• **Tính hợp pháp:** Báo cáo có xác định thẩm quyền ban hành TTHC hay không? Thẩm quyền được xác định có phù hợp với quy định pháp luật hay không⁽³⁸⁾? Nội dung xác định về việc TTHC có hay không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định tại các văn bản khác và với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đã phù hợp hay chưa?

• **Tính hợp lý:** Các bộ phận của TTHC được đánh giá tính hợp lý (lưu ý sự khác nhau giữa 02 trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản) đã đầy đủ theo yêu cầu của Thông tư 03/2022/TT-BTP hay chưa? Các bộ phận có được xác định rõ ràng, cụ thể và hợp lý hay không? *Ví dụ, tên TTHC có rõ ràng hay không? Đối tượng thực hiện, phạm vi áp dụng có nên thu hẹp hay không? Thẩm quyền của cơ quan giải quyết đã được xác định rõ ràng chưa? Có nên uỷ quyền hoặc phân cấp nữa hay*

⁽³⁸⁾ Khoản 4 Điều 14 Luật BHVBQPPL quy định cấm: “Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của HĐND, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này”.

không? Có thể lựa chọn cách thức thực hiện trực tuyến (điện tử) được không? Thành phần hồ sơ có được quy định rõ ràng?...

• **Sự phù hợp của chi phí tuân thủ:**

- Với trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản: Báo cáo đã làm rõ về việc phải nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) hay chưa? Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) đã bảo đảm bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi cơ quan nhà nước giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức; bảo đảm cắt giảm tối đa chi phí không cần thiết cho cá nhân, tổ chức; có tính đến đặc điểm từng vùng miền, từng đối tượng thực hiện, từng lĩnh vực và thông lệ quốc tế hay chưa?

- Với trường hợp soạn thảo dự án, dự thảo văn bản: Chi phí tuân thủ được tính ra trong Báo cáo đã đúng hay chưa? *Ví dụ như các công việc được liệt kê trong các bước thực hiện TTHC đã phản ánh đúng nội dung của TTHC hay chưa? Số lần thực hiện/năm và số lượng đối tượng tuân thủ/năm đã được xác định đúng hay chưa? Còn hoạt động nào trên thực tế mà cá nhân, tổ chức phải triển khai trong quá trình thực hiện TTHC nhưng Báo cáo chưa tính đến? Mức thu nhập bình quân/giờ làm việc đã đúng theo hướng dẫn tại Thông tư 03/2022/TT-BTP hay chưa?...*

• Báo cáo có sử dụng các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư 03/2022/TT-BTP hay không? Có sử dụng đúng loại biểu mẫu theo hướng dẫn tại Thông tư này với từng trường hợp hay không, bao gồm biểu mẫu dành cho việc ĐGTD trong lập đề nghị xây dựng văn bản (Phụ lục I, Thông tư 03/2022/TT-BTP) và trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản (Phụ lục II, Thông tư 03/2022/TT-BTP)?

• Có TTHC nào phát sinh trong chính sách mà chưa được ĐGTD hay không?

2.4.5. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích Tác động với hệ thống pháp luật

Theo quy định hiện hành, tác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở “*phân tích, dự báo tác động đối với tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*”⁽³⁹⁾. Theo đó, sẽ có 03 nội dung được đánh giá, bao gồm: (i) **Tính thống nhất, đồng bộ** của hệ thống pháp luật; (ii) **Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân**; (iii) **Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên**.

Trong số 03 nội dung trên, riêng với nội dung số (ii) đánh giá về “*khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân*” là nội dung tổng hợp một số nội dung đã được đề cập trong phần ĐGTD kinh tế, xã hội và TTHC⁽⁴⁰⁾. Ví dụ, phần ĐGTD kinh tế đã đề cập tới khả năng làm gia tăng chi phí tuân thủ cho các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách, đồng thời làm tăng chi phí ngân sách nhà nước cho việc đảm bảo thi hành chính sách. Khi đó, thông thường các nội dung này sẽ được dẫn chiếu lại một cách ngắn gọn trong phần đánh giá khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Liên quan tới nội dung số (i) và (iii), đây là 02 nội dung mang tính rà soát khá kỹ thuật để xác định các xung đột, mâu thuẫn, chồng chéo (nếu có) giữa chính sách được đánh giá và các văn bản hiện có trong hệ thống pháp luật, bao gồm cả các điều ước quốc tế có liên quan. Đối với nội dung (i) đánh giá “*tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật*”, Báo cáo ĐGTD-CS cần đánh giá được tác động của chính sách với các quy định của Hiến pháp 2013 và quy định của các VBQPPL có liên quan, bao gồm các VBQPPL hiện hành có giá trị

⁽³⁹⁾ Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 3, điểm b.

⁽⁴⁰⁾ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTD-CS, trang 37.

pháp lý cao hơn hoặc do cơ quan cùng cấp có thẩm quyền ban hành về các vấn đề có liên quan trong nội dung chính sách⁽⁴¹⁾. Lưu ý rằng việc đánh giá tính thống nhất, đồng bộ không phải lúc nào cũng cho ra kết quả là chính sách phải thống nhất, phù hợp với các VBQPPL có liên quan (bởi thực tế việc đề xuất chính sách mới có thể dẫn tới việc phải thay đổi quy định pháp luật hiện hành). Đối với nội dung (iii) đánh giá về “*khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*”, Báo cáo ĐGTĐCS cần đảm bảo đã rà soát tất cả các điều ước quốc tế có liên quan tới nội dung chính sách và đảm bảo nội dung chính sách đề xuất phải tương thích với các điều ước quốc tế đó.

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung Tác động với hệ thống pháp luật sẽ theo tiêu chí sau:

Tiêu chí 9: Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và khả năng thi hành, tuân thủ pháp luật

Đơn vị/Người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thỏa mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 9

• **Tính thống nhất, đồng bộ:**

- Báo cáo ĐGTĐCS đã rà soát và ĐGTĐ của chính sách với Hiến pháp, các Điều ước quốc tế và VBQPPL hiện hành có liên quan hay chưa? Còn Điều ước quốc tế hay VBQPPL nào có liên quan tới nội dung chính sách nhưng chưa được đánh giá hay không?

- Các nội dung được đánh giá là chưa phù hợp/còn mâu thuẫn có đúng hay không? Báo cáo có chỉ rõ được điểm chưa phù hợp/còn mâu thuẫn hay không hoặc chỉ rõ vấn đề cần phải sửa đổi quy định pháp luật hiện hành cho phù hợp với thực tiễn? Các phân tích có đúng hay không? (Ví dụ Báo cáo ĐGTĐCS kết luận rằng một giải pháp chính sách được đề xuất có điểm chưa

⁽⁴¹⁾ Quyết định 2410/QĐ-BTP, Mục I.4.

phù hợp với một số VBQPPL trong các lĩnh vực khác, tuy nhiên không có các phân tích cụ thể; hoặc có phân tích cụ thể lý do mâu thuẫn nhưng khi đơn vị/người thẩm định đánh giá lại thì nhận thấy các nội dung này không mâu thuẫn...).

- Các nội dung được đánh giá là phù hợp/không mâu thuẫn có đúng hay không? Có giải pháp nào có khả năng tạo ra sự không phù hợp/mâu thuẫn với các văn bản hiện hành hay không? (Ví dụ Báo cáo nhận định rằng giải pháp chính sách phù hợp với tất cả các VBQPPL trong phạm vi rà soát, tuy nhiên đơn vị/người thẩm định nhận thấy vẫn còn có điểm chưa thực sự thống nhất giữa chính sách đề xuất với một/một số quy định pháp luật hiện hành hoặc chính sách đề xuất có thể phá vỡ một chế định pháp lý được quy định tại nhiều văn bản pháp luật khác nhau...).

● **Khả năng thi hành, tuân thủ pháp luật:** Các nội dung ĐGTD đối với hệ thống pháp luật có dẫn chiếu lại các nội dung ĐGTD kinh tế, xã hội, TTHC có liên quan hay không? Các nội dung ĐGTD kinh tế, xã hội, TTHC cho thấy mức độ khả thi của chính sách như thế nào? (Ví dụ một chính sách trong lĩnh vực lao động dự kiến có tác động xã hội rất tốt, tuy nhiên chi phí tuân thủ rất lớn nên có thể không thực sự khả thi đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa...)

2.5. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP LỰA CHỌN (TRONG ĐÓ CÓ XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN BAN HÀNH CHÍNH SÁCH ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ)

Để lựa chọn giải pháp tối ưu, Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS yêu cầu việc kiến nghị lựa chọn giải pháp phải thực hiện trên cơ sở phân tích, **so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp**. Phương án tối ưu nhất là phương án được cân nhắc trên cơ sở tổng hợp các phân tích, đánh giá trên cả 05 khía cạnh ĐGTĐCS, bao gồm cả tác động về giới và TTHC, nếu có. Giải pháp được coi là tối ưu khi đây là giải pháp **hợp lý, khả thi và hiệu quả nhất** để giải quyết được vấn đề thực tiễn, đạt được mục tiêu chính sách. Tính khả thi của giải pháp

có thể xem xét ở một số khía cạnh như về nội dung hoạt động, nguồn lực, phương pháp thực hiện, công nghệ và hệ thống, khả thi về lịch trình thực hiện, các điều kiện về thực thi, giám sát, đánh giá...⁽⁴²⁾. Đơn vị/người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm có liên quan tại đề cập tại Phụ lục I và **mục 6, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

Liên quan tới việc xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề, khoản 5, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định việc xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là một trong những hoạt động của việc xây dựng nội dung của chính sách. Việc xác định thẩm quyền này cần đảm bảo sự phù hợp các quy định có liên quan tại Luật BHVBQPPL.

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề) sẽ theo tiêu chí sau:

Tiêu chí 10: Tính tối ưu của giải pháp được kiến nghị lựa chọn và tính chính xác của việc xác định thẩm quyền ban hành chính sách

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 10

- Báo cáo ĐGTĐCS có so sánh lợi ích, chi phí, tác động tích cực, tiêu cực giữa các giải pháp hay không? Việc so sánh có thực hiện đủ trên 05 nội dung ĐGTĐ kinh tế, xã hội, giới, hệ thống pháp luật, TTHC hay không? *(Lưu ý nội dung về giới và TTHC không phải chính sách nào cũng có)*
- Giải pháp được lựa chọn có phải là giải pháp có hiệu số/tỷ lệ lợi ích so với chi phí cao nhất trong số các phương án hay không? Nếu không phải thì lý do nào được đưa ra để lựa chọn giải pháp theo đề xuất? *(Lưu ý rằng có*

⁽⁴²⁾ Bộ LĐTBXH, Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động về giới, trang 55.

nhieu trường hợp giải pháp có hiệu số/tỷ lệ lợi ích – chi phí cao nhất không phải là giải pháp tối ưu do không phải là giải pháp hợp lý, khả thi và hiệu quả nhất...)

- Giải pháp được kiến nghị lựa chọn có phải là giải pháp hợp lý, khả thi và hiệu quả nhất để giải quyết vấn đề bất cập, đạt được mục tiêu chính sách hay không? (Ví dụ có khả thi về nguồn lực, thời gian, phương pháp, công nghệ, hệ thống... hay không)

- Báo cáo ĐGTĐCS đã xác định thẩm quyền ban hành chính sách hay chưa? Thẩm quyền được xác định có phù hợp với quy định tại Chương II – Thẩm quyền ban hành, nội dung VBQPPL của Luật BHVBQPPL hay không?

2.6. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP GIỮA NỘI DUNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH VỚI NHAU VÀ VỚI PHÂN XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN, VÀ SỰ PHÙ HỢP GIỮA TÊN VÀ NỘI DUNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH

Như đã đề cập trong phần đầu của Tài liệu này, các chính sách được đánh giá trong **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** của Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS theo Nghị định 154/2020/NĐ-CP có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và với các nội dung tại **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** trong Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS. Cụ thể, các chính sách được ĐGTĐ trong **Phần II** của Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS cần đảm bảo sự phù hợp với bối cảnh và mục tiêu xây dựng chính sách nói chung, bao gồm mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể đã được đề cập tại **Phần I** của Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS.

Do đó, sau khi đã đánh giá riêng lẻ từng chính sách trong **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** của mỗi Báo cáo ĐGTĐCS, đơn vị/người thẩm định cần thiết phải xem xét **sự phù hợp** giữa các chính sách trong phần này với nhau, và với bối cảnh, mục tiêu xây dựng chính sách nói chung tại **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** của Báo cáo.

Ngoài ra, cũng cần xem xét **sự phù hợp** giữa tên chính sách và các nội dung chính sách. Vấn đề này thích hợp để đơn vị/người thẩm định xem xét sau khi đã đánh giá các nội dung cụ thể của mỗi chính sách và hiểu rõ bản chất của chính sách được đánh giá, từ đó kết luận được tên của chính sách đã phản ánh đúng nội hàm của chính sách hay chưa.

Theo đó, sẽ có 01 tiêu chí để đánh giá các nội dung được đề cập:

Tiêu chí 11: Sự phù hợp giữa nội dung của các chính sách với nhau và với phần Xác định vấn đề bất cập tổng quan; sự phù hợp giữa tên và nội dung của các chính sách

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 11

- Nội dung của các chính sách được đánh giá tại **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** trong Báo cáo ĐGTĐCS có bị trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn hay không? Các chính sách này có mối liên hệ với nhau hay không, có được trình bày một cách logic hay chưa? Có chính sách nào tham chiếu/sử dụng kết quả đánh giá của chính sách khác hay không (nếu có thì có phù hợp hay không)?
- Các vấn đề bất cập, mục tiêu giải quyết vấn đề bất cập trong các chính sách cụ thể tại **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** có tương thích với bối cảnh và mục tiêu xây dựng chính sách (bao gồm cả mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể) đã được nêu tại **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** của Báo cáo hay chưa? Có mục tiêu cụ thể nào được đề cập trong **Phần I** mà chưa đảm bảo đạt được thông qua các chính sách tại **Phần II** hay không? Có chính sách nào tại **Phần II** đặt ra các mục tiêu vượt quá so với mục tiêu tổng thể và cụ thể đã được nêu tại **Phần I** hay không?
- Tên của các chính sách được đặt ra đã phù hợp với bản chất, nội hàm của các chính sách hay chưa? Có tên chính sách nào không tương thích với

nội dung của chính sách hay không? Có tên chính sách nào quá dài và có thể rút ngắn lại? Có tên chính sách nào có thể sửa đổi để rõ nghĩa hơn?

3. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG Ý KIẾN THAM VẤN TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội lập đề nghị xây dựng VBQPPL có trách nhiệm lấy ý kiến góp ý, phản biện dự thảo báo cáo ĐGTĐCS; tiếp thu, chỉnh lý dự thảo báo cáo (Điểm b, khoản 1, Điều 8). Theo đó, đối với các trường hợp lập đề nghị xây dựng VBQPPL (07 văn bản thuộc *Nhóm các văn bản phải ĐGTĐCS trong giai đoạn lập đề nghị* được liệt kê tại **Nhóm 1** của **Hộp 1** đầu **Phần A** này), bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo Báo cáo ĐGTĐ. Đối với các trường hợp thuộc *Nhóm các văn bản phải ĐGTĐCS trong giai đoạn soạn thảo* (06 văn bản được liệt kê tại **Nhóm 2** của **Hộp 1** đầu **Phần A** này) thì không bắt buộc phải lấy ý kiến đối với dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS. Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể thực hiện việc lấy ý kiến đối với dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS nếu thấy cần thiết. Tương tự như vậy, các trường hợp đặc biệt khi ĐGTĐCS đối với chính sách được đề xuất mới, thời hạn xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS trong trường hợp này là 10 ngày và không bắt buộc phải lấy ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể thực hiện việc lấy ý kiến tham vấn nếu cần thiết.

Mục III của Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS đưa ra nội dung về việc lấy ý kiến tham vấn như sau: “*Phần này nêu rõ việc lấy ý kiến về dự thảo báo cáo ĐGTĐ của chính sách (mô tả phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý)*”. Các quy định hiện hành không quy định cụ thể về phương pháp, đối tượng, địa bàn... lấy ý kiến. Các hướng dẫn kỹ thuật về việc ĐGTĐCS thường đưa ra các khuyến nghị về việc phương pháp lấy ý kiến phải **phù hợp với đối tượng** (thường là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, cán bộ quản lý nhà nước, chuyên gia, các tổ chức xã hội), **địa bàn** (theo khu vực địa lý, mức độ phát triển kinh tế, đa dạng văn hoá...), **bối cảnh kinh tế - xã hội** (như dịch bệnh)... Nội dung tham vấn phải **rõ ràng, gắn liền với các chính**

sách đang được đánh giá. Lưu ý không tham vấn quá nhiều nội dung với một/một nhóm đối tượng. Việc tham vấn có thể được tổ chức dưới một hay kết hợp nhiều hình thức khác nhau, như: khảo sát ý kiến bằng bảng hỏi gửi trực tiếp hoặc trực tuyến, phỏng vấn trực tiếp đối tượng, hội nghị tham vấn trong quá trình ĐGTĐCS; lấy ý kiến thông qua việc công bố dự thảo báo cáo ĐGTĐCS trên trang thông tin điện tử (website) của cơ quan đề xuất chính sách, đơn vị thực hiện ĐGTĐCS hoặc gửi dự thảo tới trực tiếp đối tượng cần lấy ý kiến...⁽⁴³⁾.

Trên thực tế, việc lấy ý kiến đối với Báo cáo ĐGTĐCS phụ thuộc vào nhiều yếu tố, đặc biệt là nguồn lực của cơ quan chủ trì soạn thảo. Trường hợp nguồn lực cho phép, và cân nhắc tới khả năng tác động của chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể lấy ý kiến các đối tượng liên quan ngay từ những bước đầu của quá trình ĐGTĐCS, ví dụ như tham vấn về nguyên nhân của vấn đề bất cập hay những giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề... nhằm nâng cao chất lượng và tính thực tiễn của Báo cáo ĐGTĐCS. Đơn vị/người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm có liên quan tại Phụ lục I và tại **mục 7, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

Theo trên những nội dung phân tích trên, việc đánh giá **Phần III – Ý kiến tham vấn** trong Báo cáo ĐGTĐCS sẽ được thực hiện theo tiêu chí sau:

Tiêu chí 12: Sự phù hợp của việc lấy ý kiến tham vấn

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 12

- VBQPPL có các chính sách được đánh giá có thuộc các trường hợp phải lấy ý kiến đối với Dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS hay không? Nếu có thì Báo cáo đã có các nội dung liên quan đến lấy ý kiến tham vấn dự thảo Báo cáo hay chưa?

⁽⁴³⁾ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 78.

• Phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý được mô tả có phù hợp hay không? (Ví dụ còn đối tượng nào chịu tác động trực tiếp của chính sách nên được lấy ý kiến tham vấn mà chưa thực hiện? Phương thức lấy ý kiến tham vấn có phù hợp với đối tượng, địa bàn... hay không? Nội dung lấy ý kiến có phù hợp với nội dung của các chính sách được ĐGTĐ hay không?...)

4. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ PHẦN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, **Phần IV – Giám sát và đánh giá** yêu cầu “Phần này nêu rõ cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách”. Liên quan tới việc tổ chức thi hành chính sách, hiện nay hệ thống các cơ quan chấp hành tại Trung ương và địa phương có trách nhiệm trong việc tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật, cụ thể như sau:

Hộp 2: Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chấp hành tại Trung ương và địa phương trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật theo quy định hiện hành

1. CẤP TRUNG ƯƠNG – CHÍNH PHỦ⁽⁴⁴⁾

(i) Ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật để thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước và để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong các VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và của chính quyền địa phương; kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái Hiến pháp và pháp luật.

⁽⁴⁴⁾ Luật Tổ chức Chính phủ, Điều 6.

(ii) Quyết định các biện pháp để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, nghị định, chương trình công tác của Chính phủ.

(iii) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật; thống nhất quản lý công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, bồi thường nhà nước, thi hành án.

(iv) Tổng hợp đánh giá tình hình thi hành Hiến pháp, pháp luật và báo cáo với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước theo quy định của pháp luật.

2. CẤP ĐỊA PHƯƠNG – UỶ BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP⁽⁴⁵⁾

(i) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐND cùng cấp.

(ii) Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật).

Như vậy, có thể thấy rằng các cơ quan chấp hành tại cấp Trung ương và địa phương đều có trách nhiệm thực thi chính sách. Ngoài ra, quá trình thi hành chính sách còn có thể có sự tham gia của nhiều chủ thể khác như các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân... Tuy nhiên cần lưu ý **Phần IV – Giám sát và đánh giá** của Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS chỉ yêu cầu liệt kê “cơ quan” (thuộc Nhà nước) “chịu trách nhiệm” tổ chức thi hành chính sách. Do đó nếu Báo cáo ĐGTĐCS liệt kê các tổ chức, cá nhân khác ngoài các cơ quan

⁽⁴⁵⁾ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, Điều 21, khoản 1, khoản 6, Điều 28, khoản 1, khoản 4; Điều 35, khoản 1; Điều 42, khoản 1; Điều 49, khoản 1, khoản 3; Điều 58, khoản 1; Điều 63, khoản 1; Điều 70, khoản 1.

chấp hành theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 thì chưa thực sự phù hợp.

Liên quan tới việc giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015 quy định “*Giám sát là việc **chủ thể giám sát theo dõi, xem xét, đánh giá** hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật về **việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý***”⁽⁴⁶⁾. Chủ thể giám sát theo quy định của Luật này được xác định bao gồm: “*Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND*”⁽⁴⁷⁾. Như vậy, các chủ thể giám sát này có trách nhiệm theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan tổ chức thi hành chính sách. Tương tự như trường hợp thi hành chính sách, nếu Báo cáo ĐGTĐCS liệt kê các tổ chức, cá nhân khác ngoài các chủ thể giám sát theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015 thì cũng chưa thực sự phù hợp. Đơn vị/người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm có liên quan tại Phụ lục I và tại **mục 8, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

Theo trên những nội dung phân tích phía trên, tiêu chí sau đây được xác định để đánh giá chất lượng của **Phần IV – Giám sát và đánh giá** trong Báo cáo ĐGTĐCS:

Tiêu chí 13: Sự phù hợp của việc xác định cơ quan thi hành và giám sát

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

⁽⁴⁶⁾ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015, Điều 2, khoản 1.

⁽⁴⁷⁾ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015, Điều 2, khoản 2.

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 13

- Các cơ quan được xác định là cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách đã đầy đủ và chính xác hay không (xác định theo Luật Tổ chức Chính phủ 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015)? Có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào không chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách nhưng vẫn được đề cập? Có cơ quan nào theo quy định phải tham gia vào việc tổ chức thi hành chính sách nhưng chưa được đề cập?
- Các cơ quan được xác định là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách đã đầy đủ và chính xác hay chưa (xác định theo Chủ thể giám sát trong Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015)? Có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào không chịu trách nhiệm giám sát đánh giá theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015 nhưng vẫn được đề cập trong Báo cáo ĐGTĐCS hay không?

5. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Bên cạnh việc tuân thủ các nội dung xây dựng chính sách, Báo cáo ĐGTĐCS còn cần đáp ứng một số yêu cầu khác về phương pháp ĐGTĐCS, sử dụng thông tin ĐGTĐCS cũng như hình thức của Báo cáo ĐGTĐCS, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Điều 7 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định về **phương pháp ĐGTĐCS** như sau: “*Tác động của chính sách được đánh giá theo phương pháp định lượng, phương pháp định tính. Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải nêu rõ lý do.*”. **Phụ lục III, Phần C** của Tài liệu này có cung cấp một Bảng so sánh ngắn gọn giữa phương pháp định lượng và định tính để đơn vị/người thẩm định có thể hình dung được sự khác biệt cơ bản giữa 02 phương pháp nghiên cứu này.

Thứ hai, liên quan đến **thông tin, dữ liệu** sử dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS, Nghị định 34/2016/NĐ-CP yêu cầu thông tin được sử dụng khi xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS “**phải chính xác, trung thực và ghi rõ nguồn thông tin**”⁴⁸. Trên thực tế, các nội dung thường được trích dẫn nguồn thông tin trong các Báo cáo ĐGTĐCS có thể kể tới như các số liệu phục vụ tính toán chi phí – lợi ích, chi phí tuân thủ TTHC, hay các nhận định của chuyên gia, hoặc phân mô tả thực trạng, hệ quả của vấn đề cần giải quyết...

Cuối cùng, như đã trình bày, Báo cáo ĐGTĐCS cần tuân thủ **hình thức theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS** theo quy định tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP.

Dựa trên những nội dung phân tích trên, tiêu chí sau đây được xác định để đánh giá chất lượng của một số nội dung khác trong Báo cáo ĐGTĐCS:

Tiêu chí 14: Tính phù hợp trong việc áp dụng phương pháp ĐGTĐCS; tính chính xác và trung thực của thông tin sử dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS; và tính tuân thủ về mặt hình thức của Báo cáo ĐGTĐCS

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 14

- Báo cáo ĐGTĐCS có áp dụng phương pháp định lượng hay không?
 - Nếu CÓ áp dụng phương pháp định lượng thì dữ liệu định lượng (số liệu) có được phân tích rõ ràng và logic hay không?
 - Nếu KHÔNG áp dụng phương pháp định lượng thì có nêu rõ lý do hay không? Lý do đưa ra có phù hợp với thực tế khách quan (VD hạn chế về số liệu thống kê...) hay không?
- Báo cáo ĐGTĐCS có áp dụng phương pháp định tính hay không? Nếu có thì các lý giải, lập luận có được phân tích rõ ràng và logic hay không?

⁴⁸ Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 9

- Thông tin được sử dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS có chính xác, trung thực hay không? (Ví dụ: Có sự xung đột nào khi đối chiếu lại với thông tin trong nguồn dữ liệu gốc được trích dẫn hay qua các nguồn thông tin khác có thể kiểm chứng được hay không? Có thông tin nào không còn cập nhật, phù hợp với thực tiễn hay không?...)

- Báo cáo ĐGTĐCS có trích dẫn đầy đủ các nguồn thông tin hay không? Các nguồn thông tin có phù hợp và đáng tin cậy hay không? (Ví dụ nguồn thông tin có phải từ nguồn số liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức có uy tín hay tạp chí khoa học đáng tin cậy... hay không?)

- Báo cáo ĐGTĐCS có tuân thủ theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS theo quy định hay không? (Ví dụ có thiếu nội dung/phần nào theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS hay không? Đã được ký, đóng dấu bởi cơ quan, tổ chức lập đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo hay chưa?...)



PHẦN B

BẢNG HỎI ĐÁNH GIÁ

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

BẢNG HỎI ĐÁNH GIÁ

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BẢNG HỎI

1. Bảng hỏi này tổng hợp lại 14 tiêu chí đã được trình bày tại **Phần A** của Tài liệu cùng các câu hỏi gợi ý xác định mỗi tiêu chí để tạo thành 01 mẫu bảng hỏi xuyên suốt đánh giá toàn diện một Báo cáo ĐGTĐCS. Trong quá trình sử dụng bảng hỏi, đơn vị/người thẩm định có thể cần phải tham chiếu lại các nội dung liên quan tới từng tiêu chí tại **Phần A** của Tài liệu này (đặc biệt là các nội dung tổng hợp quy định pháp luật và các hướng dẫn kỹ thuật tương ứng), đồng thời thực hiện các hoạt động cần thiết khác như tham chiếu tới các quy định pháp luật có liên quan hay thực hiện tham vấn với các chuyên gia, nhà khoa học... để đảm bảo sự chính xác trong việc xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn các tiêu chí hay chưa.

2. Có 03 mức độ để đánh giá 01 tiêu chí, bao gồm “Đạt yêu cầu”, “Tương đối” và “Chưa đạt”. Trong đó, mức độ “Đạt yêu cầu” đồng nghĩa với việc Báo cáo đã đảm bảo tốt chất lượng ĐGTĐCS xét từ khía cạnh được đánh giá. Mức độ “Tương đối” thể hiện Báo cáo đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên có thể còn một số nội dung cần hoàn thiện. Trường hợp “Chưa” là khi Báo cáo ĐGTĐCS không thể hiện được các nội dung bắt buộc phải có theo luật định, hoặc nội dung quá sơ sài và không cho thấy được bất kỳ thông tin hữu ích nào cho việc ĐGTĐCS. Việc diễn giải ý nghĩa của 03 mức độ đánh giá này trong từng tiêu chí cụ thể sẽ phụ thuộc vào nội hàm của tiêu chí được đánh giá.

3. Với các tiêu chí đánh giá nội dung tại **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS (bao gồm tiêu chí đánh giá việc xác định vấn đề bất cập, mục tiêu giải quyết vấn đề, các giải pháp đề xuất, 5 khía cạnh ĐGTĐCS, và kiến nghị giải pháp lựa chọn), để kết luận được Báo cáo “Đạt yêu cầu”, ”Tương đối”, hoặc ”Chưa” trong mỗi tiêu chí, đơn vị/người thẩm định phải đánh giá riêng lẻ mỗi một chính sách (vì Báo cáo ĐGTĐCS thường có nhiều hơn 01 chính sách) và tổng hợp lại để đưa ra kết luận chung về mức độ thoả mãn tiêu chí của toàn bộ Báo cáo ĐGTĐCS.

TIÊU CHÍ 1: SỰ PHÙ HỢP CỦA PHẦN XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN



Phản Xác định vấn đề bất cập tổng quan của Báo cáo ĐGTĐCS đã phù hợp hay chưa?

☐

CHƯA ĐẠT

☐

TƯƠNG ĐỐI

☐

ĐẠT YÊU CẦU

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- Phản bối cảnh có nêu được các đặc trưng về bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội trong lĩnh vực điều chỉnh bởi VBQPPL được xây dựng/soạn thảo hay không? Các thông tin đã đảm bảo tính cập nhật hay chưa? (Ví dụ có nêu được các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, những điểm nhấn mới nhất về mặt kinh tế, xã hội... trong lĩnh vực điều chỉnh của VBQPPL hay không?)
- Các nội dung trong phản bối cảnh có mô tả được các vấn đề bất cập cần giải quyết hay không? Những vấn đề bất cập này đã đúng và đủ chưa? Có vấn đề bất cập nào chưa thực sự phù hợp hoặc còn thiếu bất cập nổi

bất nào hay không? Các bất cập được nêu có phù hợp với bối cảnh chung đã được phân tích hay không?

- Các nội dung trong phần bối cảnh của Báo cáo ĐGTĐCS có tương thích với các nội dung tương ứng trong các tài liệu khác của hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL hay hồ sơ dự thảo VBQPPL hay không?
- Báo cáo có bao gồm đủ 02 nội dung mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể không?
- Các mục tiêu cụ thể có phù hợp, tương thích với mục tiêu tổng thể hay không?
- Các mục tiêu tổng thể và cụ thể có hướng tới giải quyết những vấn đề bất cập tổng quan tại phần bối cảnh xây dựng chính sách không?

TIÊU CHÍ 2: SỰ PHÙ HỢP CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP

 **Phân xác định vấn đề bất cập của các chính sách trong mục Đánh giá tác động của chính sách đã phù hợp hay chưa?**

☐ **CHƯA ĐẠT**

☐ **TƯƠNG ĐỐI**

☐ **ĐẠT YÊU CẦU**

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- Báo cáo có chỉ ra được vấn đề bất cập hiện nay hay không? (Ví dụ bất cập trong việc thực thi quyền và nghĩa vụ của người dân, bất cập về quản lý nhà nước trong lĩnh vực cụ thể...)
- Báo cáo có phân tích được các tác động/ảnh hưởng tiêu cực (hậu quả) của vấn đề bất cập hay không? (Ví dụ như ảnh hưởng đến việc thực thi các điều ước quốc tế, không đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích chính đáng của người dân...)
- Phân phân tích về các tác động/ảnh hưởng tiêu cực (hậu quả) có chỉ ra được các đối tượng bị tác động/ảnh hưởng hay không? (Ví dụ như người dân, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực/ngành nhất định...)
- Báo cáo có phân tích được nguyên nhân của vấn đề bất cập hay không? (Ví dụ như bất cập xuất phát từ sự không phù hợp của văn bản pháp luật với

yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội? Hay bắt cập từ việc đã có quy định nhưng quy định chồng chéo, mâu thuẫn? ...)

- Nguyên nhân của vấn đề bắt cập có được xác định đúng hay không? (Ví dụ nguyên nhân có phải là nguyên nhân trực tiếp, chính yếu dẫn tới vấn đề bắt cập không? Hay chỉ là nguyên nhân gián tiếp? Có vấn đề giới hay khía cạnh giới nào trong các nguyên nhân mà Báo cáo chưa đề cập hay không?...)

TIÊU CHÍ 3: SỰ PHÙ HỢP CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

 **Phần mục tiêu giải quyết vấn đề của các chính sách trong mục Đánh giá tác động của chính sách đã phù hợp hay chưa?**

☐ **CHƯA ĐẠT**

☐ **TƯƠNG ĐỐI**

☐ **ĐẠT YÊU CẦU**

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- Mục tiêu giải quyết vấn đề có tương xứng với các nguyên nhân chính, trực tiếp đã được xác định tại phần Xác định vấn đề bất cập hay không? (Ví dụ, nếu phần xác định nguyên nhân chỉ ra 02 nguyên nhân chính dẫn đến vấn

đề bất cập thì đã có các mục tiêu tương ứng để khắc phục 02 nguyên nhân đó hay chưa?...)

- *Mục tiêu giải quyết vấn đề có được xác định rõ ràng hay không? (Ví dụ mục tiêu được nêu cụ thể, đo lường được, có tính khả thi, phù hợp với thực tế, và được xác định trong khoảng thời gian cụ thể?...)*

TIÊU CHÍ 4: SỰ PHÙ HỢP CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

 **Phân các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề của các chính sách trong mục Đánh giá tác động của chính sách đã phù hợp hay chưa?**

☐ **CHƯA ĐẠT**

☐ **TƯƠNG ĐỐI**

☐ **ĐẠT YÊU CẦU**

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- Trong mỗi chính sách, Báo cáo ĐGTĐCS có giải pháp giữ nguyên hiện trạng hay không? Ngoài giải pháp giữ nguyên hiện trạng thì Báo cáo có đưa ra thêm được tối thiểu 02 giải pháp khác hay không?

- Các giải pháp được đề xuất có gắn với các mục tiêu giải quyết vấn đề đã được xác định hay không?
- Các giải pháp có cân xứng với quy mô, phạm vi, đối tượng tác động, khắc phục được trúng và đúng các nguyên nhân trực tiếp hay không?
- Có bắt buộc phải ban hành VBQPPL để đạt được mục tiêu giải quyết vấn đề hay không? Liệu có công cụ nào khác phù hợp hơn để đạt được mục tiêu hay không?

TIÊU CHÍ 5: SỰ PHÙ HỢP CỦA CÁC PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG VỀ KINH TẾ

-  **Phần phân tích tác động về kinh tế của các chính sách trong mục Đánh giá tác động của chính sách đã phù hợp hay chưa?**

☐ **CHƯA ĐẠT**

☐ **TƯƠNG ĐỐI**

☐ **ĐẠT YÊU CẦU**

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- Báo cáo có xác định được các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan từ khía cạnh kinh tế hay không? Các đối tượng được xác định đã đúng và đủ hay chưa (*thông thường sẽ có 03 nhóm đối tượng: (i) Nhà nước; (ii) Doanh nghiệp, tổ chức khác; (iii) Cá nhân*)? Còn nhóm đối tượng nào có khả năng bị tác động mà Báo cáo chưa đề cập, đặc biệt là các nhóm yếu thế (như người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, người dân ở các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người lao động di cư...)? Có đối tượng nào được xác định là có tác động nhưng trên thực tế sẽ không chịu tác động?
- Báo cáo đã xác định được các tác động về kinh tế (phân tích chi phí và lợi ích) lên các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan chưa? Còn chi phí hay lợi ích nào bị bỏ sót

hay không? Có chi phí hay lợi ích nào được xác định tại Báo cáo nhưng trên thực tế sẽ không phát sinh?

- Các tính toán chi phí và lợi ích có đúng hay không? (*Ví dụ số lượng đối tượng chịu tác động đã đúng với thực tế hay chưa? Số tiền được tính toán có đúng hay không?...*)
- Báo cáo có các bảng biểu tính toán chi phí và lợi ích được đính kèm trong phụ lục hay không? Có bảng biểu nào được nêu trong phần chính của Báo cáo mà trong phụ lục không có? Có điểm mâu thuẫn nào giữa nội dung được trình bày trong phần chính của Báo cáo và nội dung tại các bảng biểu tương ứng tại phụ lục hay không?

TIÊU CHÍ 6: SỰ PHÙ HỢP CỦA CÁC PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI

-  **Phần phân tích tác động về xã hội của các chính sách trong mục Đánh giá tác động của chính sách đã phù hợp hay chưa?**

☐ **CHƯA ĐẠT**

☐ **TƯƠNG ĐỐI**

☐ **ĐẠT YÊU CẦU**

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- Báo cáo có xác định được các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan từ khía cạnh xã hội hay không? Các đối tượng được xác định đã đúng và đủ hay chưa (*thông thường sẽ có 03 nhóm đối tượng: (i) Nhà nước; (ii) Doanh nghiệp, tổ chức khác; (iii) Cá nhân*)? Còn nhóm đối tượng nào có khả năng bị tác động mà Báo cáo chưa đề cập, đặc biệt là các nhóm yếu thế (như người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, người dân ở các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người lao động di cư...)? Có đối tượng nào được xác định là có tác động nhưng trên thực tế sẽ không chịu tác động?
- Báo cáo đã xác định được các tác động về mặt xã hội ở các khía cạnh nào trong số 13 nội dung theo quy định? Còn khía cạnh nào (có thể ngoài

13 nội dung theo quy định) có khả năng chịu tác động của chính sách mà Báo cáo chưa đề cập?

- Với mỗi khía cạnh/nội dung chịu tác động về mặt xã hội, Báo cáo có nêu được các chỉ tiêu ĐGTD cụ thể hay không? (Ví dụ, *Báo cáo xác định chính sách có tác động về mặt Việc làm thì cụ thể tác động đó được thể hiện như thế nào - như giúp nâng cao năng suất lao động, bảo vệ lao động nữ, giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp...*)
- Trong mỗi lĩnh vực, Báo cáo có phân tích được các tác động tích cực và tiêu cực lên các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan hay không?

TIÊU CHÍ 7: SỰ PHÙ HỢP CỦA CÁC PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI

 **Phần phân tích tác động về giới (nếu có) của các chính sách trong mục Đánh giá tác động của chính sách đã phù hợp hay chưa?**

☐ **CHƯA ĐẠT**

☐ **TƯƠNG ĐỐI**

☐ **ĐẠT YÊU CẦU**

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- Trong trường hợp Báo cáo CÓ đề cập tới vấn đề bất cập về giới/khía cạnh giới tại phần Xác định vấn đề bất cập và Mục tiêu giải quyết vấn đề thì trong các nội dung tại phần Đánh giá tác động của các giải pháp có các phân tích tác động về giới tương ứng hay không?
- Trong trường hợp Báo cáo KHÔNG đề cập tới vấn đề bất cập về giới/khía cạnh giới tại phần Xác định vấn đề bất cập và Mục tiêu giải quyết vấn đề thì trong các nội dung tại phần Đánh giá tác động của các

giải pháp, có các phân tích tác động về kinh tế và xã hội nào cho thấy có khả năng tạo ra sự khác biệt của các tác động đó đối với mỗi giới hay không?

- Các tác động về giới (nếu có) có phân tích được các tác động về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới hay không?

TIÊU CHÍ 8: TÍNH CẦN THIẾT, HỢP PHÁP, HỢP LÝ VÀ SỰ PHÙ HỢP CỦA CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TTHC

 Các TTHC (nếu có) trong các chính sách đã đảm bảo sự cần thiết, hợp pháp, hợp lý và phù hợp về mặt chi phí tuân thủ hay chưa?

☐ CHƯA ĐẠT

☐ TƯƠNG ĐỐI

☐ ĐẠT YÊU CẦU

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- **Tính cần thiết:** Báo cáo có nêu rõ TTHC phục vụ cho nhu cầu quản lý nhà nước trong ngành, lĩnh vực nào và bảo đảm việc thực hiện quyền, nghĩa vụ nào của cá nhân, tổ chức? Các lý do được đưa ra có cho thấy sự cần thiết của TTHC hay không? Trong những phương án, giải pháp được đưa ra có giải pháp nào phù hợp hơn so với việc ban hành TTHC hay không? (Ví dụ có thể thực hiện hậu kiểm thay vì yêu cầu thực hiện TTHC không?). Lý do lựa chọn phương án, giải pháp quy định TTHC có xác đáng không?
- **Tính hợp pháp:** Báo cáo có xác định thẩm quyền ban hành TTHC hay không? Thẩm quyền được xác định có phù hợp với quy định pháp luật

hay không⁴⁹? Nội dung xác định về việc TTHC có hay không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định tại các văn bản khác và với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đã phù hợp hay chưa?

- **Tính hợp lý:** Các bộ phận của TTHC được đánh giá tính hợp lý (lưu ý sự khác nhau giữa 02 trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản) đã đầy đủ theo yêu cầu của Thông tư 03/2022/TT-BTP hay chưa? Các bộ phận có được xác định rõ ràng, cụ thể và hợp lý hay không? *Ví dụ, tên TTHC có rõ ràng hay không? Đối tượng thực hiện, phạm vi áp dụng có nên thu hẹp hay không? Thẩm quyền của cơ quan giải quyết đã được xác định rõ ràng chưa? Có nên ủy quyền hoặc phân cấp nữa hay không? Có thể lựa chọn cách thức thực hiện trực tuyến (điện tử) được không? Thành phần hồ sơ có được quy định rõ ràng?...*
- **Sự phù hợp của chi phí tuân thủ:**
 - Với trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản: Báo cáo đã làm rõ về việc phải nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) hay chưa? Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) đã bảo đảm bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi cơ quan nhà nước giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức; bảo đảm cắt giảm tối đa chi phí không cần thiết cho cá nhân, tổ chức; có tính đến đặc điểm từng vùng miền, từng đối tượng thực hiện, từng lĩnh vực và thông lệ quốc tế hay chưa?
 - Với trường hợp soạn thảo dự án, dự thảo văn bản: Chi phí tuân thủ được tính ra trong Báo cáo đã đúng hay chưa? *Ví dụ như các công việc được liệt kê trong các bước thực hiện TTHC đã phản ánh đúng nội dung của TTHC hay chưa? Số lần thực hiện/năm và số lượng đối tượng tuân*

⁴⁹ Khoản 4 Điều 14 Luật BHVBQPPL quy định cấm: “Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của HĐND, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này.”

thủ/năm đã được xác định đúng hay chưa? Còn hoạt động nào trên thực tế mà cá nhân, tổ chức phải triển khai trong quá trình thực hiện TTHC nhưng Báo cáo chưa tính đến? Mức thu nhập bình quân/giờ làm việc đã đúng theo hướng dẫn tại Thông tư 03/2022/TT-BTP hay chưa?...

- Báo cáo có sử dụng các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư 03/2022/TT-BTP hay không? Có sử dụng đúng loại biểu mẫu theo hướng dẫn tại Thông tư này với từng trường hợp hay không, bao gồm biểu mẫu dành cho việc ĐGTĐ trong lập đề nghị xây dựng văn bản (Phụ lục I, Thông tư 03/2022/TT-BTP) và trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản (Phụ lục II, Thông tư 03/2022/TT-BTP)?
- Có TTHC nào phát sinh trong chính sách mà chưa được ĐGTĐ hay không?

TIÊU CHÍ 9: TÍNH THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ KHẢ NĂNG THI HÀNH, TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

 Phần phân tích tác động với hệ thống pháp luật của các chính sách đã cho thấy tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và khả năng thi hành, tuân thủ pháp luật hay chưa?

☐ CHƯA ĐẠT

☐ TƯƠNG ĐỐI

☐ ĐẠT YÊU CẦU

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- **Tính thống nhất, đồng bộ:**

- Báo cáo ĐGTĐCS đã rà soát và ĐGTĐ của chính sách với Hiến pháp, các Điều ước quốc tế và VBQPPL có liên quan hay chưa? Còn Điều ước quốc tế hay VBQPPL nào có liên quan tới nội dung chính sách nhưng chưa được đánh giá hay không?
- Các nội dung được đánh giá là chưa phù hợp/còn mâu thuẫn có đúng hay không? Báo cáo có chỉ rõ được điểm chưa phù hợp/còn mâu thuẫn hay không? Các phân tích có đúng hay không? (Ví dụ Báo cáo ĐGTĐCS kết luận rằng một giải pháp chính sách được đề xuất có điểm chưa phù hợp với một số VBQPPL trong các lĩnh vực khác, tuy nhiên không có các phân tích cụ thể; hoặc có phân tích cụ thể lý do mâu thuẫn nhưng khi đơn vị/người thẩm định đánh giá lại thì nhận thấy các nội dung này không mâu thuẫn...).
- Các nội dung được đánh giá là phù hợp/không mâu thuẫn có đúng hay không? Có giải pháp nào có khả năng tạo ra sự không phù hợp/mâu

thuần với các văn bản hiện hành hay không? (Ví dụ Báo cáo nhận định rằng giải pháp chính sách phù hợp với tất cả các VBQPPL trong phạm vi rà soát, tuy nhiên đơn vị/người thẩm định nhận thấy vẫn còn có điểm chưa thực sự thống nhất giữa chính sách với một/một số VBQPPL nhất định...).

- **Khả năng thi hành, tuân thủ pháp luật:** Các nội dung ĐGTĐ đối với hệ thống pháp luật có dẫn chiếu lại các nội dung ĐGTĐ kinh tế, xã hội, TTHC có liên quan hay không? Các nội dung ĐGTĐ kinh tế, xã hội, TTHC cho thấy mức độ khả thi của chính sách như thế nào? (Ví dụ một chính sách trong lĩnh vực lao động dự kiến có tác động xã hội rất tốt, tuy nhiên chi phí tuân thủ rất lớn nên có thể không thực sự khả thi đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa...)

**TIÊU CHÍ 10: TÍNH TỐI ƯU CỦA GIẢI PHÁP ĐƯỢC KIẾN NGHỊ
LỰA CHỌN VÀ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH
THẨM QUYỀN BAN HÀNH CHÍNH SÁCH**



Các giải pháp được kiến nghị lựa chọn có phải là giải pháp tối ưu trong số các giải pháp được đề xuất? Thẩm quyền ban hành chính sách trong các chính sách đã được xác định chính xác hay chưa?

☐ **CHƯA ĐẠT**

☐ **TƯƠNG ĐỐI**

☐ **ĐẠT YÊU CẦU**

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- Báo cáo ĐGTĐCS có so sánh lợi ích, chi phí, tác động tích cực, tiêu cực giữa các giải pháp hay không? Việc so sánh có thực hiện đủ trên 05 nội dung ĐGTĐ kinh tế, xã hội, giới, hệ thống pháp luật, TTHC hay không? *(Lưu ý nội dung về giới và TTHC không phải chính sách nào cũng có)*
- Giải pháp được lựa chọn có phải là giải pháp có hiệu số/tỷ lệ lợi ích so với chi phí cao nhất trong số các phương án hay không? Nếu không phải thì lý do nào được đưa ra để lựa chọn giải pháp theo đề xuất? *(Lưu ý rằng có nhiều trường hợp giải pháp có hiệu số/tỷ lệ lợi ích – chi phí cao nhất không phải là giải pháp tối ưu do không phải là giải pháp hợp lý, khả thi và hiệu quả nhất...)*

- Giải pháp được kiến nghị lựa chọn có phải là giải pháp hợp lý, khả thi và hiệu quả nhất để giải quyết vấn đề bất cập, đạt được mục tiêu chính sách hay không? (Ví dụ có khả thi về nguồn lực, thời gian, phương pháp, công nghệ, hệ thống... hay không)
- Báo cáo ĐGTĐCS đã xác định thẩm quyền ban hành chính sách hay chưa? Thẩm quyền được xác định có phù hợp với quy định tại Chương II – Thẩm quyền ban hành, nội dung VBQPPL của Luật BHVBQPPL hay không?

**TIÊU CHÍ 11: SỰ PHÙ HỢP GIỮA NỘI DUNG CỦA
CÁC CHÍNH SÁCH VỚI NHAU VÀ VỚI PHẦN XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ
BẤT CẬP TỔNG QUAN; SỰ PHÙ HỢP GIỮA TÊN VÀ
NỘI DUNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH**



Các chính sách tại phần Đánh giá tác động của chính sách có phù hợp với nhau và với phần Xác định vấn đề bất cập tổng quan hay không? Tên và nội dung của các chính sách đã phù hợp với nhau hay chưa?

☐ CHƯA ĐẠT

☐ TƯƠNG ĐỐI

☐ ĐẠT YÊU CẦU

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- Nội dung của các chính sách được đánh giá tại **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** trong Báo cáo ĐGTĐCS có bị trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn hay không? Các chính sách này có mối liên hệ với nhau hay không, có được trình bày một cách logic hay chưa? Có chính sách nào tham chiếu/sử dụng kết quả đánh giá của chính sách khác hay không (nếu có thì có phù hợp hay không)?
- Các vấn đề bất cập, mục tiêu giải quyết vấn đề bất cập trong các chính sách cụ thể tại **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** có tương thích với bối cảnh và mục tiêu xây dựng chính sách (bao gồm cả mục

tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể) đã được nêu tại **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** của Báo cáo hay chưa? Có mục tiêu cụ thể nào được đề cập trong **Phần I** mà chưa đảm bảo đạt được thông qua các chính sách tại **Phần II** hay không? Có chính sách nào tại **Phần II** đặt ra các mục tiêu vượt quá so với mục tiêu tổng thể và cụ thể đã được nêu tại **Phần I** hay không?

- Tên của các chính sách được đặt ra đã phù hợp với bản chất, nội hàm của các chính sách hay chưa? Có tên chính sách nào không tương thích với nội dung của chính sách hay không? Có tên chính sách nào quá dài và có thể rút ngắn lại? Có tên chính sách nào có thể sửa đổi để rõ nghĩa hơn?

TIÊU CHÍ 12: SỰ PHÙ HỢP CỦA VIỆC LẤY Ý KIẾN THAM VẤN



Việc lấy ý kiến tham vấn Báo cáo ĐGTĐCS đã phù hợp hay chưa?

☐ CHƯA ĐẠT

☐ TƯƠNG ĐỐI

☐ ĐẠT YÊU CẦU

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- VBQPPL có các chính sách được đánh giá có thuộc các trường hợp phải lấy ý kiến đối với Dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS hay không? Nếu có thì Báo cáo đã có các nội dung liên quan đến lấy ý kiến tham vấn dự thảo Báo cáo hay chưa?
- Phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý được mô tả có phù hợp hay không? (Ví dụ còn đối tượng nào chịu tác động

trực tiếp của chính sách nên được lấy ý kiến tham vấn mà chưa thực hiện? Phương thức lấy ý kiến tham vấn có phù hợp với đối tượng, địa bàn... hay không? Nội dung lấy ý kiến có phù hợp với nội dung của các chính sách được ĐGTD hay không?...)

TIÊU CHÍ 13: SỰ PHÙ HỢP CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH CƠ QUAN

THI HÀNH VÀ GIÁM SÁT



Các cơ quan thi hành và giám sát đã được xác định phù hợp hay chưa?

☐ CHƯA ĐẠT

☐ TƯƠNG ĐỐI

☐ ĐẠT YÊU CẦU

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- Các cơ quan được xác định là cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách đã đầy đủ và chính xác hay không (xác định theo Luật Tổ chức Chính phủ 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015)? Có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào không chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách nhưng vẫn được đề cập? Có cơ quan nào theo quy định

phải tham gia vào việc tổ chức thi hành chính sách nhưng chưa được đề cập?

- Các cơ quan được xác định là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách đã đầy đủ và chính xác hay chưa (xác định theo Chủ thể giám sát trong Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015)? Có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào không chịu trách nhiệm giám sát đánh giá theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015 nhưng vẫn được đề cập trong Báo cáo ĐGTĐCS hay không?

**TIÊU CHÍ 14: TÍNH PHÙ HỢP TRONG VIỆC ÁP DỤNG
PHƯƠNG PHÁP ĐGTĐCS; TÍNH CHÍNH XÁC VÀ TRUNG THỰC
CỦA THÔNG TIN SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO ĐGTĐCS; VÀ
TÍNH TUÂN THỦ VỀ MẶT HÌNH THỨC CỦA BÁO CÁO ĐGTĐCS**

? Phương pháp ĐGTĐCS được áp dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS đã phù hợp hay chưa? Thông tin sử dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS đã chính xác và trung thực hay chưa? Báo cáo đã đảm bảo tuân thủ về mặt hình thức theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS hay chưa?

☐ CHƯA ĐẠT

☐ TƯƠNG ĐỐI

☐ ĐẠT YÊU CẦU

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

- Báo cáo ĐGTĐCS có áp dụng phương pháp định lượng hay không?
 - Nếu CÓ áp dụng phương pháp định lượng thì dữ liệu định lượng (số liệu) có được phân tích rõ ràng và logic hay không?
 - Nếu KHÔNG áp dụng phương pháp định lượng thì có nêu rõ lý do hay không? Lý do đưa ra có phù hợp với thực tế khách quan (VD hạn chế về số liệu thống kê...) hay không?
- Báo cáo ĐGTĐCS có áp dụng phương pháp định tính hay không? Nếu có thì các lý giải, lập luận có được phân tích rõ ràng và logic hay không?
- Thông tin được sử dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS có chính xác, trung thực hay không? (Ví dụ: Có sự xung đột nào khi đối chiếu lại với thông tin trong nguồn dữ liệu gốc được trích dẫn hay qua các nguồn thông tin

khác có thể kiểm chứng được hay không? Có thông tin nào không còn cập nhật, phù hợp với thực tiễn hay không?...)

- Báo cáo ĐGTĐCS có trích dẫn đầy đủ các nguồn thông tin hay không? Các nguồn thông tin có phù hợp và đáng tin cậy hay không? (Ví dụ nguồn thông tin có phải từ nguồn số liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức có uy tín hay tạp chí khoa học đáng tin cậy... hay không?)
- Báo cáo ĐGTĐCS có tuân thủ theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS theo quy định hay không? (Ví dụ có thiếu nội dung/phần nào theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS hay không? Đã được ký, đóng dấu bởi cơ quan, tổ chức lập đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo hay chưa?...)



PHẦN C

CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I – DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A - NHÓM CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Luật BHVBQPPL 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020;
2. Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015;
3. Luật Tổ chức Chính phủ 2015;
4. Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015;
5. Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật BHVBQPPL;
6. Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 34/2016/NĐ-CP;
7. Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính;
8. Nghị định 48/2013/NĐ-CP sửa đổi Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;
9. Nghị định 92/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;
10. Thông tư 07/2014/TT-BTP hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính;
11. Thông tư 02/2017/TT-VPCP hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

12. Thông tư 03/2022/TT-BTP hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;
13. Quyết định 2410/QĐ-BTP ngày 27/11/2017 của Bộ Tư pháp về thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

B – NHÓM CÁC BÁO CÁO, TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

1. Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tác động của chính sách của Bộ Tư pháp Việt Nam phối hợp với Cơ quan Phát triển Hoa Kỳ;
2. Danh mục kiểm tra khi Bộ Tư pháp thẩm định nội dung ĐGTĐCS về xã hội và ĐGTĐCS về giới trong đề nghị xây dựng VBQPPL/Dự thảo VBQPPL;
3. Danh mục tham chiếu về ĐGTĐ xã hội và giới trong quy trình xây dựng chính sách, VBQPPL của Bộ Tư pháp;
4. Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động về giới của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với Tổ chức hợp tác quốc tế CHLB Đức;
5. Danh mục kiểm tra nội dung đánh giá tác động xã hội và giới trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với Tổ chức hợp tác quốc tế CHLB Đức;
6. Sách Xanh: Hướng dẫn của Chính phủ Trung ương về thẩm định và đánh giá (The Green Book: Central Government Guidance on Appraisal and Evaluation) của Kho bạc Vương quốc Anh (HM Treasury);
7. Sách Hồng: Hướng dẫn của Chính phủ Trung ương về đánh giá (Magenta Book: Central Government guidance on evaluation) của Kho bạc Vương quốc Anh (HM Treasury);
8. Hướng dẫn hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật (Better regulation framework: guidance) của Phòng Kinh doanh, Năng lượng và Chiến lược

Công nghiệp, Vương quốc Anh (Department for Business, Energy and Industrial Strategy);

9. Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt (ASEAN Guidelines on Good Regulatory Practices) của Ban thư ký ASEAN.
10. Sonyel Oflazoğlu (2017), So sánh nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng (Qualitative versus Quantitative Research);
11. PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa – Khoa Luật, Đại học Kinh tế TP HCM (2014), Phương pháp nghiên cứu luật học;
12. W. Lawrence Neuman (2014), Các phương pháp nghiên cứu xã hội: phương thức định lượng và định tính (Social Research Methods: Qualitative and Quantitative Approaches;
13. Steven J. Taylor, Robert Bogdan, Marjorie L. DeVault (2016), Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu định tính: sách hướng dẫn và tài liệu tham khảo (Introduction to qualitative research methods: a guidebook and resource).

PHỤ LỤC II

TỔNG HỢP MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ PHÙ HỢP VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới xác định vấn đề bất cập của chính sách

Trong *Sách Xanh*, nội dung có tính tương đồng nhất định với phần Xác định vấn đề bất cập trong mỗi chính sách (theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP) là nội dung về “Cơ sở can thiệp”, trong đó có nội dung phân tích về tình trạng “Giữ nguyên hiện trạng” (Business as Usual - BAU). Theo đó, việc phân tích Cơ sở can thiệp được xác định là bước đầu tiên trong quá trình ĐGTĐ. Tầm quan trọng của việc hiểu rõ bối cảnh xây dựng chính sách cũng được nhấn mạnh trong *Sách Xanh*⁽⁵⁰⁾. Riêng các hướng dẫn về tình trạng “Giữ nguyên hiện trạng” của *Sách Xanh* thì tương thích hơn với các nội dung liên quan tới giải pháp giữ nguyên hiện trạng – một trong những giải pháp bắt buộc phải có theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP. Do đó, nội dung này sẽ được đề cập chi tiết tại phần kinh nghiệm quốc tế liên quan tới Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề được trình bày ở một số phần sau của Phụ lục này.

Khuyến nghị về việc xác định rõ vấn đề bất cập cũng được đề cập trong *Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt* của Ban thư ký ASEAN⁽⁵¹⁾. Cụ thể, một trong sáu nguyên tắc cốt lõi của *Thực hành Quy định Tốt* theo *Hướng dẫn của ASEAN* là việc làm rõ cơ sở cho việc ban hành chính sách⁽⁵²⁾. Ngoài ra, không phải mọi vấn đề bất cập đều cần đến sự can thiệp từ Nhà nước. Do đó, yếu tố đầu tiên được đề cập trong *Thực hành Quy định Tốt* là việc xác định các nhu cầu can thiệp bởi Nhà nước. Các vấn đề phải được xem xét một cách

⁽⁵⁰⁾ Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 5, trang 13.

⁽⁵¹⁾ Hướng dẫn này bao gồm các khuyến nghị và ý kiến về việc áp dụng các nguyên tắc *Thực hành Quy định Tốt* trong việc soạn thảo và áp dụng các quy định kỹ thuật của Hiệp định về rào cản kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT), góp phần hỗ trợ các Quốc gia Thành viên ASEAN đáp ứng các nghĩa vụ theo Hiệp định TBT và cam kết với việc hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Xem thêm tại: <https://asean.org/wp-content/uploads/2017/09/ASEAN-Guidelines-on-Good-Regulatory-Practices2.pdf>.

⁽⁵²⁾ Ban thư ký ASEAN, *Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt*, trang 2.

cẩn trọng, xác định rõ về bản chất, tầm quan trọng, và cả nguyên nhân dẫn tới vấn đề, từ đó mới cân nhắc về sự can thiệp từ phía Nhà nước⁽⁵³⁾.

2. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới xác định mục tiêu giải quyết vấn đề của chính sách

Theo *Sách Xanh*, việc xác định rõ ràng các mục tiêu chính sách là điều tối quan trọng trong quá trình xây dựng chính sách và phải đáp ứng tiêu chí nhất định – gọi tắt là **SMART** (gồm: Cụ thể (**S**pecific), Có thể đo lường (**M**easurable), Khả thi (**A**chievable), Thực tế (**R**ealistic), Có thời hạn (**T**ime-limited))⁽⁵⁴⁾. Về bản chất, việc xác định rõ các mục tiêu theo tiêu chí SMART sẽ giúp hình dung rõ về các nhu cầu thay đổi - xuất phát trên cơ sở so sánh với tình trạng “Giữ nguyên hiện trạng”. Theo đó, “quãng đường” đi từ “Giữ nguyên hiện trạng” đến đích là các mục tiêu SMART chính là một khoảng trống sẽ được lấp đầy bởi các giải pháp chính sách được đề xuất và lựa chọn. Tương tự, việc xác định rõ những mục tiêu chính sách cũng là một trong sáu nguyên tắc cốt lõi của Thực hành Quy định Tốt theo *Hướng dẫn của ASEAN*, làm cơ sở cho việc nhận diện các giải pháp tại bước tiếp theo⁽⁵⁵⁾.

3. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới xác định các giải pháp đề xuất của chính sách

Như đã đề cập tại một số nội dung phía trên, *Sách Xanh* có yêu cầu về việc phân tích tình trạng “Giữ nguyên hiện trạng”. Mục đích của việc phân tích tình trạng “Giữ nguyên hiện trạng” là nhằm xác định một tiêu chuẩn định lượng để so sánh với các đề xuất mang tính thay đổi. *Sách Xanh* cũng lưu ý rằng tình trạng “Giữ nguyên hiện trạng” không có nghĩa là “không làm gì cả”, bởi về bản chất việc tiếp tục thực hiện các nội dung quy định hiện tại sẽ dẫn tới những tác động/hậu quả và có phát sinh các chi phí nhất định⁽⁵⁶⁾.

Việc xác định các giải pháp khác này có thể tham khảo thêm các hướng dẫn về lựa chọn một Danh sách rút gọn các giải pháp chính sách theo *Sách Xanh*. Theo *Sách Xanh*, bên cạnh giải pháp giữ nguyên trạng, có thể có một số loại giải pháp khác được căn cứ vào **phạm vi can thiệp** và mức độ tham vọng trong việc đạt được các mục tiêu đề ra. Ví dụ, có thể có giải pháp “Can thiệp tối

⁽⁵³⁾ Ban thư ký ASEAN, *Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt*, trang 4.

⁽⁵⁴⁾ Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 20, trang 25 - 26.

⁽⁵⁵⁾ Ban thư ký ASEAN, *Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt*, trang 2, trang 5.

⁽⁵⁶⁾ Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 25.

thiếu” – đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của mục tiêu được xác định; hoặc có các giải pháp với tham vọng lớn hơn, mong muốn đạt được mục tiêu đề ra trong thời gian ngắn hạn hơn nhưng sẽ kèm theo sự gia tăng về rủi ro và chi phí⁽⁵⁷⁾.

4. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới phân tích tác động kinh tế của chính sách

Theo *Sách Xanh*, các Phân tích chi phí và lợi ích xã hội được sử dụng để ĐGTD nhằm mục đích so sánh các phương án có trong Danh sách rút gọn. Việc **xác định và định giá các chi phí và lợi ích** liên quan là trọng tâm của ĐGTD kinh tế. Sách Xanh cũng khẳng định chi phí và lợi ích phải được nhìn từ góc độ **toàn xã hội**, không chỉ từ khu vực công, và phải đánh giá đến **tất cả các đối tượng chịu tác động**⁽⁵⁸⁾. Lợi ích và chi phí cũng là một vấn đề được hướng dẫn trong *Sách Hồng: Hướng dẫn của Chính phủ Trung ương về đánh giá (Magenta Book: Central Government guidance on evaluation)* của Kho bạc Vương quốc Anh⁵⁹. Trong Sách Hồng, Đánh giá giá trị đồng tiền là một nhóm phương pháp đánh giá tập trung vào **so sánh lợi ích với chi phí** của các biện pháp được đề xuất, bao gồm cả các khía cạnh bất lợi và không mong muốn⁽⁶⁰⁾.

5. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới phân tích tác động về giới của chính sách

ĐGTD về giới cũng là một trong những nội dung đánh giá trong *Sách Xanh*. Cụ thể, vấn đề bình đẳng phải được xem xét ở giai đoạn xác định một Danh sách dài và một Danh sách rút gọn các giải pháp chính sách. Việc xem xét vấn đề bình đẳng được thực hiện theo quy định về Nghĩa vụ bình đẳng trong khu vực công, trong đó bao gồm cả việc đảm bảo bình đẳng về giới⁽⁶¹⁾. Các cơ quan, tổ chức trong khu vực công phải quan tâm đến việc thúc đẩy bình đẳng đối với các nhóm cá nhân có đặc điểm được bảo vệ theo quy định của Đạo luật Bình

⁽⁵⁷⁾ Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 36.

⁽⁵⁸⁾ Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 8, trang 40.

⁽⁵⁹⁾ Tài liệu này cung cấp hướng dẫn về đánh giá trong Chính phủ Vương quốc Anh, bao gồm hướng dẫn cụ thể về xác định phạm vi, mô hình, các vận dụng, yêu cầu năng lực cần thiết của những người đánh giá và những vấn đề khác cần xem xét trong quy trình này. Xem tại: https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/879438/HMT_Magenta_Book.pdf.

⁽⁶⁰⁾ Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Hồng*, trang 49.

⁽⁶¹⁾ Nghĩa vụ bình đẳng trong khu vực công là quy định được xây dựng và ban hành từ Đạo luật bình đẳng năm 2010, trong đó gồm 09 đặc điểm được bảo vệ: độ tuổi; tình trạng khuyết tật, chuyển đổi giới tính; thai sản; chủng tộc; tôn giáo hoặc tín ngưỡng; giới tính và xu hướng tình dục. Xem tại: <https://www.equalityhumanrights.com/en/advice-and-guidance/public-sector-equality-duty#h1>.

đăng năm 2010 của Vương Quốc Anh⁽⁶²⁾. Vì vậy, cần phân tích sự bình đẳng khi xem xét Danh sách rút gọn các phương án chính sách, đánh giá khả năng và mức độ tác động của các phương án đến các nhóm đối tượng và khu vực cụ thể. Trong trường hợp các thông tin, dữ liệu, bằng chứng liên quan đến các tác động không rõ ràng, đầy đủ, cần tiến hành tham vấn và nghiên cứu thêm để đưa ra nhận định tương xứng⁽⁶³⁾.

6. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới xác định giải pháp chính sách được lựa chọn

Theo *Sách Xanh*, việc lựa chọn giải pháp tối ưu cũng được thực hiện trên cơ sở **so sánh các phương án thay thế** trong Danh sách rút gọn với phương án “Giữ nguyên hiện trạng”. Việc lựa chọn giải pháp tối ưu căn cứ vào một số yếu tố như Phân tích lợi ích chi phí xã hội⁽⁶⁴⁾, các chi phí và lợi ích không định giá được bằng tiền, các rủi ro...⁽⁶⁵⁾. Các nội dung này cũng được đề cập trong *Hướng dẫn hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật*⁽⁶⁶⁾. Hướng dẫn này khẳng định: “*Các nguyên tắc phân tích lợi ích chi phí, như được nêu trong Sách Xanh, nên được sử dụng trong việc xây dựng và thẩm định tất cả các chính sách*”⁽⁶⁷⁾.

7. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới lấy ý kiến tham vấn chính sách

Nội dung lấy ý kiến tham vấn cũng được nhấn mạnh trong *Sách Xanh*. Theo đó, để có thể thực hiện phân tích và đánh giá các phương án, đề xuất được đưa ra thì cần tổ chức các cuộc hội thảo có sự tham gia của các chuyên gia và các bên có liên quan. Từ đó, có thể thu thập được các kết quả nghiên cứu, lời khuyên và các kinh nghiệm, kiến thức của các chuyên gia và các bên có liên

⁽⁶²⁾ Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 27.

⁽⁶³⁾ Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 54.

⁽⁶⁴⁾ Có thể thực hiện bằng phương pháp xác định Giá trị xã hội hiện tại ròng hoặc Tỷ lệ Chi phí - lợi ích.

⁽⁶⁵⁾ Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 39 - 56.

⁽⁶⁶⁾ Hướng dẫn Khung hoàn thiện quy định pháp luật (*Better regulation framework: guidance*) là một tài liệu nội bộ dành cho các cơ quan thuộc Chính phủ Vương quốc Anh nhằm hỗ trợ việc thực hiện và tuân thủ các khía cạnh của Khung hoàn thiện quy định pháp luật. Cụ thể, Hướng dẫn đặt ra các quy trình, hướng dẫn tự thẩm định mà các cơ quan và nhân viên Chính phủ phải thực hiện để đảm bảo Khung hoàn thiện quy định pháp luật. Các hướng dẫn trong quá trình xây dựng chính sách được chia theo thứ tự các giai đoạn trong quá trình xây dựng chính sách (từ phát triển chính sách, ĐGTD, thẩm định (tuỳ trường hợp), cho đến công bố, trước và sau áp dụng). Xem tại: https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/916918/better-regulation-guidance.pdf.

⁽⁶⁷⁾ Phòng Kinh doanh, Năng lượng và Chiến lược Công nghiệp, Vương quốc Anh, *Hướng dẫn Khung hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật*, trang 11.

quan, hỗ trợ cho việc đánh giá và lựa chọn các phương án chính sách⁽⁶⁸⁾. Bên cạnh đó, cũng theo Sách Xanh, việc tham vấn ý kiến của chuyên gia và các bên liên quan nên được tiến hành từ những giai đoạn đầu của quá trình ĐGTĐ. Điều này sẽ giúp cơ quan soạn thảo có cái nhìn rõ hơn về thực tiễn và giúp hoàn thiện hơn nội dung chính sách, đồng thời có sự thống nhất với các chính sách có liên quan, từ đó gia tăng tính hiệu quả, hạn chế lãng phí thời gian, chi phí trong quá trình ĐGTĐ⁽⁶⁹⁾.

Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt cũng khẳng định các quy trình tham vấn là nền tảng của việc Thực hành Quy định Tốt và là tiền đề chính để các quy định được chấp nhận rộng rãi và do đó có thể thực thi được. Các cơ quan quản lý nên nỗ lực để đảm bảo rằng các bên quan tâm và bị ảnh hưởng có cơ hội tham gia các cuộc tham vấn có ý nghĩa ở tất cả các giai đoạn soạn thảo, thực hiện và đánh giá các quy định. Tốt nhất hoạt động tham vấn nên được lồng ghép với tất cả các giai đoạn xây dựng chính sách, bao gồm cả việc lựa chọn công cụ đáp ứng tốt nhất mục tiêu chính sách công (VBQPPL/văn bản khác/cơ chế tự nguyện thực thi...). Hướng dẫn của ASEAN cũng tham chiếu tới 05 phương thức thực hiện tham vấn cộng đồng được xác định bởi Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), bao gồm: (i) Tham vấn không chính thức (trao đổi qua các cuộc gọi, email và sử dụng các nền tảng tham vấn trực tuyến...); (ii) Chia sẻ các đề xuất để lấy ý kiến công chúng; (iii) Thông báo và bình luận công khai; (iv) Điều trần công khai; (v) Sử dụng các cơ quan tư vấn (có sự tham gia của các cơ quan chuyên môn có liên quan)⁽⁷⁰⁾

8. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới giám sát và đánh giá chính sách

Quy trình Giám sát và đánh giá tại *Sách Xanh* có điểm khác biệt nhất định với việc giám sát đánh giá tại Việt Nam. Theo đó, Giám sát và đánh giá theo hướng dẫn này được xác định là một quy trình xuyên suốt của quá trình xây dựng, thực thi và cả sau khi ban hành chính sách, và được triển khai ngay từ giai đoạn đầu tiên của quy trình xây dựng chính sách⁽⁷¹⁾. Liên quan tới việc giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách như Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS của Việt Nam, *Hướng dẫn Khung hoàn thiện quy định pháp luật* có đưa ra hướng dẫn về việc

⁽⁶⁸⁾ Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 8.

⁽⁶⁹⁾ Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 20.

⁽⁷⁰⁾ Ban thư ký ASEAN, *Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt*, trang 10, trang 11.

⁽⁷¹⁾ Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 71.

thực hiện một đánh giá sau khi ban hành và thực thi quy định pháp luật - gọi tắt là PIR (**P**ost-**I**mplementation **R**eview). Các đánh giá này chủ yếu được thực hiện với mục tiêu xem xét liệu các mục tiêu đặt ra khi ban hành chính sách/quy định đã đạt được hay chưa, các mục tiêu này còn phù hợp và có giá trị hay không, và liệu các mục tiêu đó có thể đạt được thông qua các phương thức khác tiết kiệm và đơn giản hơn?⁽⁷²⁾

⁽⁷²⁾ Phòng Kinh doanh, Năng lượng và Chiến lược Công nghiệp, Vương quốc Anh, Hướng dẫn Khung hoàn thiện quy định pháp luật, trang 17.

PHỤ LỤC III - BẢNG SO SÁNH PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG VÀ ĐỊNH TÍNH

TT	Tiêu chí	Phương pháp nghiên cứu định lượng (NCĐL)	Phương pháp nghiên cứu định tính (NCĐT)
1.	Tổng số mẫu và phương pháp lấy mẫu⁽⁷³⁾	Yêu cầu số lượng mẫu nghiên cứu lớn. Các đối tượng nghiên cứu có thể được chọn lựa ngẫu nhiên.	Số lượng mẫu nghiên cứu thường ít hơn. Đối tượng nghiên cứu được lựa chọn có chủ đích.
2.	Thu thập dữ liệu⁽⁷⁴⁾	Thường sử dụng một số phương thức bao gồm: thực nghiệm, khảo sát, các hình thức khác như phân tích nội dung, phân tích dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu số liệu thống kê sẵn có. Thường được thực hiện theo khung phân tích, mẫu câu hỏi cố định.	Thường sử dụng một số phương thức khảo sát thực địa như nghiên cứu dân tộc học, quan sát đối tượng, phỏng vấn sâu. Thường thực hiện chủ yếu dựa trên quan sát và phỏng vấn sâu, có thể được điều chỉnh để phù hợp với từng đối tượng nghiên cứu và hoàn cảnh cụ thể.
3.	Đặc tính dữ liệu⁽⁷⁵⁾	Là dữ liệu cứng dạng số.	Là dữ liệu mềm, bao gồm: từ, câu, ảnh, ký hiệu,... và tương đối chi tiết, phong phú và phức tạp (mức độ tùy vào từng nghiên cứu).
4.	Đặc điểm phương pháp⁽⁷⁶⁾	NCĐL chủ yếu dựa vào các nguyên tắc thực chứng, nhấn mạnh vào tính chính xác của các biến số để kiểm định giả thuyết.	NCĐT chủ yếu được thực hiện dựa vào việc dẫn giải hoặc phê bình với trọng tâm là tiến hành nghiên cứu các trường hợp đặc thù phát sinh trong đời sống xã hội.
5.	Mục đích	NCĐL tập trung vào đánh	NCĐT được thực hiện nhằm

⁽⁷³⁾ Sonyel Oflazoğlu (2017), *So sánh nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng*, Chương 1.

⁽⁷⁴⁾ PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa - Khoa Luật, Đại học Kinh tế TP HCM (2014), *Phương pháp nghiên cứu luật học*, trang 84 - 87; Sonyel Oflazoğlu (2017), *sđđ*, Lời nói đầu; W. Lawrence Neuman (2014), *Các phương pháp nghiên cứu xã hội: phương thức định lượng và định tính*, trang 46 - 53.

⁽⁷⁵⁾ W. Lawrence Neuman (2014), *sđđ*, trang 167; Sonyel Oflazoğlu (2017), *sđđ*, Lời nói đầu.

⁽⁷⁶⁾ W. Lawrence Neuman (2014), *sđđ*, trang 167 - 168.

	tiền hành⁽⁷⁷⁾	giá, khẳng định hoặc phủ định một giả thuyết có sẵn cũng như vào hệ quả/hậu quả mang tính phổ biến.	phân tích sâu và lý giải về hiện tượng, sự việc bằng cách thu thập góc nhìn, quan điểm, kinh nghiệm của đối tượng nghiên cứu.
6.	Phân tích và diễn giải số liệu⁽⁷⁸⁾	Sử dụng các phương pháp tính toán thống kê (ví dụ: phần mềm thống kê khoa học xã hội (SPSS), mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM)). Việc nghiên cứu thường dựa trên những giả thuyết có sẵn.	Sử dụng phương pháp trích dẫn và nêu ý nghĩa (ví dụ: phân tích nội dung mô tả, phần mềm Nvivo). Việc phân tích vẫn giữ nguyên tính phức tạp và độc nhất của từng mẫu và cho phép vận dụng các giả thuyết được phát hiện trong quá trình phân tích và diễn giải.
7.	Kết quả và báo cáo⁽⁷⁹⁾	Mang tính khái quát và đại diện cao. Có thể giúp dự báo tương lai và thường được trình bày dưới cách viết khách quan của người quan sát độc lập.	Mang tính chuyên sâu với mô tả chi tiết về hiện tượng được nghiên cứu trong phạm vi góc nhìn và quan điểm của đối tượng nghiên cứu, ít mang tính đại diện.

⁽⁷⁷⁾ PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa (2014), sđd, trang 84 - 87; W. Lawrence Neuman (2014), sđd, trang 168; Steven J. Taylor, Robert Bogdan, Marjorie L. DeVault (2016), *Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu định tính: sách hướng dẫn và tài liệu tham khảo*, trang 8.

⁽⁷⁸⁾ Sonyel Oflazoğlu (2017), sđd, Lời nói đầu.

⁽⁷⁹⁾ Sonyel Oflazoğlu (2017), sđd, Lời nói đầu; PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa (2014), sđd, trang 84 - 87.

PHỤ LỤC IV

MỘT SỐ THAM KHẢO VỀ CHÍNH SÁCH VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

CHƯƠNG I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

I. Chính sách và các khái niệm liên quan

1. Khái niệm chính sách

Theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP, “*Chính sách là định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định*”⁽⁸⁰⁾.

Theo khái niệm trên, một chính sách gồm 3 yếu tố cấu thành chính:

i. Vấn đề thực tiễn cần giải quyết;

ii. Định hướng, mục tiêu giải quyết vấn đề (hay còn gọi là mục tiêu của chính sách);

iii. Các giải pháp của Nhà nước (giải pháp thực hiện chính sách) để giải quyết vấn đề theo mục tiêu đã xác định.

Đây là cách tiếp cận xây dựng, hoạch định chính sách dựa trên nhu cầu thực tiễn và nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn. Do đó, điều quan trọng đầu tiên là phải nhận diện đúng vấn đề thực tiễn cần giải quyết.

2. Vấn đề thực tiễn cần giải quyết là gì

Vấn đề thực tiễn cần giải quyết là một hiện trạng xã hội đã và đang xảy ra (hoặc có thể được dự báo sẽ xảy ra) có ảnh hưởng/tác động đến đời sống, hoạt động của một hoặc một số nhóm đối tượng trong xã hội, đến tổ chức, hoạt động

⁽⁸⁰⁾ Nghị định 34/2016, Điều 2, Khoản 1

của CQNN. Tuy nhiên, một vấn đề thực tiễn đòi hỏi phải được giải quyết bằng chính sách, pháp luật chỉ khi vấn đề đó có nội dung tác động và phạm vi tác động nhất định về thời gian, không gian cho các đối tượng chịu ảnh hưởng.

Ví dụ: Một vấn đề thực tiễn cần giải quyết khi đề xuất chính sách nhằm xây dựng Luật BHVBQPPL hợp nhất trên cơ sở Luật BHVBQPPL 2008 và Luật BHVBQPPL 2004 (gọi tắt là Luật BHVBQPPL (hợp nhất) hay Luật BHVBQPPL 2015 sau khi được Quốc hội thông qua)

Báo cáo của Chính phủ về Tổng kết thực tiễn thi hành Luật BHVBQPPL của HĐND và UBND năm 2004, Luật BHVBQPPL 2008 cho thấy một trong những bất cập lớn được nhận diện là HTPL phức tạp, công kênh, nhiều tầng nấc, rất nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành VBQPPL (11 chủ thể ở trung ương theo Luật BHVBQPPL 2008 và 06 chủ thể ở địa phương) với nhiều hình thức (14 hình thức do CQNN ở trung ương ban hành và 9 hình thức do CQNN 3 cấp (tỉnh, huyện xã) ở địa phương ban hành), có chủ thể có thẩm quyền ban hành 2- 3 hình thức VBQPPL. Tính đến thời điểm tổng kết (2013), tổng số VBQPPL do 23.600 cơ quan có thẩm quyền ban hành theo 2 Luật là 289.779, trong đó CQNN ở trung ương ban hành 5.206 văn bản (chiếm 1,8%), Chính quyền địa phương 3 cấp ban hành 284.519 (98,2%), trong đó VBQPPL của chính quyền cấp tỉnh chiếm 11%, VBQPPL của cấp huyện chiếm 28,5% và VBQPPL của cấp xã chiếm 60,5%. Với số lượng VBQPPL ban hành ngày càng tăng nhưng chất lượng văn bản còn thấp, nhiều sai phạm cả về nội dung, hình thức và thẩm quyền ban hành, chứa đựng nhiều mâu thuẫn chồng chéo giữa các văn bản dẫn đến hiệu lực, hiệu quả của HTPL còn nhiều hạn chế, trong nhiều trường hợp gây lãng phí cho NSNN từ xây dựng đến việc tổ chức thi hành, chưa thật sự là công cụ thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội.

Điều cần lưu ý là phải phân tích, nhận diện được các nguyên nhân (trực tiếp và gián tiếp) gây ra hiện trạng (vấn đề) để tìm kiếm giải pháp phù hợp khắc phục triệt để các nguyên nhân đó.

Ví dụ: Nguyên nhân gây ra vấn đề thực tiễn cần giải quyết khi đề xuất chính sách nhằm xây dựng Luật BHVBQPPL (hợp nhất)

Tình trạng HTPL công kênh, phức tạp như trên do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân do chính quy định tại Luật BHVBQPPL 2008 và Luật BHVBQPPL 2004 là:

Quy định khái niệm VBQPPL thiếu rõ ràng, chưa có quy định khái niệm “quy phạm pháp luật” nên trên thực tế khó phân biệt giữa văn bản hành chính với VBQPPL dẫn đến ban hành VBQPPL tràn lan.

Việc quy định tên gọi giống nhau giữa văn bản hành chính và VBQPPL (ví dụ như Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định của UBND), giữa văn bản có chứa QPPL và không chứa QPPL (Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của UBTWQH, Nghị quyết của HĐND) dễ gây nhầm lẫn dẫn đến việc tùy tiện trong áp dụng quy trình, trình tự ban hành văn bản, gây khó khăn trong tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân; giảm hiệu lực và tính nghiêm minh của HTPL.

Quy định HĐND, UBND cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã đều có thẩm quyền ban hành VBQPPL nhưng không có sự khác biệt về thẩm quyền nội dung mà chỉ khác về cấp độ, phạm vi áp dụng theo lãnh thổ hành chính dẫn đến hệ thống VBQPPL ở địa phương trở nên công kênh, nhiều tầng nấc, văn bản của cấp dưới chủ yếu chỉ sao chép nội dung văn bản của cấp trên, rất khó kiểm soát số lượng và chất lượng VBQPPL do cấp huyện, cấp xã ban hành.

3. Mục tiêu chính sách

Mục tiêu chính sách là mức độ giải quyết vấn đề thực tiễn mà Nhà nước hướng tới trong thời gian trước mắt hoặc lâu dài (mục tiêu ngắn hạn, mục tiêu dài hạn) nhằm hạn chế, giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với các đối tượng chịu tác động hoặc chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách pháp luật.

Một vấn đề có thể phát sinh do nhiều nguyên nhân gây ra và có thể tác động tiêu cực đến các đối tượng trên các khía cạnh khác nhau như kinh tế, xã

hội, môi trường... Do đó, mục tiêu chính sách trước tiên cần hướng tới giải quyết những nguyên nhân chính gây nên tác động tiêu cực chủ yếu cho các đối tượng.

Ví dụ: Xác định mục tiêu của dự thảo chính sách “Sửa đổi Luật BHVBQPPL 2015”

Xác định hình thức VBQPPL phù hợp với thẩm quyền của các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và việc phân cấp, phân quyền đối với Chính quyền địa phương các cấp trong hoạt động xây dựng, ban hành VBQPPL. Đơn giản hóa hình thức VBQPPL theo hướng làm cho HTPL đơn giản, minh bạch, dễ tiếp cận, dễ áp dụng, khắc phục mâu thuẫn, chồng chéo, bảo đảm tính thống nhất, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

4. Giải pháp thực hiện chính sách

Giải pháp thực hiện chính sách là các phương án khác nhau để giải quyết vấn đề thực tiễn theo mục tiêu đã xác định. Giải pháp phải phù hợp, cân xứng với vấn đề về quy mô, phạm vi, đối tượng tác động, khắc phục được trũng và đúng các nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân gián tiếp gây ra vấn đề; đồng thời giải pháp phải hiệu quả nghĩa là đạt được mục tiêu đặt ra với chi phí hợp lý, khả thi đối với các đối tượng phải thực hiện, tuân thủ.

Thông thường, mỗi giải pháp thực hiện chính sách sử dụng một công cụ thể hiện cách thức mà Nhà nước có thể can thiệp để giải quyết vấn đề thực tiễn. Ví dụ: để khuyến khích hay hạn chế một lĩnh vực, Nhà nước có thể áp dụng các công cụ khác nhau như tăng/giảm thuế, tăng/giảm phí, tăng/giảm chi tiêu Chính phủ; cấp/cắt các khoản ưu đãi....; dùng công cụ truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, thay đổi lối sống, thay đổi định kiến xã hội... Việc ban hành VBQPPL chứa chính sách là một trong các công cụ, giải pháp quan trọng nhưng không phải là duy nhất. Có những công cụ chính sách bắt buộc phải thể hiện bằng hình thức VBQPPL (như luật, pháp lệnh...) nhưng cũng có những

công cụ thực hiện không phải bằng VBQPPL (như cải tiến phương thức giải quyết TTHC). Để đạt được mục tiêu chính sách, có thể sử dụng đồng thời nhiều công cụ chính sách nhưng những công cụ đó không được mang tính chất loại trừ mà phải hỗ trợ lẫn nhau khi áp dụng cho cùng đối tượng.

Ví dụ: Các giải pháp dự kiến để thực hiện chính sách đơn giản hoá các hình thức VBQPPL của dự thảo chính sách “Sửa đổi Luật BHVBQPPL 2015”

Giải pháp 1- Giữ nguyên quy định về hình thức VBQPPL tại Luật BHVBQPPL 2004 và Luật BHVBQPPL 2008 (ở Trung ương: 11 chủ thể có thẩm quyền ban hành 14 hình thức VBQPPL; ở địa phương 06 chủ thể có thẩm quyền ban hành 09 hình thức VBQPPL); tăng cường các biện pháp tập huấn cho đội ngũ công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xây dựng, ban hành VBQPPL; tăng cường kiểm tra, giám sát việc ban hành VBQPPL....

Giải pháp 2- Giảm tối đa các hình thức VBQPPL theo hướng mỗi cơ quan ở trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh chỉ ban hành 01 hình thức VBQPPL; cơ quan tư pháp (Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao), cơ quan độc lập không làm nhiệm vụ quản lý nhà nước (Tổng kiểm toán nhà nước), Chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã không ban hành VBQPPL; không còn hình thức VBQPPL liên tịch.

Giải pháp 3- Giảm một số hình thức VBQPPL phù hợp với thẩm quyền của mỗi cơ quan ở trung ương và địa phương để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do luật định.

5. Xây dựng chính sách

Luật BHVBQPPL 2015 và Nghị định 34/2016 không quy định về việc xây dựng tất cả các chính sách mà chỉ quy định về những chính sách được đề xuất và dự kiến ban hành dưới hình thức VBQPPL. Vì vậy, việc xây dựng chính sách là một khâu, một công đoạn quan trọng trong quá trình đề xuất, soạn thảo và thông qua VBQPPL.

Theo quy định của Luật BHVBQPPL 2015 và Nghị định 34/2016/NĐ-CP, chính sách được xây dựng chủ yếu trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng VBQPPL hoặc trong giai đoạn soạn thảo VBQPPL cụ thể, như sau:

• *Chính sách phải được xây dựng và thông qua trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng văn bản đối với: luật, nghị quyết của Quốc hội⁽⁸¹⁾; pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH⁽⁸²⁾; một số Nghị định của Chính phủ⁽⁸³⁾; nghị quyết của HĐND cấp tỉnh⁽⁸⁴⁾. Đây chính là điểm mới cơ bản của Luật BHVBQPPL 2015 để đảm bảo chất lượng chính sách của quốc gia, cũng như chính sách của địa phương. Chính sách phải được xây dựng và được cơ quan có thẩm quyền, chịu trách nhiệm về tổ chức thi hành chính sách thông qua trước khi được quy định cụ thể trong các VBQPPL bằng quá trình soạn thảo (quy phạm hoá chính sách).*

• *Chính sách phải được ĐGTD ở bước đầu của giai đoạn soạn thảo VBQPPL đối với nghị định quy định chi tiết chính sách được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước⁽⁸⁵⁾; quyết định của Thủ tướng Chính phủ⁽⁸⁶⁾, quyết định của UBND cấp tỉnh⁽⁸⁷⁾, nếu chưa được đánh giá trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, UBTVQH.*

Lưu ý, Luật BHVBQPPL 2015 quy định trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, xem xét cho ý kiến về dự án luật, pháp lệnh, nếu cơ quan nào đề xuất chính sách mới thì cơ quan đó có trách nhiệm ĐGTĐCS¹. Quy định này nhằm khắc phục một thực tế là có những trường hợp chính sách mới được đưa vào dự án luật, pháp lệnh ở các giai đoạn cuối trước khi thông qua mà không được phân tích, ĐGTD như các chính sách khác do cơ quan lập đề nghị và chủ trì soạn thảo VBQPPL đề xuất, dẫn đến những khó

⁽⁸¹⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 15, Khoản 1, khoản 2 (điểm b và c).

⁽⁸²⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 16, khoản 1 và khoản 2 (điểm b).

⁽⁸³⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 19, khoản 2 và khoản 3.

⁽⁸⁴⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 27, khoản 2, 3 và 4.

⁽⁸⁵⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 19, khoản 1 và Điều 90, khoản 2 (a)

⁽⁸⁶⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 20.

⁽⁸⁷⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 28.

khẩn trong việc tổ chức thi hành, tính khả thi của chính sách bị hạn chế.

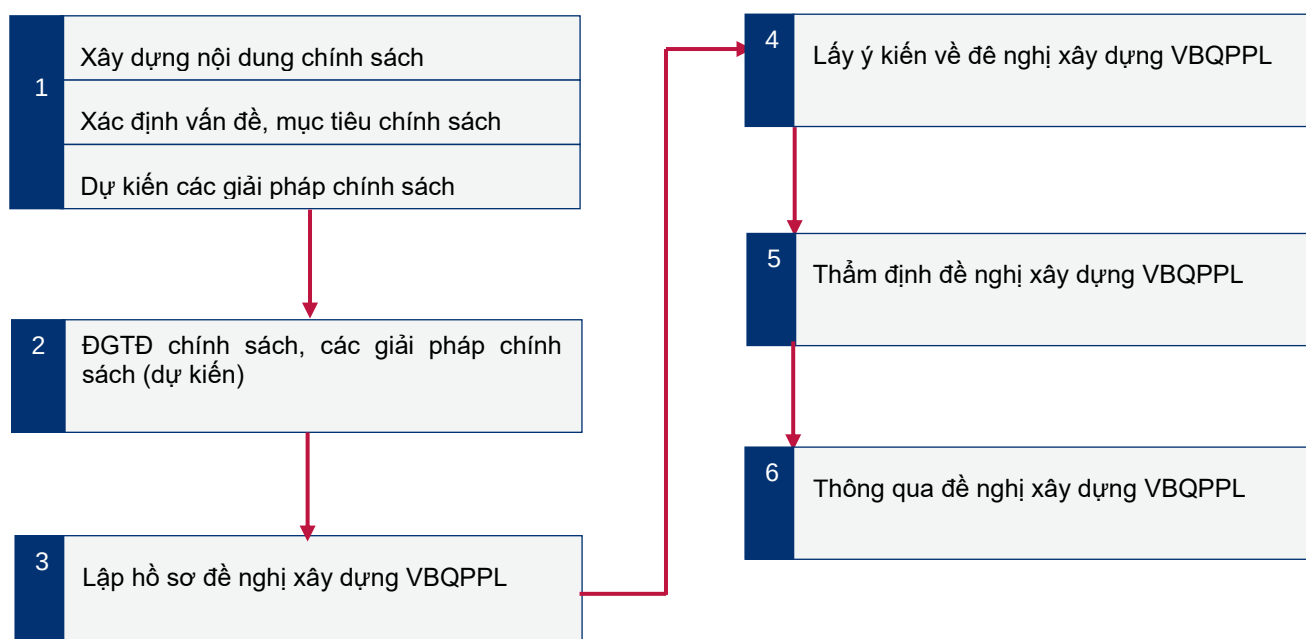
II. Quy trình xây dựng chính sách

Chính sách là sản phẩm của một quá trình nghiên cứu, phân tích, ra quyết định của các CQNN có thẩm quyền, với các bước được thực hiện theo một trình tự logic, chặt chẽ.

Khái quát chung, theo quy định của Luật BHVBQPPL 2015 và Nghị định 34/2016/NĐ-CP, quy trình lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh do Chính phủ trình và đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND trình gồm 6 công đoạn (bước) chính sau:

- 1/ Xây dựng nội dung chính sách;
- 2/ ĐGTĐ của chính sách;
- 3/ Lập hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL;
- 4/Tổ chức lấy ý kiến về đề nghị xây dựng VBQPPL;
- 5/ Thẩm định đề nghị xây dựng VBQPPL;
- 6/ Thông qua đề nghị xây dựng VBQPPL.

Hình 1.1. Quy trình xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL do Chính phủ, UBND cấp tỉnh lập



⇒ **Công đoạn 1** - Xây dựng nội dung chính sách⁽⁸⁸⁾ gồm các bước: 1) Xác định vấn đề cần giải quyết, nguyên nhân của từng vấn đề; 2) Xác định mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể cần đạt được khi giải quyết vấn đề; 3) Xác định (dự kiến) các giải pháp để giải quyết từng vấn đề; 4) Xác định các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách; 5) Xác định (dự kiến) thẩm quyền, hình thức ban hành chính sách để giải quyết vấn đề⁽⁸⁹⁾.

⇒ **Công đoạn 2** - ĐGTĐ chính sách⁽⁹⁰⁾ gồm các bước sẽ được mô tả tại Chương 2 và giới thiệu công cụ tại Chương 3.

⇒ **Công đoạn 3** - Xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL⁽⁹¹⁾.

⇒ **Công đoạn 4** - **Lấy ý kiến về** chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL⁽⁹²⁾ gồm các bước:

i/ Đăng tải tờ trình đề nghị xây dựng VBQPPL, báo cáo tổng kết, báo cáo ĐGTĐCS trong đề nghị xây dựng VBQPPL;

ii/ Lấy ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức liên quan;

iii/ Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến các bộ ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Công đoạn 1 đến công đoạn 4 do bộ, cơ quan ngang bộ được Chính phủ phân công thực hiện đối với văn bản cấp trung ương; hoặc, sở, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được UBND cấp tỉnh phân công thực hiện đối với văn bản cấp địa phương.

⇒ **Công đoạn 5** - Thẩm định đề nghị xây dựng VBQPPL⁽⁹³⁾ gồm các bước:

⁽⁸⁸⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 34, khoản 1, điểm c

⁽⁸⁹⁾ Nghị định 34/2016, Điều 5

⁽⁹⁰⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 35; Nghị định 34/2016, Điều 6

⁽⁹¹⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 37

⁽⁹²⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 36

⁽⁹³⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 39; Nghị định 34/2016, Điều 13

i/ Các bộ, cơ quan ngang bộ lập đề nghị xây dựng VBQPPL gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp để thẩm định;

ii/ Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định chính sách và đề nghị xây dựng VBQPPL;

iii/ Bộ Tư pháp gửi báo cáo thẩm định đến các bộ, cơ quan ngang bộ lập đề nghị nêu rõ đề nghị đủ hay chưa đủ điều kiện trình Chính phủ;

iv/ Cơ quan lập đề nghị chỉnh lý, hoàn thiện, lập báo cáo giải trình, tiếp thu gửi Bộ Tư pháp trước khi trình Chính phủ.

⇒ **Công đoạn 6-** Trình Chính phủ/ UBND cấp tỉnh xem xét, thông qua đề nghị xây dựng VBQPPL⁽⁹⁴⁾ với các bước:

i/ Bộ, cơ quan ngang bộ trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL;

ii/ Chính phủ tổ chức phiên họp để xem xét các đề nghị xây dựng VBQPPL, thảo luận và biểu quyết thông qua chính sách trong từng đề nghị xây dựng VBQPPL;

iii/ Chính phủ ra nghị quyết về đề nghị xây dựng VBQPPL với các chính sách đã được thông qua. Đây chính là cơ sở để các bộ ngành soạn thảo VBQPPL theo phân công của UBTVQH hay Chính phủ.

Quy trình xây dựng chính sách trong lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh do các chủ thể khác ngoài Chính phủ trình cũng phải tuân theo 4 công đoạn đầu; trước khi trình UBTVQH và Quốc hội, các cơ quan, tổ chức và đại biểu Quốc hội gửi hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh để Chính phủ cho ý kiến bằng văn bản⁽⁹⁵⁾. Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan chuẩn bị ý kiến để Chính phủ thảo luận và cùng với Văn phòng Chính phủ tiếp thu ý kiến của Chính phủ, chỉnh lý trình Thủ tướng xem xét quyết định⁽⁹⁶⁾. Ở địa phương, quy trình xây dựng chính sách trong lập đề nghị xây dựng nghị

⁽⁹⁴⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 40, 41, 42)

⁽⁹⁵⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 44.

⁽⁹⁶⁾ Nghị định 34/2016, Điều 12.

quyết của HĐND cấp tỉnh do các chủ thể khác ngoài UBND cấp tỉnh trình phải tuân theo các công đoạn từ 1 đến 4 và công đoạn 6.

III. Đánh giá tác động của chính sách và quy trình ĐGTD của chính sách.

1. Khái niệm và mục đích ĐGTĐCS

a. Khái niệm

Luật BHVBQPPL 2015 và Nghị định 34/2016/ NĐ-CP quy định như sau:

- **Đánh giá tác động của chính sách** là việc phân tích, dự báo tác động của chính sách đang được xây dựng đối với các nhóm đối tượng khác nhau nhằm lựa chọn giải pháp tối ưu thực hiện chính sách⁽⁹⁷⁾ Tại giai đoạn ĐGTD, chính sách đang được xây dựng ở công đoạn 2 như đã nêu ở trên (Hình 1.1). Do đó, chính sách được ĐGTD chủ yếu sẽ chỉ là các dự thảo chính sách và phải có đầy đủ nội dung các nội dung của một chính sách⁽⁹⁸⁾.

- **Nội dung đánh giá tác động của từng chính sách** trong đề nghị xây dựng VBQPPL phải nêu rõ: vấn đề cần giải quyết; mục tiêu của chính sách; giải pháp để thực hiện chính sách; tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do của việc lựa chọn; đánh giá tác động TTHC (nếu có); tác động về giới (nếu có)”⁽⁹⁹⁾.

- **05 loại tác động cần đánh giá đối với từng chính sách:** tác động về kinh tế, tác động về xã hội, tác động về giới (nếu có), tác động của TTHC (nếu có) và tác động đối với HTPL⁽¹⁰⁰⁾.

⁽⁹⁷⁾ Nghị định 43, Điều 2, khoản 2

⁽⁹⁸⁾ Theo quy định tại Điều 5 của Nghị định 34/2016, nội dung của một chính sách bao gồm:

1. Xác định các vấn đề cần giải quyết, nguyên nhân của từng vấn đề.
2. Xác định mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể cần đạt được khi giải quyết các vấn đề.
3. Xác định định hướng, giải pháp để giải quyết từng vấn đề.
4. Xác định đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách.
5. Xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề.

⁽⁹⁹⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 35, khoản 2

⁽¹⁰⁰⁾ Nghị định 34/2016, Điều 6

- **02 phương pháp ĐGTĐCS gồm:** phương pháp định lượng và phương pháp định tính. Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo ĐGTĐCS phải nêu rõ lý do⁽¹⁰¹⁾.

- **Chủ thể ĐGTĐCS:** theo Luật BHVBQPPL 2015, cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm xây dựng chính sách khi lập đề nghị xây dựng VBQPPL hay khi soạn thảo VBQPPL đồng thời chịu trách nhiệm ĐGTĐCS. Đối với đề nghị xây dựng VBQPPL hoặc dự thảo VBQPPL do Chính phủ, UBND cấp tỉnh trình thì Chính phủ phân công cho các bộ, ngành; UBND phân công cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thực hiện việc xây dựng chính sách và ĐGTĐCS nhưng Chính phủ và UBND vẫn là cơ quan có quyền hạn và chịu trách nhiệm về chính sách, ĐGTĐCS trong đề nghị xây dựng VBQPPL và trong dự thảo VBQPPL.

b. Mục đích ĐGTĐ của chính sách

- ĐGTĐCS giúp cơ quan có thẩm quyền thận trọng, khách quan khi xem xét, cân nhắc lựa chọn giải pháp hợp lý, khả thi và hiệu quả để giải quyết vấn đề thực tiễn dựa trên việc phân tích chi phí, lợi ích, các tác động tích cực và tiêu cực đối với cá nhân, tổ chức và CQNN do thi hành chính sách nếu được ban hành.

- ĐGTĐCS giúp nâng cao chất lượng của chính sách do việc phân tích, đánh giá được thực hiện bằng các phương pháp khoa học dựa trên các thông tin, dữ liệu, số liệu được thu thập từ các nguồn rõ ràng, tin cậy.

- ĐGTĐCS giúp cho việc công khai các thông tin trong quá trình xây dựng chính sách thông qua việc lấy ý kiến nhân dân, các đối tượng chịu tác động trực tiếp trong suốt quá trình xây dựng, thẩm định, thông qua chính sách cũng như trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra và thông qua dự thảo VBQPPL.

⁽¹⁰¹⁾ Nghị định 34/2016, Điều 7

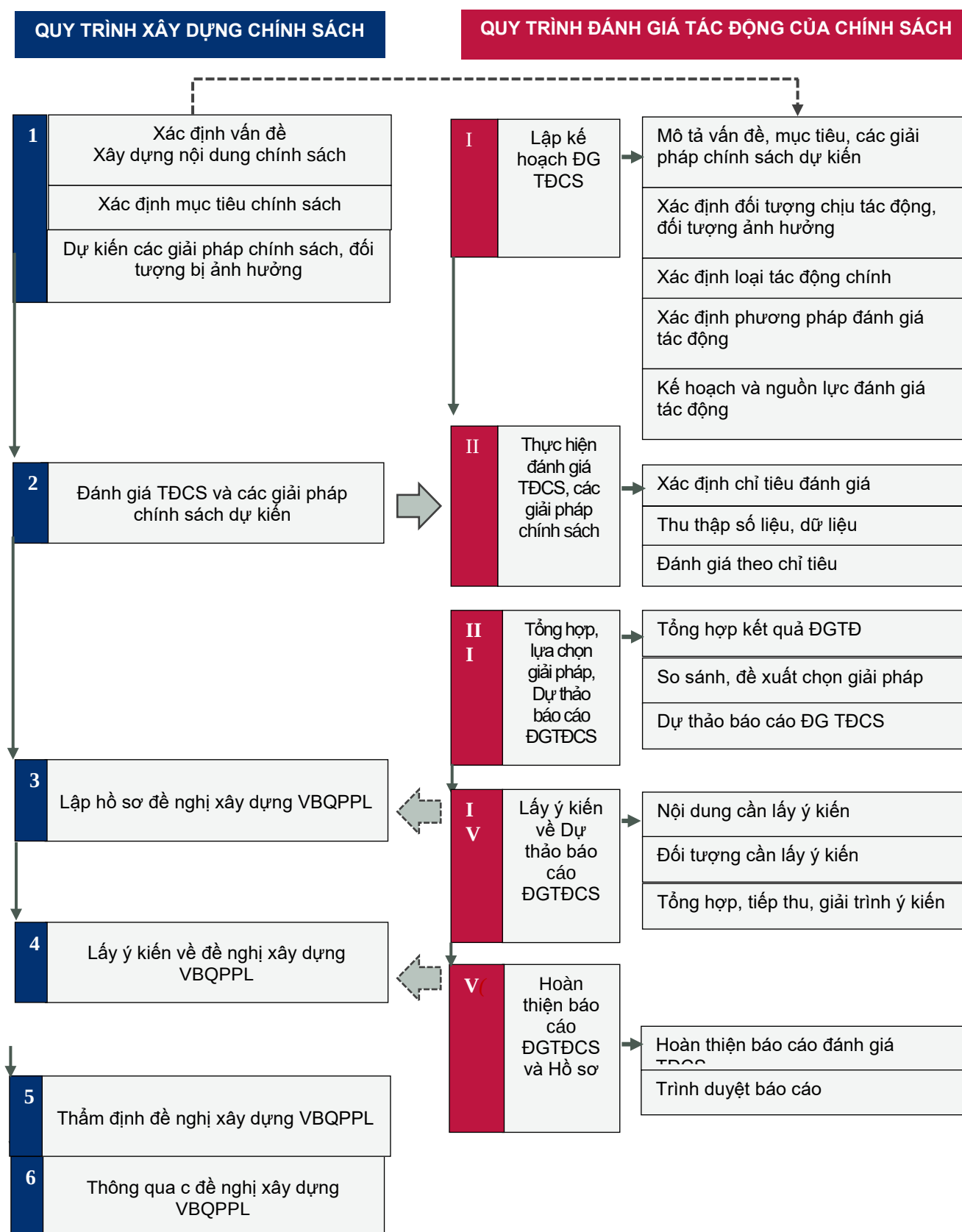
- ĐGTĐCS giúp việc đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của các chính sách, quy định pháp luật đối với hệ thống pháp luật của Việt Nam và các điều ước quốc tế.

2. Quy trình đánh giá tác động chính sách

a. Vị trí và mối quan hệ giữa quy trình ĐGTĐ của chính sách và quy trình xây dựng chính sách

ĐGTĐ của chính sách là công đoạn 2 trong quy trình xây dựng chính sách được quy định tại Điều 35 của Luật BHVBQPPL 2015. Quy trình này gồm 5 bước và có liên quan chặt chẽ và thực hiện lồng ghép với các công đoạn của quy trình lập đề nghị xây dựng VBQPPL (xem Hình 1.2: Sơ đồ tổng thể về các bước trong quy trình lập đề nghị xây dựng VBQPPL và quy trình đánh giá tác động của chính sách).

Hình 1.2. Sơ đồ tổng thể các bước trong quy trình lập đề nghị xây dựng VBQPPL và quy trình đánh giá tác động chính sách



b. Các bước thực hiện quy trình ĐGTĐ của chính sách

⇒ **Bước 1- Lập kế hoạch ĐGTĐCS:** Các thông tin đầu vào để lập kế hoạch ĐGTĐCS là kết quả của Công đoạn 1 trong Quy trình xây dựng chính sách, bao gồm: mô tả vấn đề thực tiễn cần giải quyết, mục tiêu chính sách và các giải pháp thực hiện chính sách được dự kiến; xác định các đối tượng chính chịu tác động và đối tượng bị ảnh hưởng (chịu trách nhiệm tổ chức, thi hành chính sách); xác định các loại tác động chính, phương pháp chính cần sử dụng để ĐGTĐ và xác định các nguồn lực (nhân lực, kinh phí, thời gian, vật chất) để thực hiện ĐGTĐCS.

Mô tả vấn đề thực tiễn và giải pháp chính sách

Để tiến hành mô tả vấn đề chính sách, mục tiêu chính sách và các giải pháp chính sách, Đơn vị đánh giá cần xác định xem trên thực tiễn có những sự việc, hiện tượng đặt ra yêu cầu chính sách, quy định Nhà nước để điều chỉnh là gì? Những hành động hay nội dung chính sách như thế nào mà Nhà nước cần làm để giải quyết vấn đề? Mục tiêu của chính sách (nếu đưa ra)? Nếu xét về chi tiết thì có những giải pháp chính sách ra sao để đạt được mục tiêu đó? Khả năng thi hành và tuân thủ của CQNN, tổ chức, cá nhân đối với chính sách/giải pháp chính sách được đề xuất?

Xác định đối tượng bị tác động

Phân tích đối tượng chịu tác động (hay còn gọi là các bên liên quan) là một công cụ quan trọng để xác định cá nhân, nhóm, tổ chức có vai trò trong việc thay đổi chính sách, qua đó phân tích đặc trưng, mối quan tâm, động cơ, bản chất và mức độ ảnh hưởng của họ tới việc thay đổi chính sách trong tương lai. Công cụ này có ý nghĩa quan trọng bởi nó sẽ cho biết nhóm đối tượng nào sẽ chịu sự ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của việc thay đổi chính sách.

Hình 1.3. Các nhóm đối tượng bị tác động

Cơ quan nhà nước	Người dân	Tổ chức	Đối tượng khác
• Cơ quan trong hệ thống cơ quan lập pháp, như Quốc hội, HĐND các cấp • Cơ quan trong hệ thống cơ quan hành pháp, như Chính phủ và các cơ quan trực thuộc, UBND các cấp...	• Người dân chịu sự tác động trực tiếp của chính sách • Nhóm yếu thế có thể bị tác động gián tiếp của chính sách (người khuyết tật, trẻ em, người dân tộc thiểu số, người nghèo...) •	• Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức ở cộng đồng cơ sở... • Quỹ từ thiện, quỹ xã hội... • Doanh nghiệp • Hợp tác xã •	• Nhà đầu tư nước ngoài • Người nước ngoài • Người Việt Nam định cư ở nước ngoài • Tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài •

Mỗi loại ĐGTĐ có thể tập trung phân tích sâu vào một vài nhóm đối tượng, ví dụ ĐGTĐ xã hội đặc biệt lưu ý đến việc xác định và phân tích các nhóm yếu thế, ĐGTĐ giới tập trung vào bình đẳng giữa hai giới, ĐGTĐ về HTPL sẽ cho biết khả năng thi hành, tuân thủ chính sách của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có ảnh hưởng đến kết quả của chính sách... Việc đánh giá đối tượng tập trung vào vai trò, mức độ chịu tác động của nhóm đối tượng đó.

Sau khi xác định khái quát các đối tượng chịu tác động, đơn vị đánh giá cần tiếp tục phân loại những đối tượng nào sẽ chịu loại tác động nào là chủ yếu: tác động HTPL (tổ chức bộ máy nhà nước); tác động kinh tế; tác động TTHC (nếu có); tác động về giới (nếu có).

Sàng lọc, xác định loại tác động, trọng tâm và chỉ tiêu đánh giá tác động

Sau khi xác định được những lĩnh vực tác động cần phải tập trung đối với từng nhóm đối tượng, đơn vị đánh giá sẽ xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá phù hợp của từng lĩnh vực ĐGTĐ: kinh tế, xã hội, TTHC, giới và HTPL.

Xây dựng phương án và kế hoạch thực hiện

Các kết quả phân tích về đối tượng chịu tác động của ĐGTD, các chỉ tiêu đánh giá trọng tâm được lựa chọn ở trên sẽ được sử dụng để xác định phạm vi và trọng tâm đánh giá. Quá trình lập kế hoạch cần sử dụng đồng thời kết quả của cả quá trình nhận biết và đánh giá về đối tượng chịu tác động và việc xác định chỉ tiêu trọng tâm đánh giá. Phạm vi ĐGTD sẽ chỉ tập trung vào những đối tượng bị tác động (đối với các câu trả lời là CÓ) và đối với những chỉ tiêu trọng tâm được lựa chọn để đảm bảo tính hiệu quả và khả năng thực thi trong phạm vi nguồn lực hạn chế. Bên cạnh đó, bản dự trù ngân sách và kinh phí thực hiện cũng cần được xây dựng. Chi phí sẽ bao gồm chi phí thuê thêm chuyên gia ngoài (nếu có), thực địa, khảo sát, thu thập số liệu, dẫn chứng, lấy ý kiến, hội thảo, in ấn, văn phòng phẩm... theo các quy định hiện hành hoặc theo quy định của đơn vị tài trợ (nếu có).

⇒ **Bước 2 - Thực hiện đánh giá tác động chính sách, giải pháp chính sách:** Sau khi hoàn thành các công việc ở Bước 1, việc ĐGTD có thể được thực hiện riêng rẽ đối với từng loại tác động hoặc có thể thực hiện đồng thời theo từng hoạt động cụ thể của quy trình ĐGTĐCS: Thu thập thông tin và đánh giá, phân tích tác động. Để bảo đảm độ chuyên sâu và các yếu tố kỹ thuật khác, mỗi báo cáo ĐGTĐCS nên có sự tham gia của chuyên gia chuyên sâu về pháp luật, chuyên gia kinh tế, chuyên gia về xã hội và giới, chuyên gia về TTHC. Trong trường hợp tổ chức làm việc nhóm thì cần có một trưởng nhóm hoặc một thành viên chịu trách nhiệm tổng hợp, điều phối chung.

Thu thập thông tin định tính và định lượng

Trên cơ sở các chỉ tiêu đã được sàng lọc của mỗi loại tác động cho mỗi nhóm đối tượng, đơn vị đánh giá cần xây dựng kế hoạch cụ thể để thu thập thông tin định tính và định lượng, bao gồm: loại thông tin cần thu thập đối với mỗi chỉ tiêu, đơn vị/số lượng/giá trị để áp dụng phương pháp định lượng, nguồn thông tin/tài liệu để phân tích định tính, phương pháp thu thập thông tin và các nguồn thông tin.

Đánh giá, phân tích các tác động

Sau khi có đầy đủ thông tin với dữ liệu từ các nguồn đáng tin cậy, đơn vị đánh giá thực hiện việc phân tích từng loại tác động một cách độc lập để bảo đảm tính chuyên sâu.

⇒ **Bước 3 - Tổng hợp và so sánh kết quả ĐGTD của các giải pháp và đề xuất lựa chọn giải pháp; dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS:**

Tổng hợp, so sánh kết quả ĐGTD của chính sách và đề xuất giải pháp lựa chọn

Sau khi đã thực hiện xong từng loại ĐGTD, đơn vị đánh giá tổng hợp kết quả của từng loại ĐGTD để có thể so sánh các giải pháp chính sách. Công tác tổng hợp cần mô tả đầy đủ kết quả ĐGTD của từng loại: kinh tế, xã hội, TTHC, giới và HTPL. Tuy nhiên, một phần kết quả của ĐGTD về kinh tế, xã hội, TTHC và giới cho từng giải pháp chính sách cũng là một phần của ĐGTD về HTPL (điều kiện bảo đảm thi hành). Do đó, khi thực hiện việc tổng hợp các lĩnh vực ĐGTD thì việc ĐGTD đối với HTPL sẽ có nội dung về điều kiện bảo đảm thi hành được trích ra từ 4 loại tác động này cùng với các nội dung riêng biệt của đánh giá tác động HTPL.

Để so sánh giữa các giải pháp, việc tổng hợp có thể được thực hiện theo phương pháp xếp hạng hoặc theo phương pháp mô tả hoặc kết hợp cả hai phương pháp để giúp cho cơ quan có thẩm quyền quyết định chính sách nắm bắt được nội dung của từng loại tác động đối với mỗi giải pháp chính sách; xem xét và so sánh những giải pháp lựa chọn của đơn vị đánh giá và giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề của cơ quan xây dựng chính sách.

Dự thảo báo cáo ĐGTĐ của chính sách

Dựa trên các kết quả ĐGTD, so sánh và đề xuất giải pháp lựa chọn, đơn vị đánh giá dự thảo báo cáo ĐGTĐ của chính sách theo mẫu đã được quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

⇒ **Bước 4 - Lấy ý kiến về Dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS:** Bước này không thực hiện độc lập mà là một nội dung của Công đoạn 3 - Lấy ý kiến về

chính sách, đề nghị xây dựng VBQPPL. Luật BHVBQPPL 2015 và Nghị định 34/2016 quy định trách nhiệm của cơ quan soạn thảo trong việc tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo báo cáo ĐGTĐCS⁽¹⁰²⁾.

Để bảo đảm tính khoa học và tăng cường quyền của người dân tham gia ý kiến vào quá trình dự thảo chính sách và VBQPPL, việc lấy ý kiến góp ý trong quá trình ĐGTĐCS được thực hiện theo hai (02) giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Lấy ý kiến trong quá trình thực hiện ĐGTĐ;

Giai đoạn 2: Lấy ý kiến góp ý, phản biện dự thảo báo cáo ĐGTĐCS; tiếp thu, chỉnh lý dự thảo báo cáo theo quy định của Luật BHVBQPPL 2015 và Nghị định 34/2016.

Các ý kiến đóng góp cho Dự thảo Báo cáo ĐGTĐ của chính sách sẽ được tổng hợp, tiếp thu và giải trình để có những chỉnh lý cần thiết cả về kết quả ĐGTĐ và đề xuất lựa chọn giải pháp thực hiện chính sách.

Tuy nhiên cần lưu ý rằng trong quá trình thực hiện các bước và các kỹ thuật ĐGTĐCS, việc lấy ý kiến các đối tượng liên quan được thực hiện thường xuyên, ngay từ khâu xác định đối tượng chịu tác động, loại tác động cần đánh giá...

⇒ **Bước 5- Hoàn thiện Báo cáo ĐGTĐ của chính sách và Hồ sơ ĐGTĐ của chính sách:** Trên cơ sở kết quả của Bước 4, hoàn thiện Báo cáo ĐGTĐ của chính sách và các phụ lục (số liệu, bảng biểu tính toán) kèm theo.

Kết quả của Bước 5 - Báo cáo và hồ sơ ĐGTĐ của chính sách là một bộ phận của Hồ sơ lập đề nghị xây dựng VBQPPL trong Công đoạn 4 của Quy trình xây dựng chính sách để trình cơ quan thẩm định chính sách ở Công đoạn 5 của Quy trình xây dựng chính sách.

⁽¹⁰²⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 35.

CHƯƠNG II. GIỚI THIỆU CÁC LOẠI ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

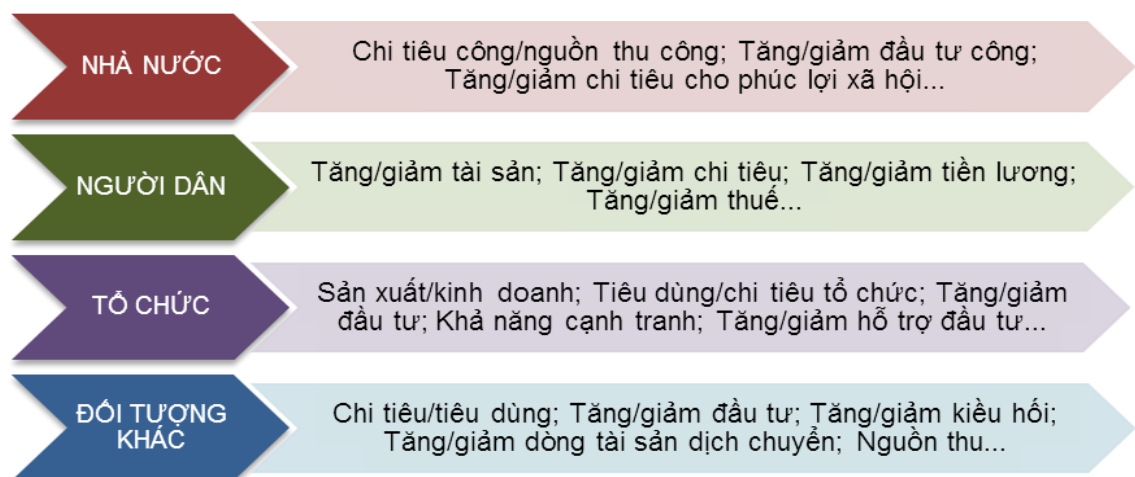
I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KINH TẾ

“Tác động về kinh tế được đánh giá trên cơ sở phân tích chi phí và lợi ích đối với một hoặc một số nội dung về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương, chi tiêu công, đầu tư công và các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế” (Điều 6, Nghị định 34/2016/NĐ-CP).

1. Khái niệm và định nghĩa

Các tác động về kinh tế sẽ có tác động tới các đối tượng khác nhau trong xã hội. Đối với mỗi đối tượng chịu sự tác động, các tác động về kinh tế sẽ thể hiện trong các lĩnh vực sau:

Hình 2.1. Tác động kinh tế đối với từng nhóm đối tượng



Những tác động đối với từng đối tượng này sẽ có ảnh hưởng tới một nội dung chung là *trình độ phát triển, năng lực cạnh tranh, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương* như đã quy định trong Nghị định 34/2016.

Việc phân tích tác động cũng có thể phân tích sâu hơn tới nội dung này thông qua các phân tích tác động đối với từng đối tượng như nêu trên.

2. Tác động kinh tế lên từng nhóm đối tượng

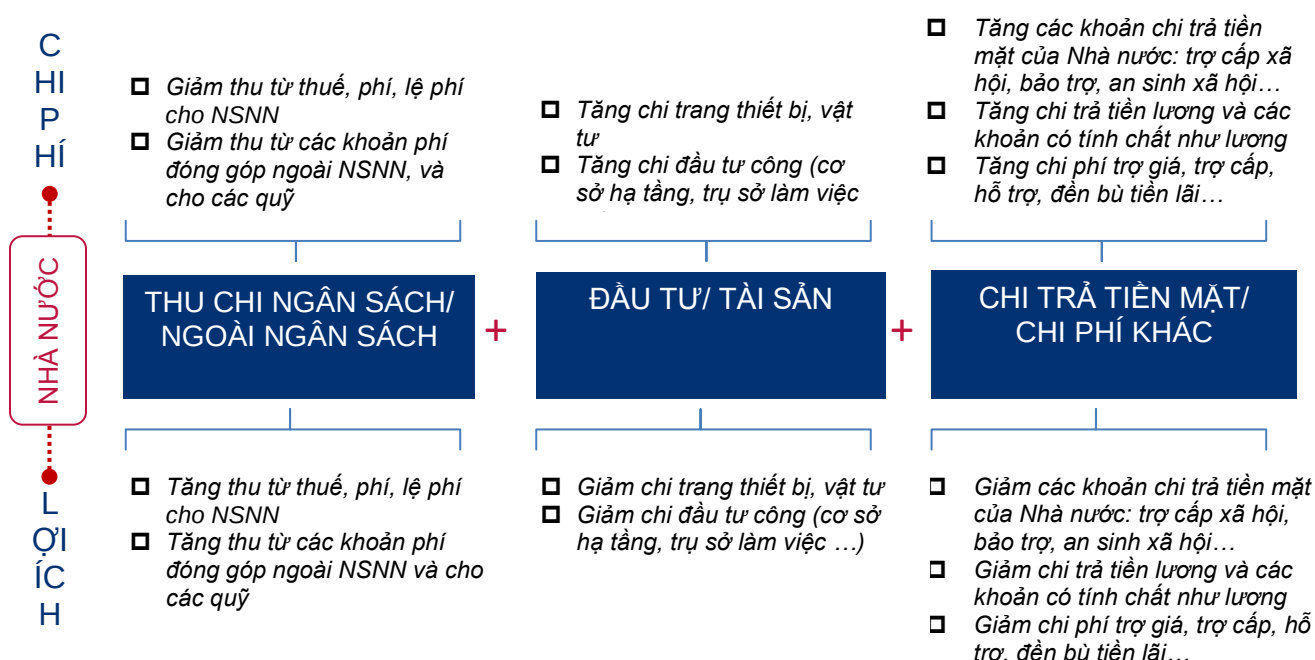
a. Nhóm cơ quan nhà nước:

Các tác động đối với nhóm CQNN sẽ chủ yếu là các chi phí và lợi ích liên quan tới *chi tiêu công, thu nhập công (thu ngân sách), đầu tư công* (như đã quy định tại Nghị định 34/2016). Đây cũng là các chỉ tiêu chính để ĐGTD đối với nhóm đối tượng này.

Các hoạt động chi tiêu công, thu nhập công, đầu tư công ở trong khuôn khổ tài liệu này được hiểu theo nghĩa hẹp, tức là bao gồm các khoản thu chi của các CQNN thông qua NSNN và các quỹ của Nhà nước và Chính phủ quản lý.

Theo định nghĩa này, các chi phí và lợi ích đối với khu vực nhà nước có thể được mô tả như trong hình 2.2 dưới đây:

Hình 2.2. Các lĩnh vực tác động kinh tế đối với Khu vực Nhà nước



Hình 2.2 - thể hiện các loại hình chi phí đối với một cơ quan tham gia thực hiện chính sách. Các loại chi phí này là mang tính điển hình và có giá trị tham khảo, nhưng không bao quát được hết toàn bộ các chi phí, lợi ích có thể phát sinh trên thực tế. Do vậy, quá trình đánh giá cần nhận biết chính xác các chi phí này và các chi phí khác. Để tính toán chi phí đối với toàn xã hội và nền kinh tế, chi phí sẽ được điều chỉnh với tổng số đối tượng phải tham gia thực hiện chính sách và tần suất thực hiện chính sách đó trong một năm.

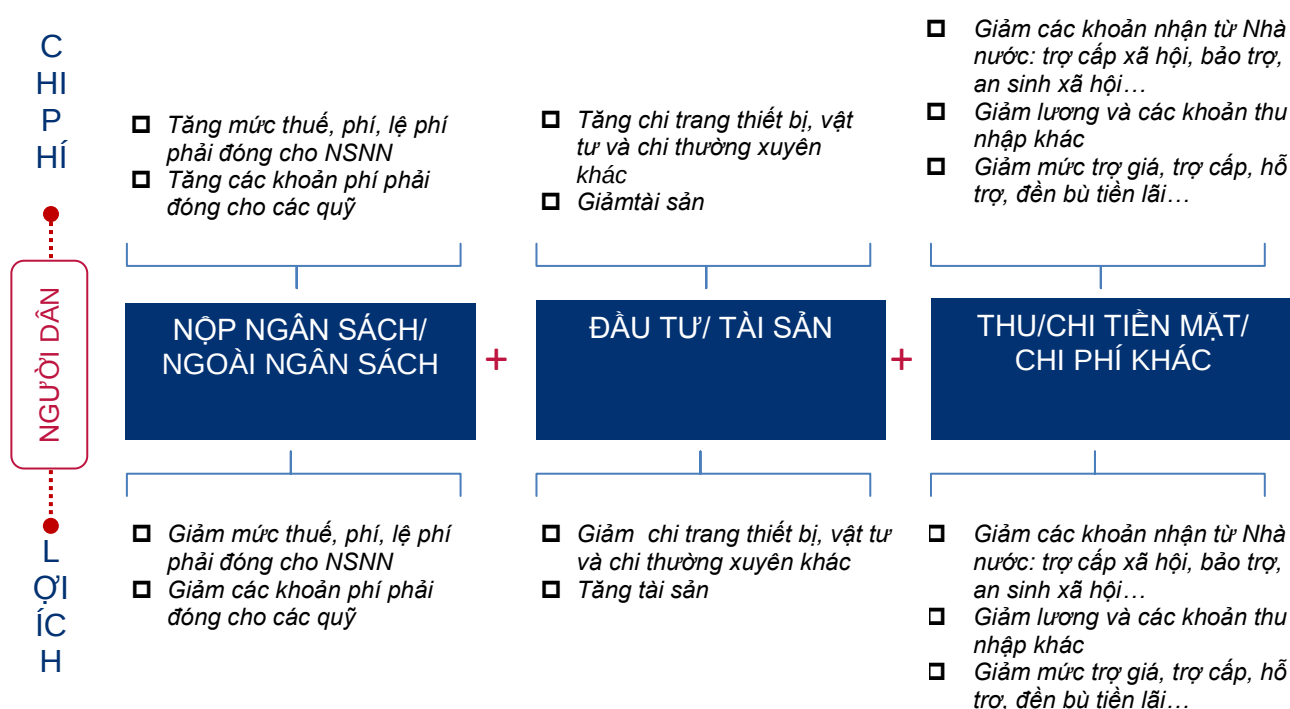
Ví dụ: Tác động kinh tế đối với Nhà nước của Giải pháp Giảm thuế TNDN trong chính sách hỗ trợ DNNVV

Nhằm hỗ trợ DNNVV, một trong các giải pháp chính sách được đưa ra là hỗ trợ thuế TNDN cho DNNVV, theo hướng doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo quy định của Luật này được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế TNDN. Cụ thể, thuế TNDN đối với DNNVV thấp hơn 3% và doanh nghiệp siêu nhỏ thấp hơn 5% so với mức thuế suất thuế TNDN hiện nay quy định tại Luật Thuế TNDN. Với chính sách này, Nhà nước sẽ bị giảm bớt nguồn thu từ thuế TNDN từ khoảng 265.900 DNNVV với mức giảm thu vào mức 7.546 tỷ đồng/năm.

b. Nhóm người dân:

Các tác động đối với nhóm người dân sẽ chủ yếu là các chi phí và lợi ích liên quan tới *thu nhập, chi tiêu, tiêu dùng* của người dân (như quy định tại Nghị định 34/2016). Đây cũng là các chỉ tiêu chính để ĐGTD đối với nhóm đối tượng này. Theo định nghĩa này, các chi phí và lợi ích đối với người dân sẽ bao gồm mức tăng (giảm) về chi phí thời gian người dân phải bỏ ra để tuân thủ các quy định của chính sách, chi phí trực tiếp phải bỏ ra để thực hiện quy định đó, phí, thuế, lệ phí phải đóng thêm cho Nhà nước, hoặc mức tiền mặt/ trợ cấp được nhận. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới kinh tế và khả năng tiêu dùng của người dân. Các tác động về mặt chi phí đối với chi tiêu, mức độ tiêu dùng của người dân được thể hiện cụ thể hơn trong hình 2.3 dưới đây:

Hình 2.3. Các lĩnh vực tác động kinh tế đối với nhóm người dân



Hình 2.3 thể hiện các loại chi phí đối với một người dân tham gia thực hiện chính sách. Các loại chi phí này là mang tính điển hình và có giá trị tham khảo, nhưng không bao quát được hết toàn bộ các chi phí, lợi ích có thể phát sinh trên thực tế. Do vậy, quá trình đánh giá cần nhận biết chính xác các chi phí này và các chi phí khác. Để tính toán chi phí đối với toàn xã hội và nền kinh tế, chi phí sẽ được điều chỉnh với tổng số đối tượng phải tham gia thực hiện chính sách và tần suất thực hiện chính sách đó trong một năm.

Ví dụ: Tác động kinh tế đối với người dân khi thực hiện giải pháp chính sách thành lập quỹ phòng chống thiên tai

Nhằm thực hiện chính sách xã hội hóa công tác phòng chống thiên tai, giảm bớt gánh nặng về chi phí đối với NSNN, một giải pháp chính sách đã được đưa ra là thành lập Quỹ phòng chống thiên tai tại cấp tỉnh. Với việc thành lập quỹ này, công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động đóng góp như sau: (i) cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương, cán bộ

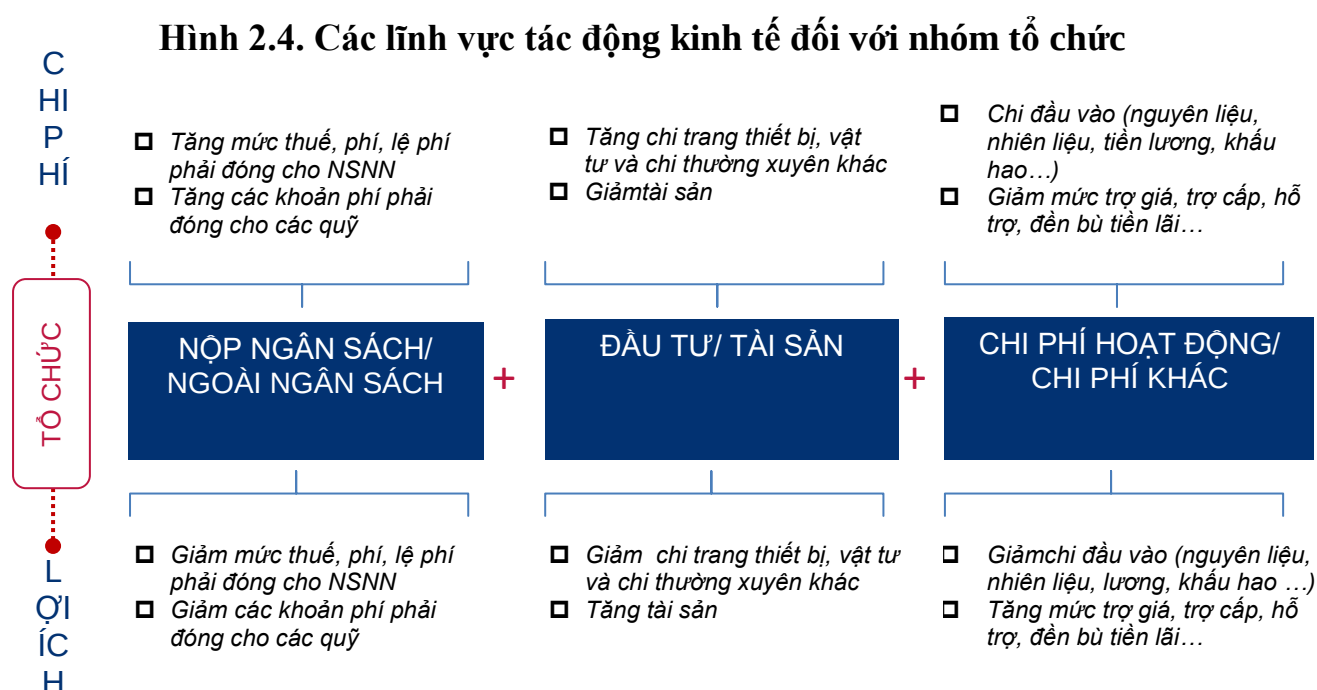
quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước đóng 1 ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp; (ii) Người lao động trong các doanh nghiệp đóng 1 ngày lương/người/năm lương tối thiểu; (iii) Người lao động khác: đóng 15.000 đồng/người/năm.

Như vậy, giải pháp chính sách này sẽ dẫn đến phát sinh chi phí của người dân, cụ thể là mức đóng góp cho Quỹ hàng năm. Theo tính toán, với mức đóng như trên, mỗi năm tổng số tiền toàn bộ người dân thuộc diện phải đóng sẽ là 1.647 tỷ đồng/năm.

c. Nhóm tổ chức, doanh nghiệp:

Các tác động đối với nhóm tổ chức bao gồm các chi phí và lợi ích ảnh hưởng tới hoạt động của tổ chức, như sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, khả năng cạnh tranh của tổ chức kinh tế, môi trường kinh doanh, khả năng phát triển của tổ chức xã hội. Những tác động cụ thể này đã được quy định tại Nghị định 34/2016. Đây cũng là các chỉ tiêu chính để ĐGTD đối với nhóm đối tượng này.

Nhóm tổ chức bao gồm các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở kinh doanh, hộ kinh tế cá thể, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng. Hình 2.4 dưới đây thể hiện cụ thể hơn các chi phí đối với Nhóm tổ chức:



Hình 2.4 thể hiện các loại chi phí đối với một tổ chức khi tham gia thực hiện chính sách. Các loại chi phí này là mang tính điển hình và có giá trị tham khảo, nhưng không bao quát được hết toàn bộ các chi phí, lợi ích có thể phát sinh trên thực tế. Do vậy, quá trình đánh giá cần nhận biết chính xác các chi phí này và các chi phí khác. Để tính toán chi phí đối với toàn xã hội và nền kinh tế, chi phí sẽ được điều chỉnh với tổng số tổ chức (đối tượng) phải tham gia thực hiện chính sách và tần suất thực hiện chính sách đó trong 1 năm.

Ví dụ: Tác động kinh tế đối với Doanh nghiệp của Giải pháp Giảm thuế TNDN trong chính sách hỗ trợ DNNVV

Một trong các giải pháp được đề xuất trong chính sách hỗ trợ DNNVV là áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp đối với DNNVV thấp hơn 3% và doanh nghiệp siêu nhỏ thấp hơn 5% so với mức thuế suất thuế TNDN hiện nay quy định tại Luật Thuế TNDN. Với chính sách này, lợi ích đối với các DNNVV sẽ là mức giảm phải đóng cho NSNN vào khoảng 7.546 tỷ đồng/năm. Ngay lập tức khoảng 265.900 DNNVV sẽ được hưởng lợi từ quy định này. Nó lập tức tạo tiền đề tăng vốn chủ sở hữu của các DNNVV và là cơ sở cho đầu tư mở rộng, tăng tổng tài sản, tăng quy mô. Mức lợi nhuận DNNVV có thể giữ lại là 7.546 tỷ đồng, góp phần cho quá trình tăng trưởng và tích lũy vốn của doanh nghiệp. Đây sẽ là nền tảng cho việc mở rộng nguồn thu trong tương lai cho bản thân doanh nghiệp và cho Nhà nước.

3. Chỉ tiêu và các thông tin cần thu thập

Xác định trọng tâm và chỉ tiêu chính trong ĐGTD kinh tế là bước quan trọng và cần thiết. Để có thể xác định được các chỉ tiêu, cần luôn đặt câu hỏi: “Chính sách, giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL **CÓ** hay **KHÔNG** gây ra những tác động kinh tế nào?”. Câu hỏi này sẽ giúp cho việc hình dung được các chỉ tiêu ĐGTD kinh tế dễ dàng. Bảng 2.1 dưới đây gợi ý các chỉ tiêu để tham khảo sử dụng trong ĐGTD kinh tế và hướng dẫn các thông tin cần được thu thập khi ĐGTD kinh tế đối với mỗi chỉ tiêu:

Bảng 2.1. Gợi ý các chỉ tiêu trong ĐGTD kinh tế và các thông tin cần thu thập

Thu NSNN (từ thuế, phí, lệ phí) và thu ngoài ngân sách (ví dụ như các khoản đóng cho các quỹ...)	• Mức thuế, phí, lệ phí hiện hành • Mức thuế, phí, lệ phí mới • Số lượng đối tượng phải tuân thủ • Mức đóng trong một năm • ...
Tăng/ giảm chi về cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư, tài sản công, chi đầu tư công (cơ sở hạ tầng, trụ sở ...) và các khoản chi thường xuyên khác để thực hiện giải pháp chính sách	• Mức chi về tài sản công đối với một đơn vị • Số lượng đơn vị sẽ phải thực hiện • Đơn giá chi đầu tư công theo công trình, hoặc theo địa phương • Tổng số công trình hoặc địa phương sẽ triển khai hoạt động đầu tư công • Đơn giá của một đơn vị sản lượng của công trình đầu tư công/ tài sản • Tổng sản lượng, số lượng, khối lượng hoàn thành của tài sản công, công trình cơ sở hạ tầng...
Tăng/ giảm các các khoản chi trả tiền mặt của Nhà nước: trợ cấp xã hội, bảo trợ, an sinh xã hội..., tăng chi trả tiền lương, các khoản tương đương lương, chi phí trợ giá, trợ cấp, hỗ trợ, đền bù tiền lãi...	• Mức trợ cấp/ chi trả tiền mặt/ nhận trợ cấp xã hội/ nhận lương hưu... hiện tại • Mức trợ cấp/ chi trả tiền mặt / nhận trợ cấp xã hội/ nhận lương hưu... theo dự kiến mới của các giải pháp chính sách • Số lượng người được hưởng, bị ảnh hưởng... • Mức trợ cấp/ chi trả hỗ trợ/ đền bù/ trợ giá... hiện tại • Mức trợ cấp/ chi trả hỗ trợ/ đền bù/ trợ giá... theo

	dự kiến mới của các giải pháp chính sách • Số lượng người được hưởng, bị ảnh hưởng...
Tăng/ giảm thuế, phí, lệ phí phải đóng cho NSNN, phí cho các quỹ (ví dụ như Quỹ BHXH, Bảo trì đường bộ...)	• Mức thuế, phí lệ phí hiện tại • Mức thuế, phí, lệ phí theo các giải pháp chính sách mới • Tổng số đối tượng sẽ tham gia thực hiện...
Mức tăng/ giảm chi phí đầu vào như nguyên liệu, nhiên liệu, khấu hao	• Mức thay đổi về mức tiêu hao nhiên liệu, giá nguyên nhiên liệu (ví dụ đối với các mặt hàng và giá do Nhà nước quản lý giá như điện, xăng dầu...) • Tổng số mức độ tiêu hao về nguyên liệu, nhiên liệu của một doanh nghiệp hoặc của cả một khu vực doanh nghiệp • Mức tăng/ giảm về tỷ lệ đóng BHXH, BHYT • Mức tăng, giảm về mức lương tối thiểu • Tổng số đối tượng phải thực hiện giải pháp chính sách....

Lưu ý: Các thông tin và dữ liệu nêu tại Bảng 2.1 trên chỉ mang tính gợi ý. Tùy từng trường hợp, đơn vị ĐGTD cần xác định cụ thể và chính xác các thông tin và dữ liệu cần thu thập. Đồng thời, trong quá trình thu thập thông tin để ĐGTD kinh tế, cần có kế hoạch xác định các thông tin để ĐGTD về giới (nếu có).

Trong ĐGTD kinh tế, việc thu thập các thông tin để phân tích định lượng các chỉ tiêu tác động đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên, việc thu thập các thông tin định tính, ý kiến của các đối tượng được lấy ý kiến cũng có ý nghĩa quan trọng. Những thông tin định tính này sẽ bổ sung và làm phong phú thêm các đánh giá định lượng. Ví dụ, các phân tích định lượng về các chi phí, lợi ích của giải pháp giảm thuế TNDN đối với DNNVV có thể được bổ sung bởi các thông tin định tính về kinh nghiệm quốc tế, các ý kiến quan điểm của các DNNVV, của các cán bộ trong ngành tài chính, bởi hiệp hội doanh nghiệp và chính quyền địa phương.

4. Phương pháp đánh giá

Phân tích Lợi ích - Chi phí là một phương pháp chủ đạo trong ĐGTD kinh tế nhằm đánh giá lợi ích thuần mà một chính sách hoặc một chương trình sẽ mang lại cho xã hội hay nền kinh tế. Phân tích lợi ích - chi phí có thể được thực hiện để làm rõ các lợi ích và chi phí đối với từng nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng khác nhau trong xã hội⁽¹⁰³⁾.

Các bước thực hiện ở trên giúp xác định được các đối tượng bị ảnh hưởng, các loại chi phí và lợi ích chính đối với từng đối tượng. Đây cũng là cơ sở quan trọng cho quá trình lấy ý kiến, thu thập số liệu và tính toán lợi ích – chi phí đối với từng giải pháp chính sách.

Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến nhất khi ĐGTD của một đề xuất chính sách. Phương pháp này thường được sử dụng khi:

- Tác động đến nhiều đối tượng: Nhà nước, người dân, tổ chức (như doanh nghiệp/cơ sở kinh tế). Với mỗi đối tượng này, phân tích kết quả sẽ làm rõ lợi ích và chi phí liên quan là gì;
- Nhận biết và tính toán tất cả các loại hình chi phí và lợi ích;
- Có nhiều giải pháp chính sách, bao gồm cả giải pháp sử dụng biện pháp ban hành VBQPPL và không ban hành VBQPPL;
- Chưa có thông tin rõ ràng về nguồn lực được phân bổ cho việc thực hiện chính sách;
- Tiêu chí quan trọng là tìm ra giải pháp chính sách mà có lợi ích phải lớn hơn chi phí. Trong đó giải pháp được đề xuất lựa chọn là giải pháp có lợi ích thuần lớn nhất.

⁽¹⁰³⁾ Một số nước không tính thuế, lệ phí hoặc các khoản chi trả tiền mặt, trợ cấp (cash transfer) trong quá trình tính toán chi phí – lợi ích vì coi đó chỉ thuần túy là việc dịch chuyển nguồn lực (chi phí và lợi ích) từ một nhóm đối tượng này sang một nhóm đối tượng khác trong xã hội hay nền kinh tế. Tuy nhiên, việc tính toán đầy đủ và thể hiện đầy đủ các chi phí và lợi ích này sẽ giúp cho các cơ quan đề xuất, xây dựng chính sách, văn bản pháp luật hiểu rõ hơn chính sách sẽ tác động đến các đối tượng khác nhau như thế nào và các chính sách sẽ phù hợp hơn do xác định được các tác động khác nhau đối với các đối tượng khác nhau.

Hộp 2.1. Sử dụng giả định trong phân tích tác động chính sách

Do ĐGTĐCS có tính chất dự báo, nên việc sử dụng các giả định có ý nghĩa hết sức quan trọng và là phương pháp không thể thiếu khi thực hiện ĐGTĐ. Việc sử dụng các giả định không chỉ được sử dụng trong quá trình ĐGTĐ kinh tế mà có thể sử dụng trong ĐGTĐ xã hội, ĐGTĐTTHC.

Tuy sử dụng các giả định, song việc áp dụng các giả định phải dựa trên các quy luật kinh tế, xã hội chắc chắn, chính xác và đã được xác lập. Các công thức, mô hình được sử dụng cho việc phân tích phải có tính khoa học, bám sát với tình hình thực tiễn. Do tầm quan trọng của công tác phân tích dự báo trong ĐGTĐCS, nguyên tắc thận trọng phải được đặc biệt chú ý và tôn trọng.

Các dữ liệu sử dụng cho giả định phải là các số liệu thống kê, điều tra, hoặc thu thập trên thực tế và được kiểm định về tính sát thực. Các chứng cứ, bằng chứng từ thực tiễn phải bám sát thực tế.

Mô hình đánh giá chi phí tuân thủ TTHC là một ví dụ tốt về việc sử dụng các giả định và các chi phí chuẩn để phục vụ cho công tác ĐGTĐ (xem Đánh giá tác động TTHC dưới đây). Logic và phương pháp tương tự có thể được các đơn vị đánh giá áp dụng một cách sáng tạo, linh hoạt trong quá trình ĐGTĐCS (đặc biệt là tác động kinh tế, xã hội và TTHC) ở Việt Nam.

“Tác động của thủ tục hành chính (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách” (Điều 6, Nghị định 34/2016).

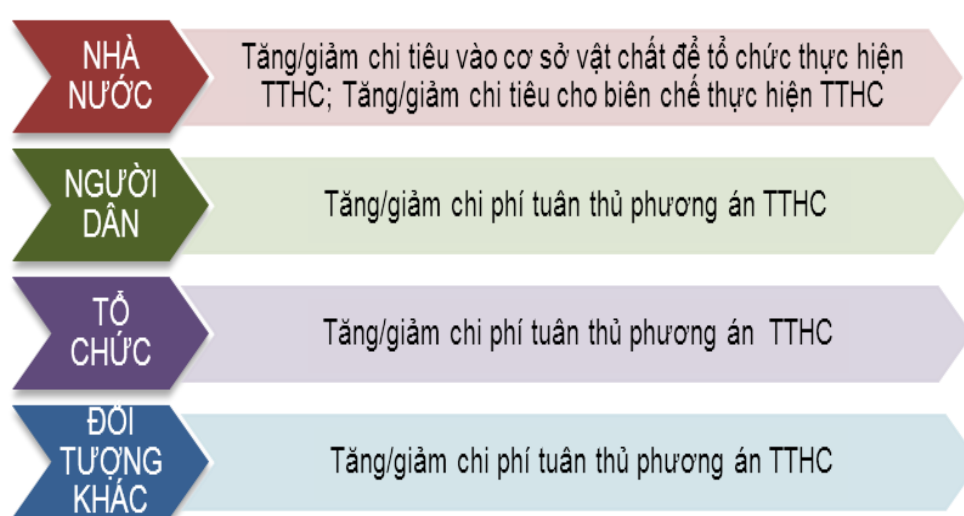
II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Khái niệm và định nghĩa

Dự thảo chính sách **có thể có hoặc không có** phương án TTHC. Trong trường hợp không đề xuất phương án TTHC thì không phải đánh giá tác động TTHC. Phương án TTHC có thể là phương án ban hành TTHC mới, sửa đổi hoặc bãi bỏ/ thay thế TTHC hiện hành bằng biện pháp khác.

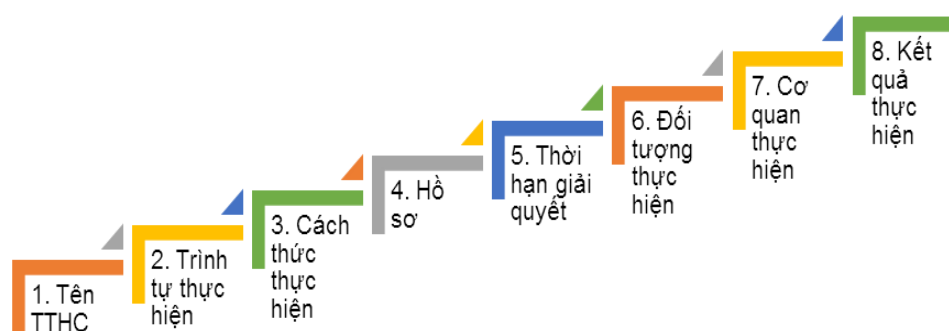
Hoạt động đánh giá TTHC sẽ giúp đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả của các quy định về TTHC; TTHC phải được CQNN có thẩm quyền quy định trên cơ sở bảo đảm tính liên thông giữa các TTHC liên quan, thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, minh bạch, hợp lý; đề xuất chính sách cần phải nêu rõ phương án TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan nào thì cơ quan đó phải có trách nhiệm hoàn chỉnh việc xây dựng TTHC và đánh giá tác động TTHC trong quá trình soạn thảo VBQPPL.

Hình 2.5. Tác động về chi phí tuân thủ TTHC đối với từng nhóm đối



Cơ sở để xem xét và đánh giá một TTHC là các bộ phận tạo thành của TTHC. Theo quy định hiện hành⁽¹⁰⁴⁾, một TTHC gồm 8 bộ phận tạo thành như sau:

Hình 2.6. Bộ phận tạo thành của TTHC theo Nghị định 63/2010



⁽¹⁰⁴⁾ Nghị định 63/2010/NĐ-CP, Điều 8

2. Phạm vi đánh giá

Trong quá trình xây dựng đề xuất chính sách, một số phương án TTHC trong đề xuất chính sách có thể chưa bao gồm đủ 8 bộ phận tạo thành nêu trên. Tuy nhiên, trong giai đoạn soạn thảo VBQPPL, TTHC dự kiến phải có đầy đủ các bộ phận tạo thành này. Theo Luật BHVBQPPL 2015 và Nghị định 34/2016, việc xây dựng và ĐGTĐ TTHC được thực hiện tại 02 (hai) giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Việc đánh giá sẽ được thực hiện trong quá trình thực hiện công đoạn ĐGTĐCS của quy trình xây dựng chính sách. Tại công đoạn này, nhiều chính sách có thể dự kiến áp dụng TTHC nhưng chưa rõ ràng về nội dung của 8 bộ phận tạo thành TTHC nhưng tối thiểu phải có các bộ phận: Tên TTHC, Đối tượng thực hiện TTHC, Cơ quan thực hiện TTHC và Kết quả thực hiện TTHC. Do đó, báo cáo ĐGTĐCS cần tập trung đánh giá các nội dung tối thiểu này;

Giai đoạn 2: Việc đánh giá sẽ được thực hiện trong quá trình xây dựng VBQPPL⁽¹⁰⁵⁾. Tại giai đoạn này, 8 bộ phận tạo thành TTHC phải được hình thành rõ ràng, đầy đủ. Việc đánh giá tác động TTHC trong giai đoạn này sẽ phải chi tiết và đầy đủ hơn. Báo cáo ĐGTĐ TTHC trong giai đoạn này sẽ chi tiết hơn phần đánh giá tác động TTHC trong báo cáo ĐGTĐCS.

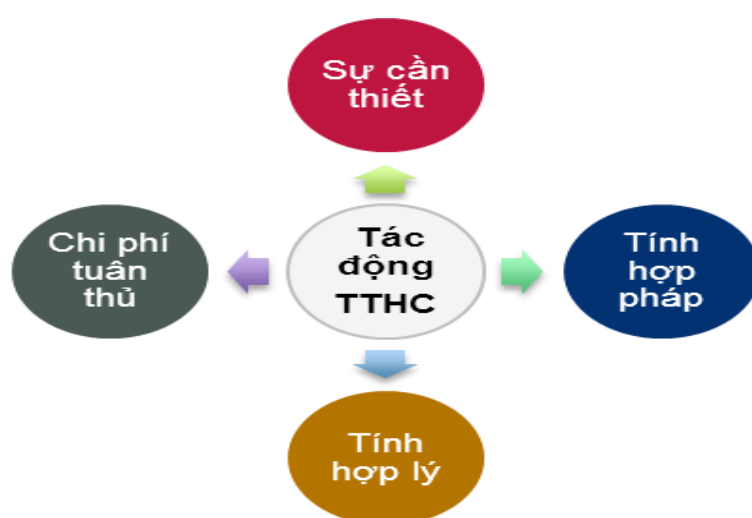
Để bảo đảm tính đơn giản nhưng thống nhất, tránh chồng chéo và lặp lại, việc ĐGTĐ đối với TTHC tại mỗi giai đoạn cần được thực hiện khác nhau nhưng bổ sung cho nhau.

Ngoài ra, việc đánh giá tác động TTHC trong giai đoạn xây dựng chính sách không chỉ đánh giá nhóm đối tượng người dân, tổ chức và các đối tượng khác là các nhóm đối tượng phải tuân thủ TTHC có liên quan, mà còn phải đánh giá cả nhóm đối tượng CQNN có thẩm quyền ban hành và thực hiện TTHC. Việc ĐGTĐ nhóm CQNN về thực hiện TTHC là cơ sở để cung cấp thông tin, dữ liệu cho ĐGTĐ kinh tế và ĐGTĐ về HTPL. Đây là điểm khác

¹⁰⁵ Luật BHVBQPPL, Điều 35, 39, 58, 87, 88, 92, 93, 97, 98, 102, 103 và 128.

biệt giữa ĐGTD về TTHC trong giai đoạn đề nghị xây dựng VBQPPL với việc ĐGTD về TTHC trong quá trình xây dựng VBQPPL theo các quy định hiện hành⁽¹⁰⁶⁾.

Hình 2.7. Tác động của Thủ tục Hành chính theo Luật BHVBQPPL 2015 và Nghị định 34/2016



3. Các chỉ tiêu đánh giá tác động thủ tục hành chính

Để phù hợp với thực tế xây dựng chính sách theo các công đoạn và giai đoạn nêu trên và nhằm xác định các chỉ tiêu đánh giá tác động TTHC, việc xác định trọng tâm và chỉ tiêu chính trong ĐGTD về TTHC được thực hiện thông qua việc trả lời các câu hỏi sau:

- TTHC dự kiến ban hành có đầy đủ 8 bộ phận tạo thành không
- VBQPPL dự định được ban hành có thẩm quyền ban hành TTHC không (xem Bảng 2.2)
- Nội dung của TTHC dự kiến phù hợp với quy định pháp luật hiện hành không? (xem Bảng 2.2)
- Khả năng phù hợp của TTHC dự kiến với các ĐUQT mà Việt Nam đã ký kết (xem Bảng 2.2)

¹⁰⁶ Tại thời điểm biên soạn cuốn sách này, văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về việc ĐGTD về TTHC là Nghị định 63/2010/NĐ-CP và Thông tư số 07/2014/TT-BTP.

Các yếu tố chính được sử dụng để ĐGTD của TTHC là **SỰ CẦN THIẾT** áp dụng đối với phương án TTHC (bao gồm ban hành TTHC mới, TTHC sửa đổi hoặc bãi bỏ TTHC), Tính hợp pháp, Tính hợp lý và Chi phí tuân thủ mà TTHC đó sẽ tạo ra cho người dân/tổ chức. Chi phí tuân thủ/ thực hiện TTHC sẽ là cơ sở để đánh giá, so sánh các tác động về TTHC giữa các giải pháp chính sách khác nhau khi ĐGTĐCS. Các lĩnh vực tác động và chỉ tiêu tác động về TTHC được gợi ý tại Bảng 2.2 dưới đây:

Bảng 2.2. Gợi ý các chỉ tiêu trong ĐGTD về TTHC

Sự cần thiết của TTHC	• Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực liên quan đến việc thực hiện chính sách; • Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC; • Là biện pháp tối ưu trong các biện pháp có thể được thực hiện để bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;
Tính hợp pháp của TTHC	• TTHC phải đầy đủ 8 bộ phận tạo thành của TTHC (<i>xem hình 2.6</i>) • Thẩm quyền ban hành TTHC; • Nội dung của phương án TTHC phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, không bị chồng chéo với các TTHC khác; • Khả năng tương thích của phương án TTHC với các ĐUQT mà Việt Nam đã ký kết
	• Tên của TTHC có rõ ràng cụ thể ngắn gọn; chính xác và thống nhất • Trình tự thực hiện TTHC được quy định rõ ràng. <i>Trong trường hợp Dự thảo chính sách chưa thể nêu rõ trình tự thực hiện TTHC trong phương án TTHC mới, thì báo cáo ĐGTĐCS cần phải khuyến nghị về trình tự thực hiện TTHC;</i>

Tính hợp lý của TTHC	• Phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của CQNN và cá nhân, tổ chức khi tham gia thực hiện. • Hồ sơ để giải quyết TTHC được quy định rõ ràng và cụ thể. <i>Trong trường hợp Dự thảo chính sách chưa thể nêu rõ hồ sơ để giải quyết TTHC trong phương án TTHC mới, thì báo cáo ĐGTĐCS cần phải khuyến nghị về hồ sơ;</i> • Thời hạn giải quyết TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể. <i>Trong trường hợp Dự thảo chính sách chưa thể nêu rõ thời hạn giải quyết TTHC trong phương án TTHC mới, thì báo cáo ĐGTĐCS cần phải khuyến nghị về thời hạn;</i> • Đối tượng thực hiện TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể; • Cơ quan thực hiện TTHC được quy định phù hợp với thẩm quyền quản lý nhà nước đối với cấp hành chính hoặc địa giới hành chính theo quy định của pháp luật; • Phí, lệ phí và các khoản chi trả khác (nếu có) được quy định rõ ràng, cụ thể. <i>Trong trường hợp Dự thảo chính sách chưa thể nêu rõ phí, lệ phí và các khoản chi trả khác trong phương án TTHC mới, thì báo cáo ĐGTĐCS cần phải khuyến nghị về vấn đề này;</i> • Yêu cầu, điều kiện của TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể, cần thiết đối với yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với khả năng đáp ứng của cá nhân, tổ chức. <i>Trong trường hợp Dự thảo chính sách chưa thể nêu rõ yêu cầu, điều kiện của TTHC trong phương án TTHC mới, thì báo cáo ĐGTĐCS cần phải khuyến nghị về vấn đề này.</i>
	Tổng chi phí thực hiện hàng năm của một TTHC: $= \sum ([T \times L] + P) \times SL \times TS + CP$ T: Thời gian đi lại, làm đơn, tờ khai, tài liệu khác;

Chi phí tuân thủ TTHC	L: Lương/Thu nhập bình quân 01 người cho 01 giờ làm việc; P: Phí, lệ phí và các chi phí khác theo quy định (nếu có) SL: Số lượng cá nhân, tổ chức tuân thủ TTHC đó trong 01 năm TS: Tần suất số lần thực hiện theo quy định trong 01 năm CP: Chi phí tư vấn, dịch vụ (<i>in ấn, sao chụp, xác nhận, công chứng, chứng thực, dịch thuật; bưu điện, internet,...</i>). <i>Cách tính toán, thu thập số liệu để thực hiện ĐGTD về TTHC có thể tham khảo thêm Nghị định 63/2010 và Thông tư 07/2014/TT-BTP. Trong trường hợp Dự thảo chính sách chưa có các phương án cụ thể về trình tự, điều kiện, phí và lệ phí để thực hiện TTHC là cơ sở để tính toán chi phí tuân thủ TTHC trong phương án TTHC, thì báo cáo ĐGTD có thể so sánh chi phí tuân thủ của một TTHC tương tự trong cùng lĩnh vực, hoặc TTHC sẽ bị bãi bỏ, sửa đổi mà phương án TTHC này thay thế.</i>
---	--

4. Phương pháp đánh giá

Sau khi thu thập và rà soát thông tin, đơn vị thực hiện ĐGTD TTHC phải phân tích, kết luận về phương án TTHC **CÓ CẦN THIẾT** hay không để bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Các lý do này cần phải:

(i) Phân tích cụ thể từng lý do đối với lựa chọn hoặc không lựa chọn TTHC trong số những biện pháp khác có thể được sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước; đáp ứng, giải quyết yêu cầu, đề nghị của cá nhân, tổ chức;

(ii) Trình bày rõ những ưu điểm của TTHC được sửa đổi, bổ sung so với TTHC hiện hành trong trường hợp lựa chọn biện pháp sửa đổi, bổ sung, thay thế TTHC (chưa bao gồm phần phân tích định lượng ở Bước 2).

Nếu phương án TTHC tối ưu là **KHÔNG CẦN THIẾT** phải ban hành TTHC mới hoặc bãi bỏ TTHC hiện hành (bao gồm cả trường hợp bãi bỏ TTHC hiện hành và thay bằng biện pháp khác) thì đơn vị đánh giá **DỪNG** việc ĐGTD TTHC. Nếu phương án TTHC tối ưu là **CẦN BAN HÀNH** TTHC mới hoặc sửa đổi TTHC hiện hành thì đơn vị đánh giá tiếp tục đánh giá **Tính hợp pháp** và **Tính hợp lý** của phương án TTHC.

Việc đánh giá Chi phí tuân thủ của phương án TTHC trong giai đoạn đề xuất chính sách chỉ có thể thực hiện nếu phương án TTHC đã rõ ràng và chi tiết 8 bộ phận tạo thành. Trong trường hợp đơn vị đánh giá muốn tính toán các chi phí tuân thủ TTHC làm phương án thay thế hoặc bổ sung TTHC sau này mà chưa xây dựng đủ 8 bộ phận tạo thành, đơn vị ĐGTD có thể sử dụng các phương pháp giả định để đánh giá hoặc sử dụng số liệu về chi phí tuân thủ của một TTHC có mô hình, quy trình thủ tục tương tự. Các tiêu chí về thông tin sử dụng trong đánh giá Chi phí tuân thủ phương án TTHC cần được áp dụng theo đúng quy định tại Thông tư 07/2014 như sau:

- Thời gian đi lại được tính trung bình là một (01) giờ/ một (01) lượt; thời gian làm đơn, tờ khai theo mẫu được tính trung bình là một (01) giờ/ một (01) trang; thời gian làm tài liệu khác được tính theo thời gian thực tế để hoàn thành tài liệu đó.

Tùy thuộc vào từng địa bàn, phạm vi thời gian đi lại, làm đơn, tờ khai sẽ được xác định theo các định mức tương ứng sau:

Bảng 2.3. Định mức thời gian tính chi phí tuân thủ

Thời gian (giờ)	Địa bàn Phạm vi	Đô thị	Nông thôn	Miền núi, hải đảo
Đi lại	Cấp xã	1.0	1.5	2.0
	Cấp huyện	1.5	2.25	3.0
	Cấp tỉnh	2.0	3.0	4.0
	Liên vùng	8.0	12.0	16.0
	Liên miền	16.0	24.0	32.0
Làm đơn, tờ khai	01 trang	1.0	1.5	2.0

- Chi phí tư vấn, dịch vụ áp dụng theo các mức giá hiện hành do nhà nước quy định. Trường hợp không có quy định thì áp dụng theo mức giá thực tế.
- Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) theo quy định của cơ quan có thẩm quyền về phí, lệ phí thực hiện TTHC;
- Số lần thực hiện một TTHC trong một năm được xác định theo quy định về TTHC đó.
- Số lượng đối tượng tuân thủ một TTHC trong một năm được xác định theo dự báo hoặc thống kê về tổng số lượt cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC đó.
- Mức thu nhập bình quân 01 (một) người 01 (một) giờ làm việc tính theo công thức:

$$\begin{array}{l}
 \text{Mức thu nhập bình} \\
 \text{quân 01 người 01} \\
 \text{giờ làm việc}
 \end{array}
 = \frac{\text{Tổng sản phẩm trong nước}}{\text{(theo thống kê của năm gần nhất)}}
 = \frac{\text{Số dân}}{\text{(tương ứng năm thống kê)}}
 \times \frac{12}{\text{tháng}}
 \times \frac{22}{\text{ngày}}
 \times \frac{08}{\text{giờ}}
 \times \frac{\text{làm việc}}{\text{làm việc}}$$

Một phương án TTHC có mức độ tạo ra chi phí tuân thủ/ thực hiện thấp nhất cho xã hội và nền kinh tế nhưng vẫn đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách sẽ được lựa chọn.

Ngoài ra, để hỗ trợ cho phân tích tác động về giới, các thông tin cụ thể cần phải thu thập sẽ cần xác định theo tiêu chí về giới (nam/nữ) trong dự kiến ban hành TTHC (nếu có thể).

Lưu ý: Việc rà soát Tính hợp pháp của TTHC có thể được thực hiện một phần trong đánh giá tác động HTPL. Nếu một chỉ tiêu bị đánh giá là KHÔNG HỢP PHÁP thì Đơn vị đánh giá cần nêu rõ lý do và đưa ra phương án xử lý. Ví dụ nếu dự thảo chính sách hoặc văn bản dự thảo không được phép ban hành TTHC theo quy định của Luật BHVBQPPL thì Đơn vị đánh giá đề nghị cơ quan soạn thảo chính sách cần phải đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành TTHC mới hoặc sửa đổi TTHC hiện hành để có thể thực hiện dự thảo chính sách.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI

“Tác động về xã hội của chính sách được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội” (Điều 6, Nghị định 34/2016).

1. Khái niệm và định nghĩa

Đánh giá tác động xã hội có nhiệm vụ thu thập các dữ liệu từ thực tế đời sống để phân tích, nhằm dự báo các thay đổi chính có thể xảy ra trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên cơ sở tác động của một hoặc một số chính sách nhất định được thi hành. Theo quy định nói trên, ĐGTD xã hội có nội dung rất rộng, bao gồm tối thiểu 11 lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Hiếm có một giải pháp chính sách nào trong đề xuất xây dựng VBQPPL lại có thể tác động tới toàn bộ lĩnh vực xã hội, cộng đồng dân cư hay nhóm xã hội ở cùng mức độ như nhau. Do đó, việc sàng lọc nhóm đối tượng chịu tác động chính và xác định trọng tâm trong ĐGTD xã hội có ý nghĩa giới hạn được các nguồn lực mà đơn vị thực hiện đánh giá cần sử dụng như nhân lực và tài chính.

Thông thường, ĐGTD xã hội cần chú ý tới các nhóm xã hội hay cộng đồng dân cư lớn hơn, hoặc có ý nghĩa nhạy cảm⁽¹⁰⁷⁾.

2. Chỉ tiêu đánh giá tác động theo nhóm đối tượng

Các chỉ tiêu ĐGTD xã hội được xác định dựa trên các căn cứ như: vấn đề có thể gây ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế và đời sống xã hội của người dân; vấn đề xã hội đang được chính quyền và người dân quan tâm hoặc là vấn đề thuộc các chính sách xã hội trọng tâm mà các cơ quan nhà nước đang thi hành. Để xác định được các chỉ tiêu ĐGTD xã hội, đơn vị đánh giá cần đặt câu hỏi “*Giải pháp chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL gây ra tác động xã hội như thế nào đối với từng nhóm đối tượng bị tác động?*”

Bảng 2.4. Gợi ý các chỉ tiêu trong ĐGTD xã hội

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
• Phương pháp, phong cách, kỷ luật làm việc và thái độ phục vụ nhân dân (như thay đổi từ Chính phủ hành chính, hướng thụ sang việc xây dựng Chính phủ kiến tạo, phục vụ, ...)
• Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lễ lối làm việc (ví dụ như nâng cao trách nhiệm cán bộ, loại bỏ tệ quan liêu, cửa quyền, hách dịch...)
• Tăng/giảm đội ngũ cán bộ nhà nước trong bộ máy quản lý
• Phòng và chống tham nhũng, lãng phí trong bộ máy quản lý nhà nước
• Năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ nhà nước
NGƯỜI DÂN
• Dân số (Tình trạng số lượng và chất lượng dân số)
• Việc làm (Tình trạng cơ hội việc làm và thất nghiệp)
• Tài sản (Quyền sở hữu và mức độ gia tăng về tài sản)

⁽¹⁰⁷⁾ Sự nhạy cảm có thể mang ý nghĩa xã hội, ví dụ một nhóm xã hội không lớn nhưng yếu thế như người già cô đơn hoặc dân tộc thiểu số, hay mang ý nghĩa chính trị, ví dụ tác động xã hội liên quan đến người có công với cách mạng.

• Sức khỏe (Tình trạng sức khỏe cộng đồng, chất lượng nôi giống, bệnh tật và tai nạn, thương tích, điều kiện sống vệ sinh, an toàn, tiện ích chăm sóc sức khỏe)
• Môi trường (Ô nhiễm môi trường trong phạm vi gây tác động trực tiếp đến sức khỏe và sinh kế của cộng đồng và bảo tồn đa dạng sinh học)
• Y tế (Khả năng tiếp cận và được cung cấp các loại dịch người dân và cộng đồng)
• Giáo dục (Cơ hội được phổ cập giáo dục, khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của người dân và cộng đồng)
• Đi lại (Điều kiện và khả năng sử dụng hạ tầng và phương tiện giao thông để di chuyển của người dân)
• Giảm nghèo (Cơ hội và điều kiện giảm tỷ lệ nghèo đói, giảm nghèo bền vững của hộ gia đình và cộng đồng)
• Giá trị văn hoá truyền thống (Bảo vệ và bảo tồn giá trị đạo đức và lối sống của dân tộc trên bình diện quốc gia, phong tục tập quán vùng miền và dân tộc thiểu số)
• Gắn kết gia đình và cộng đồng (Mối quan hệ giữa vợ chồng, ông bà, cha mẹ và con cái, quan hệ với hàng xóm và giữa các thành viên trong làng, thôn, bản ấp v.v..)
• Giảm tỷ lệ tội phạm (giảm các hành vi vi phạm pháp luật hình sự)
• Lĩnh vực và chỉ tiêu khác, nếu cần thiết (ví dụ điều kiện tiếp cận dịch vụ hạ tầng kỹ thuật và bảo đảm xã hội cơ bản)
TỔ CHỨC
• Chất lượng phát triển và hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức cộng đồng
• Mô hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh để nâng cao

hiệu quả kinh doanh, bảo đảm sinh kế của người dân, bảo đảm giá trị văn hoá truyền thống
• Trách nhiệm và ý thức đóng góp cho xã hội của doanh nghiệp
ĐỐI TƯỢNG KHÁC
• Bảo đảm quyền kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài, thương nhân nước ngoài
• Bảo đảm quyền lao động của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài
• Bảo đảm quyền tài sản của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài

Đối với mỗi giải pháp chính sách, tùy thuộc vào các lĩnh vực xã hội có liên quan chịu sự tác động, đơn vị đánh giá chủ động xác định về số lượng, chỉ tiêu để đánh giá; có thể tập trung vào các lĩnh vực và chỉ tiêu tác động trực tiếp vào giải pháp chính sách.

3. Các nội dung cần đánh giá tác động xã hội

Việc ĐGTD xã hội cần tập trung trả lời các câu hỏi chung dưới đây:

- Giải pháp chính sách có gây tác động tích cực hay tiêu cực lên các đối tượng chịu sự tác động? và ở mức độ thế nào⁽¹⁰⁸⁾ ?
- Các tác động sẽ có sự khác biệt thế nào giữa các vùng: miền núi, đồng bằng và thành thị?⁽¹⁰⁹⁾
- Các tác động sẽ có sự khác biệt thế nào giữa các nhóm dân cư xét theo 5 nhóm thu nhập: nhóm nghèo, nhóm cận nghèo, nhóm trung bình, nhóm khá và nhóm giàu⁽¹¹⁰⁾?

⁽¹⁰⁸⁾ Một tác động xã hội được gọi là tác động tích cực hay tiêu cực có thể gây tranh cãi. Do đó, tùy theo quan điểm của cơ quan đề xuất chính sách, có thể phân loại “tác động mong muốn” và “tác động không mong muốn”.

⁽¹⁰⁹⁾ Khái niệm vùng, miền không nhất thiết được xác định theo đơn vị hành chính tỉnh, bởi mỗi tỉnh có thể có cả ba vùng, miền.

⁽¹¹⁰⁾ Căn cứ để phân loại các nhóm trên là chuẩn nghèo do Chính phủ hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố từng thời kỳ và Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (GINI). (Tham khảo tại Cổng thông tin điện tử của Tổng Cục thống kê (<http://portal.thongke.gov.vn>)).

- Các tác động sẽ có sự khác biệt thế nào đối với nhóm yếu thế (người già, người khuyết tật, trẻ em, người có nguy cơ lây nhiễm cao (HIV/AIDS), người dân tộc thiểu số...) và người có công với cách mạng⁽¹¹¹⁾ ?
- Các tác động sẽ có sự khác biệt thế nào giữa hai giới nam và nữ¹¹²?

Lưu ý: ĐGTD xã hội, bao gồm thăm dò phản ứng xã hội đối với giải pháp chính sách (chủ yếu từ các đối tượng chịu tác động). Đơn vị đánh giá cần lưu ý đề xuất giải pháp có liên quan và biện pháp theo dõi hiệu quả và tác động chính sách trong quá trình thực thi. Do đó, đơn vị đánh giá lưu ý thêm 3 vấn đề:

- Các phản ứng xã hội hay sự chấp nhận chính sách từ nhóm đối tượng bị tác động là người dân (phân theo vùng miền, thu nhập, nhóm yếu thế, giới) thế nào¹¹³ ?
- Giải pháp để bảo đảm hiện thực hoá và duy trì các tác động tích cực, hạn chế các tác động tiêu cực (hoặc tác động mong muốn và tác động không mong muốn) là gì¹¹⁴ ?
- Biện pháp nào cần được các cơ quan thực thi chính sách tiến hành để theo dõi kết quả và các tác động của chính sách sau khi ban hành¹¹⁵ ?

Về thăm dò phản ứng xã hội đối với giải pháp chính sách, khác với ĐGTD, thông tin về phản ứng xã hội có giá trị tham khảo cho quá trình lập chính sách. Do đó, nên có khảo sát về sự ủng hộ hay không ủng hộ của các nhóm bị tác động đối với giải pháp chính sách.

⁽¹¹¹⁾ Tiêu chí để xác định các đối tượng xã hội này có thể được xác định theo Luật Người cao tuổi số 39/2009, Luật Trẻ em số 102/2016, Luật Người khuyết tật số 51/2010 và Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005.

⁽¹¹²⁾ Tiêu chí này được xác định theo Luật bình đẳng giới số 73/2006. Trong Tài liệu này, phần đánh giá tác động xã hội theo tiêu chí giới tính nam và nữ được hướng dẫn cụ thể.

⁽¹¹³⁾ Cần phân biệt giữa “tác động xã hội” và “phản ứng xã hội”, theo đó tác động xã hội là các thay đổi được tạo ra một cách khách quan khi thực hiện giải pháp chính sách, trong khi phản ứng xã hội đến từ nhận thức chủ quan, cảm tính của người bị tác động, có thể bị chi phối bởi trình độ nhận thức và tâm lý đám đông. Phản ứng xã hội có ý nghĩa quan trọng bởi nó có thể tạo nên sức ép chính trị ủng hộ hoặc cản trở quá trình ban hành chính sách.

⁽¹¹⁴⁾ Có thể đề xuất giải pháp ngay chính trong khâu xây dựng và ban hành chính sách (bao gồm cả sửa đổi hay chấm dứt giải pháp chính sách đang được ĐGTD và ban hành chính sách mới các chính sách khác có liên quan cho đồng bộ), hoặc trong khâu thực hiện chính sách.

⁽¹¹⁵⁾ Hiện nay trên thực tế, các cơ quan chức năng của nhà nước đã tổ chức việc tổng kết thực hiện một số chính sách nhất định sau một thời gian 03 năm hoặc 05 năm. Khi thực hiện ĐGTD ở giai đoạn dự báo, đơn vị đánh giá có thể và cần thiết đề xuất biện pháp thích hợp để hỗ trợ công tác theo dõi các tác động chính sách sau ban hành một cách thuận tiện và hiệu quả.

IV. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI

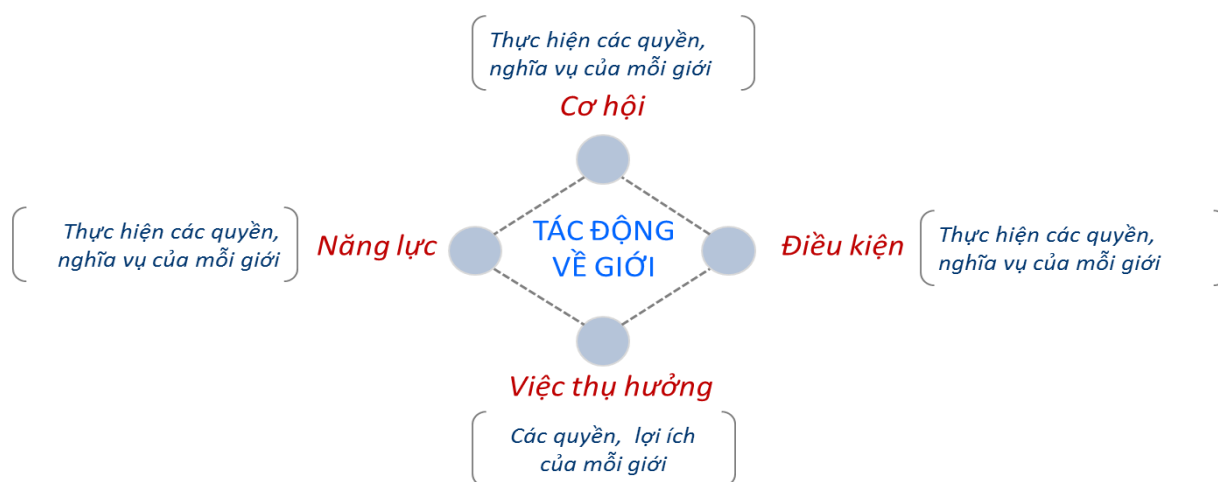
1. Khái niệm và định nghĩa

“Tác động về giới của chính sách (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới” (Điều 6, Nghị định 34/2016).

a. Khái niệm về ĐGTD về giới theo Luật BHVBQPPL 2015 và Nghị định 34/2016

Tác động về giới của chính sách được hiểu là những ảnh hưởng và hệ quả do dự thảo chính sách có thể gây ra (tích cực hoặc tiêu cực) đối với sự bình đẳng của mỗi giới (nam, nữ) về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện các quyền, nghĩa vụ cũng như việc thụ hưởng các quyền, lợi ích. Những tác động này có thể về phương diện kinh tế và xã hội. Các tác động về giới theo Nghị định số 34/2016 có thể được minh họa như sau:

Hình 2.8. Tác động về giới theo Nghị định 34/2016



Như vậy, theo Nghị định 34, ĐGTD về giới được thực hiện lồng ghép trong đánh giá tác động về kinh tế, về xã hội của mỗi giải pháp chính sách.

b. Khái niệm ĐGTD về giới theo Luật Bình đẳng giới năm 2006

Luật BHVBQPPL năm 2015 và Nghị định 34/2016 đề cập đến cụm từ “*Lồng ghép vấn đề BĐG*”⁽¹¹⁶⁾ và “*Báo cáo Lồng ghép vấn đề BĐG*”⁽¹¹⁷⁾ trong đề nghị xây dựng VBQPPL hoặc trong dự án, dự thảo VBQPPL nhưng không giải thích các thuật ngữ này, điều đó có nghĩa là các thuật ngữ đó phải được hiểu theo nghĩa mà chúng đã được sử dụng và giải thích lần đầu tiên tại Luật bình đẳng giới năm 2006.

Theo định nghĩa này, nội dung và quy trình lồng ghép vấn đề BĐG tương tự như nội dung và quy trình xây dựng chính sách để giải quyết vấn đề giới trong đề nghị xây dựng VBQPPL theo Luật BHVBQPPL 2015. Việc lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng VBQPPL đã được thực hiện từ khi Luật Bình đẳng giới và các Nghị định quy định chi tiết Luật có hiệu lực đến nay, trong đó, đánh giá (dự báo) tác động về giới là một bước trong quy trình lồng ghép vấn đề BĐG.

Như vậy, do chịu sự điều chỉnh đồng thời của hai luật là Luật BHVBQPPL 2015 và Luật Bình đẳng giới nên việc ĐGTD về giới cần phải được hiểu và thực hiện theo hai phương thức như sau:

- *Thứ nhất*, nếu ngay ở Công đoạn 1 - xây dựng nội dung chính sách trong Quy trình chính sách, xác định có vấn đề giới (bất BĐG, phân biệt đối xử về giới) trong số các vấn đề thực tiễn cần phải giải quyết thì một trong các mục tiêu chính sách sẽ phải là giải quyết vấn đề giới và phải đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề giới theo mục tiêu xác định. Các giải pháp này sẽ được *ĐGTD độc lập* ở bước tiếp sau theo cả 5 nội dung đã được quy định tại Luật BHVBQPPL 2015, cụ thể là tác động về kinh tế, xã hội, TTHC, giới và HTPL.

- *Thứ hai*, nếu ở công đoạn 1 *không phát hiện có vấn đề giới* (bất BĐG, phân biệt đối xử về giới) đang tồn tại và cần giải quyết trong lĩnh vực điều chỉnh của chính sách thì có nghĩa là không có mục tiêu chính sách và giải pháp riêng để giải quyết vấn đề giới. Tuy nhiên, việc ĐGTD về giới của các giải

⁽¹¹⁶⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 39, khoản 2, điểm đ

⁽¹¹⁷⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 58, khoản 2, điểm d

pháp chính sách khác vẫn phải được tiến hành theo quy định của Luật BHVBQPPL 2015 theo phương thức *lồng ghép với ĐGTD về kinh tế, về xã hội* để xác định xem các giải pháp đó có tác động khác biệt đối với mỗi giới không và sự khác biệt đó có làm phát sinh những vấn đề giới mới hay không; nếu có thì cần có những biện pháp gì nhằm khắc phục những hệ quả do tác động khác biệt của mỗi giải pháp lên cơ hội, năng lực, điều kiện thực hiện quyền và thụ hưởng lợi ích của nam và nữ khi tuân thủ chính sách mới.

c. Biện pháp thúc đẩy BDG

Biện pháp thúc đẩy BDG là một khái niệm của Luật Bình đẳng giới, là biện pháp nhằm bảo đảm BDG thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch này. Biện pháp thúc đẩy BDG được thực hiện trong một thời gian nhất định và chấm dứt khi mục đích BDG đã đạt được⁽¹¹⁸⁾.

2. Nội dung ĐGTD về giới

Nhiều nội dung, chỉ tiêu tác động kinh tế và đặc biệt là tác động xã hội đều là những nội dung, chỉ tiêu tác động có thể gây sự khác biệt đáng kể đối với cơ hội, năng lực, điều kiện và thụ hưởng quyền, lợi ích của nam và nữ. Do đó, cần có “nhạy cảm giới” để nhận biết và đánh giá đúng sự khác biệt của các tác động đó đối với mỗi giới (nam, nữ) và hệ quả phát sinh do sự tác động khác biệt đó; từ đó đề xuất lựa chọn giải pháp vừa phù hợp với mục tiêu chung của chính sách; đồng thời hạn chế hoặc khắc phục, giải quyết các tác động bất lợi về BDG phù hợp với mục tiêu lồng ghép vấn đề BDG.

Nội dung ĐGTD về giới đặc thù: ngoài những nội dung, chỉ tiêu tác động chung về kinh tế, xã hội cần lưu ý đến các nội dung ĐGTD về giới đặc thù sau:

⁽¹¹⁸⁾ Luật Bình đẳng giới, Điều 5, khoản 6.

• *Thứ nhất*, do mục tiêu của lồng ghép vấn đề BĐG là bảo đảm BĐG thực chất nên nội dung ĐGTD về giới không chỉ dừng ở đánh giá mức độ bình đẳng về mặt pháp lý giữa các giới mà còn phải đánh giá xem các chính sách, giải pháp thực hiện có tác động tích cực đến việc thúc đẩy bình đẳng trên thực tế giữa các giới về vị trí, cơ hội, điều kiện tiếp cận, sử dụng và hưởng thụ lợi ích. Đặc biệt lưu ý đến tác động của chính sách đối với việc khắc phục từng bước các nguyên nhân của bất BĐG, phân biệt đối xử giới trên thực tế (các định kiến giới, các tập quán, hủ tục phân biệt đối xử giới (trọng nam, khinh nữ hoặc ngược lại));

• *Thứ hai*, do Luật Bình đẳng giới thừa nhận nguyên tắc các biện pháp thúc đẩy BĐG và biện pháp bảo vệ, hỗ trợ người mẹ (tức là các biện pháp chỉ áp dụng với một giới) không phải là phân biệt đối xử về giới nên nội dung ĐGTD về giới một mặt cần làm rõ tác động tích cực của việc áp dụng các biện pháp này (thúc đẩy bình đẳng của giới (nam hoặc nữ) hay tác động bảo vệ, hỗ trợ đặc biệt đối với người mẹ), mặt khác, phải xác định các tác động của chúng lên giới còn lại, tác động lên cộng đồng (ủng hộ hay không đồng tình, cản trở), dự báo các nguồn lực, các chi phí - lợi ích, điều kiện, thời hạn áp dụng và chấm dứt thực hiện các biện pháp này (khi mục tiêu BĐG hay hỗ trợ, bảo vệ người mẹ đã đạt được).

3. Phương pháp đánh giá tác động về giới đặc thù và chỉ tiêu đánh giá

Do những đặc điểm giới tính và giới của nam nữ nên khi áp dụng các phương pháp ĐGTD, cần chú ý những kỹ thuật đặc thù sau: (i) Phương pháp nghiên cứu tình huống kết hợp với lấy ý kiến, phỏng vấn sâu, mang tính chất riêng tư với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách để đảm bảo thu được các thông tin trung thực, thể hiện khách quan thái độ, ứng xử trước tác động thực tế của chính sách, giải pháp thực hiện; (ii) Phương pháp thu thập số liệu có tách biệt theo giới tính (việc này được thực hiện khi ĐGTD kinh tế và ĐGTD xã hội).

Để xác định được vấn đề giới trong dự thảo chính sách, đơn vị đánh giá có thể tiến hành sàng lọc các chỉ tiêu bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

i. ***“Trong lĩnh vực/các quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo chính sách có vấn đề giới không? (có sự phân biệt đối xử giới, bất BĐG không?)*** Nếu CÓ thì cần xác định nguyên nhân của vấn đề giới trong lĩnh vực/quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách.

Lưu ý: Các nguyên nhân của vấn đề giới có thể là do thiếu chính sách, quy định của pháp luật đảm bảo BĐG về pháp lý; chưa giải quyết vấn đề giới phù hợp với nguyên tắc BĐG; thiếu quy định về chế tài, thiết chế thi hành (bất BĐG về pháp lý); hoặc do việc thực hiện pháp luật không nghiêm từ phía CQNN, các tổ chức kinh tế, xã hội công dân; thiếu thiết chế thi hành pháp luật; do hạn chế về các nguồn lực để bảo đảm BĐG; do hiểu biết, năng lực của mỗi giới; do các định kiến giới trong xã hội cản trở; (bất BĐG thực chất).

ii. ***Dự thảo chính sách tác động đến vấn đề giới, giải quyết vấn đề giới như thế nào?*** Để trả lời cho câu hỏi này thì các chỉ tiêu sau cần được đánh giá:

- Bảo đảm BĐG về pháp lý;
- Khả năng phát sinh vấn đề giới mới (Có các yếu tố kinh tế, xã hội, pháp luật mới làm phát sinh hay khắc phục vấn đề giới);
- Khả năng khắc phục được các nguyên nhân gây bất BĐG đã tồn tại trước đó;
- Đã có hoặc có cần ban hành biện pháp thúc đẩy BĐG hay biện pháp bảo vệ, hỗ trợ người mẹ.

iii. ***Dự thảo chính sách có tác động nội dung nào dưới đây đối với mỗi giới:***

- Cơ hội, điều kiện, phát huy hay hạn chế năng lực của mỗi giới để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình;
- Cơ hội thụ hưởng các quyền và các kết quả (lợi ích) mà chính sách mang lại đối với mỗi giới;

iv. ***Giải pháp chính sách có đảm bảo BĐG tối ưu hơn so với các giải pháp khác của dự thảo chính sách không?***

v. **Các điều kiện bảo đảm giải quyết vấn đề giới?** Để trả lời câu hỏi này, các chỉ tiêu sau cần được đánh giá:

- Các điều kiện về pháp luật?
- Các điều kiện về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực⁽¹¹⁹⁾?
- Các điều kiện về tài chính (từ Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội)?
- Các điều kiện khác (cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin, truyền thông...) ?

V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

“Tác động đối với hệ thống pháp luật (HTPL) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo khả năng về thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các Điều ước quốc tế” (Điều 6, Nghị định 34/2016).

1. Khái niệm và định nghĩa

Theo yêu cầu về ĐGTD đối với HTPL của Nghị định 34/2016, việc đánh giá khả năng thi hành và tuân thủ chính sách, pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, bao gồm năm (05) khía cạnh sau:

✪ **Thứ nhất**, tổ chức bộ máy nhà nước của đề xuất chính sách phải phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

✪ **Thứ hai**, điều kiện bảo đảm thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Việc đánh giá này sẽ xuất phát từ góc độ kinh tế, xã hội và TTHC. Do đó, việc đánh giá này sẽ được đánh giá đồng thời với ĐGTD kinh tế, ĐGTD xã hội và ĐGTD TTHC.

✪ **Thứ ba**, khả năng thi hành, tuân thủ của từng đối tượng từ góc độ bảo đảm các quyền cơ bản của công dân theo Hiến pháp. Việc ĐGTD này nhằm bảo đảm dự thảo chính sách sẽ tác động như thế nào tới quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp.

⁽¹¹⁹⁾ Ví dụ như phân công trách nhiệm cho các cơ quan có liên quan, hình thành tổ chức mới, điều kiện, tiêu chuẩn, chính sách đối với cán bộ thực thi chính sách, biện pháp giải quyết vấn đề giới.

☼ **Thứ tư**, khả năng thi hành, tuân thủ của từng đối tượng khi thực thi quy định mới trong mối quan hệ với các quy định pháp luật khác. Việc đánh giá này nhằm bảo đảm tính phù hợp của chính sách/giải pháp chính sách đối với các quy định pháp luật hiện hành hoặc chuẩn bị ban hành. Nói cách khác, cần ĐGTD của dự thảo chính sách đối với việc thúc đẩy hay cản trở thi hành, tuân thủ hiệu quả đối với hệ thống chính sách, pháp luật hiện hành.

☼ **Thứ năm**, khả năng tương thích của chính sách, giải pháp chính sách đối với ĐUQT. Việc đánh giá này nhằm bảo đảm tính tương thích của chính sách/giải pháp chính sách đối với các ĐUQT hiện hành hoặc chuẩn bị ban hành, có hiệu lực. Tương tự như đánh giá tính phù hợp với các quy định pháp luật, cần ĐGTD của dự thảo chính sách đối với việc thúc đẩy hay cản trở thi hành, tuân thủ hiệu quả đối với các ĐUQT.

Hình 2.9. Các nội dung đánh giá tác động đối với HTPL



Để bảo đảm việc ĐGTD đối với HTPL không bị chồng chéo và lặp lại các ĐGTD khác, việc ĐGTD đối với HTPL sẽ tập trung vào ĐGTD tới (i) tổ chức bộ máy nhà nước; (ii) các quyền và nghĩa vụ cơ bản; (iii) các quy định pháp luật; và (iii) tương thích với các ĐUQT. Khía cạnh về *điều kiện bảo đảm thi hành* sẽ được đánh giá trong các tác động kinh tế, xã hội và TTHC. Nhưng trong quá trình tổng hợp thông tin cho từng loại đánh giá, các thông tin, phân tích về điều kiện bảo đảm thi hành từ các phân tích tác động kinh tế, xã hội và TTHC sẽ được tập hợp vào phân phân tích tác động HTPL.

2. Chỉ tiêu tác động đối với HTPL

Khi thực hiện việc ĐGTĐ đối với HTPL, để ĐGTĐ theo các nội dung trên, cần xác định các chỉ tiêu tác động đối với HTPL như sau:

Bảng 2.5. Gợi ý các chỉ tiêu trong ĐGTĐ đối với HTPL

Tác động tới tổ chức bộ máy nhà nước (Bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước theo quy định của Hiến pháp 2013 và các luật về tổ chức bộ máy nhà nước)	- Tổ chức quyền lực nhà nước; - Tổ chức hệ thống cơ quan dân cử (Quốc hội, HĐND); - Tổ chức hệ thống cơ quan tư pháp; - Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.
Tác động tới điều kiện bảo đảm thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân	- Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ kinh tế; - Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ xã hội; - Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân từ việc áp dụng TTHC. <i>(xem Bảng 3.10: Các chỉ tiêu được lựa chọn và thông tin cần thu thập trong ĐGTĐ HTPL tại Chương 3)</i>
Tác động đến các quyền và nghĩa vụ cơ bản của	Bảo đảm các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp <i>(xem Bảng 3.11: Nhận diện</i>

công dân theo Hiến pháp năm 2013¹²⁰	<i>các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013 tại Chương 3)</i>
Tác động đến các chính sách, quy định pháp luật¹²¹	Tính phù hợp với VBQPPL có hiệu lực cao hơn. Tính phù hợp với chính sách, nghị quyết của Quốc hội (đối với chính sách của cơ quan Trung ương) hoặc với HĐND cùng cấp hoặc cao hơn (đối với chính sách của địa phương). Tính thống nhất, đồng bộ với chính sách, VBQPPL do cùng cơ quan ban hành
Tác động đến khả năng tuân thủ và thi hành các ĐUQT¹²²	Áp dụng trực tiếp ĐUQT; hoặc Tương thích, phù hợp đối với ĐUQT.

3. Một số vấn đề lưu ý khi đánh giá tác động đối với HTPL

i. Khi ĐGTĐ đối với tổ chức bộ máy nhà nước, không chỉ xem xét tới tác động tới một hệ thống CQNN mà chính sách đó dự định điều chỉnh mà cần phải xem xét khả năng tác động tới các CQNN khác có liên quan đến hệ thống CQNN dự định điều chỉnh.

Ví dụ: về giải pháp “tổ chức toà án sơ thẩm khu vực” trong quá trình xây dựng Luật Tổ chức toà án nhân dân. Giải pháp này đã được xem xét, đánh giá với việc tổ chức hệ thống các cơ quan kiểm sát, cơ quan điều tra cấp khu vực và mối quan hệ giữa toà án sơ thẩm khu vực với chính quyền địa phương, thực hiện vai trò giám sát của cơ quan dân cử địa phương với toà án sơ thẩm khu vực.

Lưu ý: Để bảo đảm tính phù hợp, thống nhất, đồng bộ của dự thảo chính sách thì việc thu thập dữ liệu, thông tin của VBQPPL phải bao gồm các VBQPPL cùng lĩnh vực với dự thảo chính sách.

⁽¹²⁰⁾ Việc đánh giá các quyền cơ bản của công dân là phù hợp với nguyên tắc “tính hợp hiến” của các nguyên tắc xây dựng VBQPPL tại Điều 5, Điều 15, Điều 32 của Luật BHVBQPPL 2015.

⁽¹²¹⁾ Phù hợp với Điều 32 của Luật BHVBQPPL 2015.

⁽¹²²⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 32.

Ví dụ: Dự thảo chính sách khuyến khích đầu tư trong một khu kinh tế đặt ra các giải pháp thực hiện chính sách như: (i) giảm thuế cho các doanh nghiệp hoạt động trong khu kinh tế; (ii) áp dụng cơ chế đặc biệt để cấp phép cho các nhà đầu tư; (iii) áp dụng cơ chế đặc biệt để giao đất hoặc cho thuê đất để xây dựng nhà máy, nhà ở xã hội cho công nhân. Dự thảo chính sách này đòi hỏi phải rà soát Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Xây dựng.

ii. Một chính sách có thể tác động tới một quyền hoặc nhiều quyền cơ bản. Rất hiếm các chính sách không tác động tới bất kỳ một quyền nào. Chẳng hạn, Bộ luật Hình sự hay Bộ luật Dân sự tác động tới hầu hết các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Các chính sách về tổ chức bộ máy nhà nước ít tác động tới các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, nhưng vẫn có tác động như *“quyền quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với CQNN về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước”*.

Ví dụ, Luật Phòng Chống Thiên tai 2013 có chính sách *“Củng cố vai trò và trách nhiệm của cộng đồng trong phòng chống thiên tai”*. Chính sách này có tác động tới các quyền và nghĩa vụ cơ bản như: (i) *Quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường*; (ii) *Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục*; (iii) *Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với CQNN về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước*.

iii. Trong quá trình ĐGTĐ về quyền và nghĩa vụ cơ bản, có trường hợp phát hiện chính sách, giải pháp chính sách hoàn toàn ảnh hưởng tiêu cực tới quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân thì cơ quan đề xuất chính sách cần phải điều chỉnh hoặc loại bỏ chính sách, giải pháp chính sách đó. Trường hợp cơ quan đề xuất chính sách có quan điểm cho rằng việc áp dụng chính sách mới về trước mắt có ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân nhưng lâu dài chính sách mới có thể cải thiện được quyền và nghĩa vụ này thì

phải phân tích rõ và đề ra các biện pháp giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực để cơ quan ban hành chính sách quyết định.

iv. Trong trường hợp dự thảo chính sách có tác động tích cực tới một hoặc nhiều quyền và nghĩa vụ cơ bản nhưng lại tác động tiêu cực tới quyền và nghĩa vụ cơ bản khác, Đơn vị đánh giá cần mô tả đầy đủ các tác động có thể xảy ra một cách độc lập. Khi tổng hợp, đơn vị đánh giá hoặc người quyết định chính sách sẽ nhận diện được ngay phương án tối ưu của dự thảo chính sách.

v. Trong trường hợp dự thảo chính sách chưa phù hợp với một số nội dung của Hiến pháp nhưng lại bảo đảm các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, báo cáo ĐGTDCS phải nêu rõ vấn đề này và đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Trường hợp này chủ yếu liên quan đến việc phục vụ mục tiêu cải cách HTPL, sửa đổi Hiến pháp hoặc thực hiện thí điểm những vấn đề mà Hiến pháp chưa quy định hoặc có hạn chế.

vi. Trong quá trình ĐGTD tới các quy định pháp luật, nếu phát hiện chính sách, giải pháp chính sách làm thay đổi, loại bỏ một vài quy định hoặc toàn bộ VBQPPL cùng cấp nào thì cần phải nêu rõ để thuận tiện cho việc quy định về việc thi hành trong văn bản mới.

vii. Nếu loại bỏ hoặc thay đổi một văn bản hoặc quy định nào đó thì phải đánh giá khả năng tác động tới các quy định khác có liên quan khác đến quy định bị sửa hoặc hủy bỏ.

viii. Việc ĐGTD các quy định pháp luật bao gồm đánh giá tính phù hợp, thống nhất với quy định pháp luật đang có hiệu lực, sắp có hiệu lực hoặc đang cùng được soạn thảo với VBQPPL được ĐGTD.

ix. Luật Điều ước quốc tế 2016 đã quy định chặt chẽ và rõ ràng về thực thi ĐUQT và mối quan hệ giữa ĐUQT với pháp luật trong nước. Do đó, việc ĐGTD về sự tương thích của chính sách, giải pháp chính sách với ĐUQT là rất quan trọng, tương tự như các ĐGTD về quyền, nghĩa vụ cơ bản và quy định pháp luật. Cho đến nay, Việt Nam đã tham gia hơn 2.000 ĐUQT nên việc tìm kiếm ĐUQT để rà soát, đánh giá khá khó khăn. Cơ quan chịu trách nhiệm ĐGTD có thể tìm và tra cứu ĐUQT trên cơ sở dữ liệu Điều ước quốc tế

(<https://treaty.mofa.gov.vn/>) của Bộ Ngoại giao hoặc tại nhiều nguồn công bố ĐUQT khác.

x. Theo quy định của Luật BHVBQPPL 2015, chính sách, giải pháp chính sách của các địa phương cũng phải rà soát tính tương thích với ĐUQT.

xi. Luật BHVBQPPL 2015 không quy định rõ việc ĐGTĐ đối với khả năng thi hành và tuân thủ ĐUQT là chỉ bao gồm các ĐUQT đã được Việt Nam ký kết và có hiệu lực hay bao gồm cả các ĐUQT chưa được Việt Nam ký kết và/hoặc chưa có hiệu lực. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 6 của Luật Điều ước quốc tế (như đã trích ở trên), quy định của ĐUQT sẽ chiếm ưu thế đối với quy định pháp luật trong nước và có thể áp dụng trực tiếp. Bởi vậy, việc ĐGTĐ sẽ chỉ tập trung đánh giá đối với các ĐUQT có hiệu lực và Việt Nam đã ký kết. Trong trường hợp chính sách, giải pháp chính sách có nội dung liên quan đến ĐUQT mà Việt Nam chuẩn bị ký kết hoặc đã ký kết chưa có hiệu lực (như Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), thì mới ĐGTĐ đối với quy định của (các) văn kiện quốc tế này.

xii. Sau khi thực hiện ĐGTĐ đối với HTPL nêu trên, đơn vị đánh giá có thể tạm kết luận về khả năng có thể ban hành chính sách/giải pháp chính sách khi nhận thấy chính sách/giải pháp chính sách:

- ✧ Bảo đảm các quyền cơ bản, phù hợp với HTPL; hoặc
- ✧ Có thể chưa bảo đảm các quyền cơ bản, chưa phù hợp với HTPL nhưng nhằm đạt mục tiêu bảo đảm tốt hơn, cải cách pháp luật; hoặc
- ✧ Điều chỉnh các biện pháp thực hiện chính sách để bảo đảm các yêu cầu

xiii. Việc ĐGTĐ đối với HTPL về nội dung *Các điều kiện bảo đảm thi hành* sẽ được thực hiện ở ĐGTĐ kinh tế, xã hội và TTHC.

xiv. Quá trình ĐGTĐ đối với HTPL sẽ giúp ích cho các ĐGTĐ khác và ngược lại như: quy định về quản lý biên chế, ngân sách, BHXH, tính hợp pháp của TTHC...

xv. Đơn vị đánh giá không **DỪNG** việc đánh giá các tác động khác khi kết luận tạm thời theo các đánh giá nêu trên là chính sách trái với Hiến pháp, xung đột với HTPL hiện hành. Việc tiếp tục đánh giá các tác động khác sẽ giúp cơ quan có thẩm quyền có thêm dữ liệu thông tin để quyết định có “cải cách pháp luật” hay huỷ bỏ chính sách đề xuất.

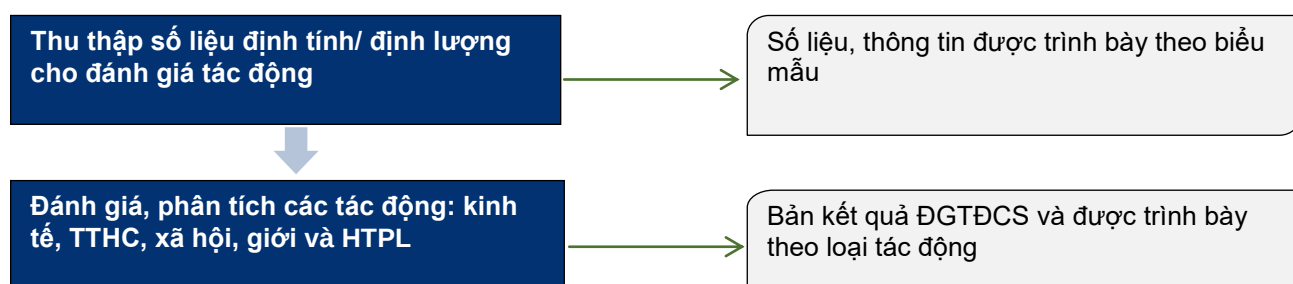
CHƯƠNG III. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN VÀ CÔNG CỤ SỬ DỤNG TRONG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Hình 3.1. LƯU ĐỒ TỔNG THỂ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

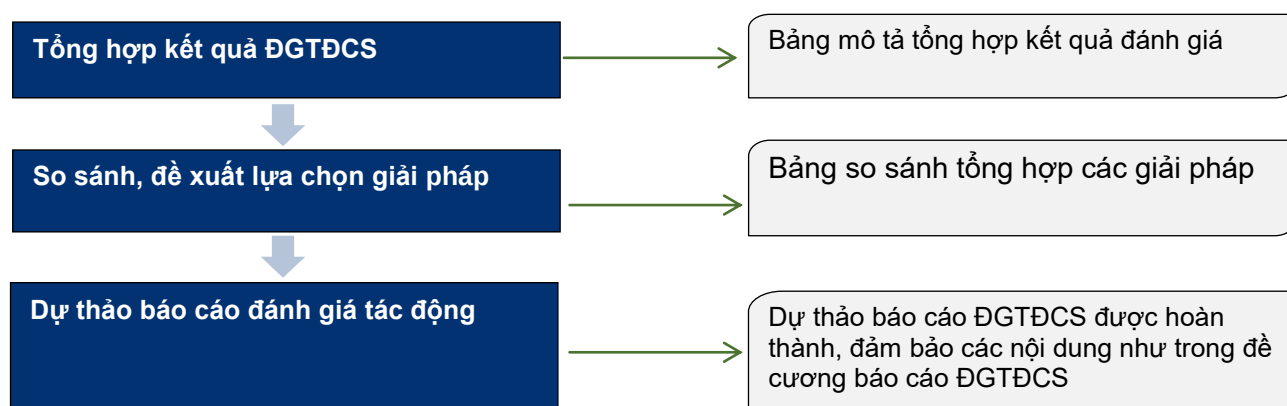
Bước 1: Chuẩn bị nội dung và lập kế hoạch



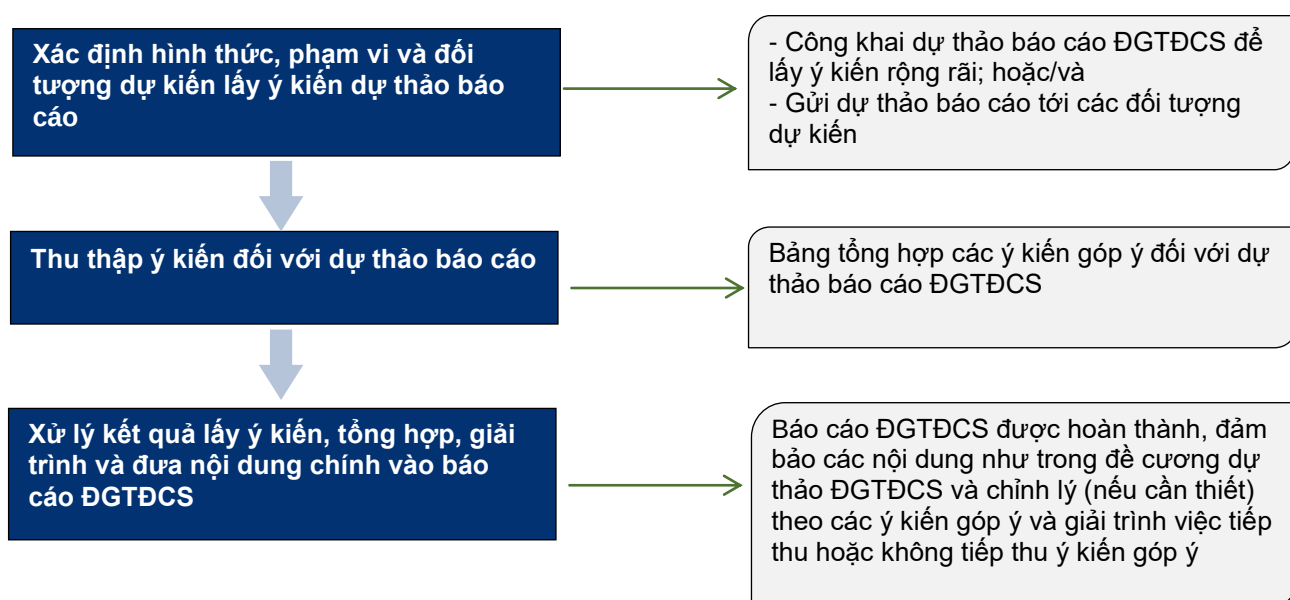
Bước 2: Thực hiện Đánh giá



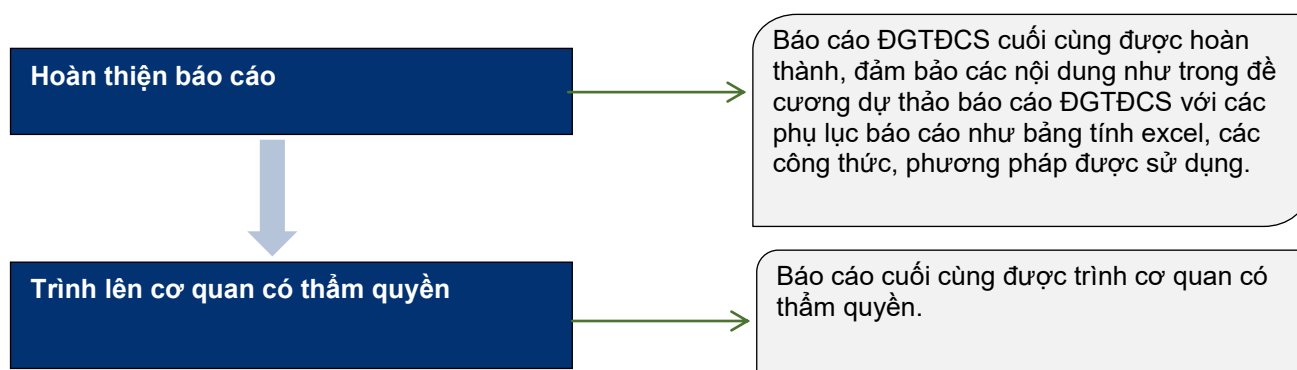
Bước 3: Tổng hợp kết quả, đề xuất giải pháp, dự thảo báo cáo



Bước 4: Lấy ý kiến đối với dự thảo báo cáo

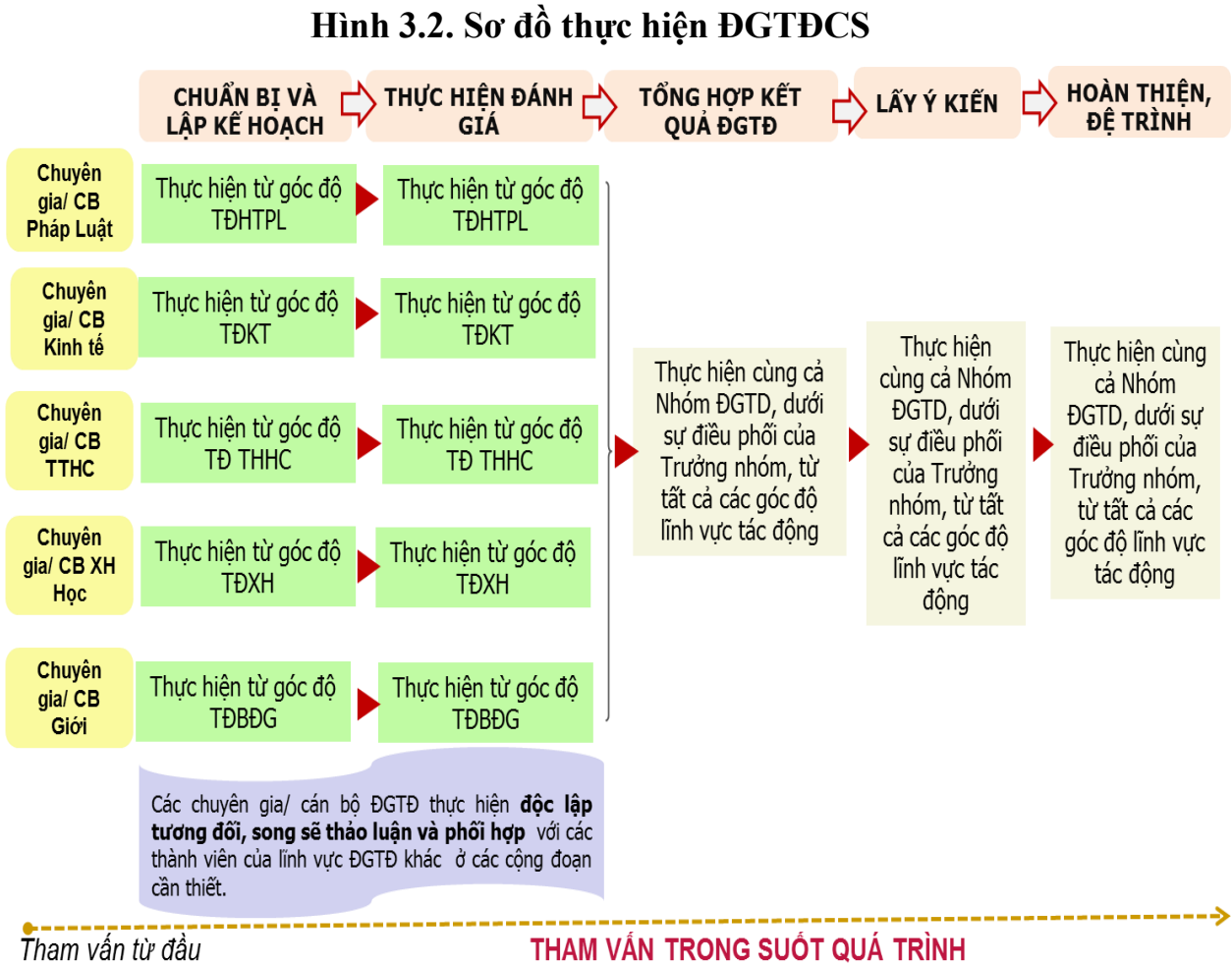


Bước 5: Hoàn thiện báo cáo ĐGTĐCS, trình cơ quan có thẩm quyền



Các bước thực hiện trên sẽ được thực hiện song song, tịnh tiến và đồng thời bởi các cán bộ, chuyên gia phụ trách từng lĩnh vực ĐGTD trong Nhóm

ĐGTD. Việc thực hiện đồng thời ĐGTD ở các loại tác động được thể hiện tại sơ đồ sau:



I. BƯỚC 1. CHUẨN BỊ VÀ LẬP KẾ HOẠCH

1. Lập kế hoạch thực hiện ĐGTĐCS

Việc lập kế hoạch và phương án thực hiện ĐGTD cần làm đồng thời với việc lập kế hoạch xây dựng chính sách. Kế hoạch cần được phân công cụ thể, rõ ràng dựa trên cơ sở nguồn lực của cơ quan đề xuất chính sách dành cho hoạt động ĐGTĐCS.

2. Mô tả vấn đề thực tiễn và giải pháp chính sách

Ở bước này, ĐGTĐCS chỉ **mô tả kết quả của Công đoạn 1: Xây dựng nội dung chính sách**. Đơn vị đánh giá sẽ thừa kế kết quả của công việc xác định vấn đề chính sách, xác định mục tiêu chính sách và dự kiến các giải pháp

chính sách. Bảng 3.1 dưới đây giúp cho việc mô tả chính sách và giải pháp chính sách:

Bảng 3.1. Mô tả tóm tắt chính sách và giải pháp chính sách

Vấn đề thực tiễn	Mô tả nội dung chính sách/ hành động của Nhà nước	Mục tiêu chính sách/ chỉ tiêu đánh giá kết quả đạt được mục tiêu	Các giải pháp chính sách
		<i>Mục tiêu chung:</i>	Giải pháp 1:
		<i>Chỉ tiêu cụ thể:</i>	Giải pháp 2:
			Giải pháp...:

3. Xác định đối tượng chịu tác động

Bảng 3.2. Phân tích sơ bộ các loại tác động đối với từng nhóm đối tượng

Các đối tượng chịu tác động	Chịu Tác động Kinh tế (Có/Không)	Chịu Tác động Xã Hội (Có/Không)	Chịu Tác động TTHC (Có/Không)	Chịu tác động về giới (Có/Không)	Tác động về HTPL (Có/Không)
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC					
-...					
NGƯỜI DÂN (NAM/NỮ)					
-...					
TỔ CHỨC					
-...					
ĐỐI TƯỢNG KHÁC					
-...					

Để điền các đánh giá CÓ/ KHÔNG vào Bảng 3.2 trên đây, đơn vị đánh giá cần tiến hành thảo luận trong nhóm, lấy ý kiến với các chuyên gia, những người có liên quan và các bộ, ngành có liên quan để đảm bảo tính chính xác và khách quan.

Bảng 3.2, đơn vị đánh giá có thể xác định được đối với từng nhóm đối tượng sẽ chủ yếu ĐGTĐ lĩnh vực nào (kinh tế, xã hội, TTHC, giới và HTPL) và trọng tâm đánh giá là sẽ vào đối tượng nào (CQNN, người dân, tổ chức hay đối tượng khác).

4. Sàng lọc, xác định loại tác động, trọng tâm và chỉ tiêu đánh giá tác động

Sau khi xác định được những lĩnh vực tác động cần phải tập trung đối với từng nhóm đối tượng, đơn vị đánh giá sẽ xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá phù hợp của từng lĩnh vực ĐGTĐ.

a. Kinh tế

Các chỉ tiêu trong ĐGTĐ kinh tế được phân nhóm theo đối tượng chịu tác động kinh tế với câu hỏi sàng lọc như mô tả ở Bảng 3.3 dưới đây:

Bảng 3.3. Sàng lọc các chỉ tiêu (*)trong ĐGTĐ kinh tế

<i>Câu hỏi sàng lọc: Giải pháp chính sách trong Đề nghị xây dựng VB CÓ hay KHÔNG gây ra các tác động sau?</i>	CÓ		KHÔNG
	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	
ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC			
Tăng/giảm thu từ thuế cho NSNN			
Tăng/giảm thu từ phí, lệ phí cho NSNN			
Tăng/giảm thu từ các khoản phí đóng góp (ngoài NSNN), và cho các quỹ (ví dụ như Quỹ BHXH, Bảo trì đường bộ...)			
Tăng/giảm chi trang thiết bị, vật tư để thực hiện giải pháp chính sách			
Tăng/giảm chi đầu tư công (cơ sở hạ tầng, trụ sở làm việc..)			

Tăng/giảm các khoản chi trả tiền mặt của Nhà nước: trợ cấp xã hội, bảo trợ, an sinh xã hội ...			
Tăng/giảm chi trả tiền lương và các khoản có tính chất như lương			
Tăng/giảm chi phí trợ giá, trợ cấp, hỗ trợ, đền bù tiền lãi...			
ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN			
Tăng/giảm mức thuế phải đóng cho NSNN			
Tăng/giảm mức phí, lệ phí phải đóng cho NSNN			
Tăng/giảm các mức phí phải đóng cho các quỹ (ví dụ như Quỹ BHXH, Bảo trì đường bộ, Phòng chống thiên tai...)			
Tăng/giảm chi cho cơ sở vật chất, trang thiết bị và các loại chi phí liên quan khác để thực hiện giải pháp chính sách			
Tăng/giảm về tài sản			
Tăng/giảm các khoản được nhận từ Nhà nước: trợ cấp xã hội, bảo trợ, an sinh xã hội			
Tăng/giảm mức lương và các thu nhập khác ...			
Tăng/giảm mức trợ giá, trợ cấp, hỗ trợ, đền bù, tiền lãi trợ giá được nhận.			
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC			
Tăng/giảm mức thuế phải đóng cho NSNN			
Tăng/giảm mức phí, lệ phí phải đóng cho NSNN			
Tăng/giảm các mức phí phải đóng cho các quỹ (ví dụ như Quỹ BHXH, Bảo trì đường bộ...)			
Tăng/giảm chi cho cơ sở vật chất, trang thiết bị và các loại chi phí liên quan khác để thực hiện giải pháp chính sách			
Tăng/giảm về tài sản			
Tăng/giảm chi phí đầu vào như nguyên liệu, nhiên liệu, tiền			

lương, khấu hao			
Tăng/giảm mức trợ giá, trợ cấp, hỗ trợ, đền bù, tiền lãi trợ giá, hỗ trợ miễn phí được nhận.			
ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG KHÁC			
Tăng/giảm dòng vốn đầu tư trực tiếp - gián tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam			
Tăng/giảm dòng vốn cho vay ưu đãi phát triển (ODA) vào Việt Nam			
Tăng/giảm dòng kiều hối hoặc tài sản dịch chuyển vào Việt Nam			

(*) Lưu ý: các chỉ tiêu trên chỉ mang tính gợi ý

Sau khi lần lượt trả lời hết các câu hỏi trong biểu mẫu trên, đơn vị đánh giá sẽ tổng hợp tất cả các chỉ tiêu mà được đánh giá là “CÓ” gây tác động kinh tế để đưa vào biểu mẫu dưới đây. Song song tại bước này, đơn vị đánh giá sẽ xác định xem cần phải thu thập thông tin cụ thể nào để ĐGTD (tăng hoặc giảm) của chỉ tiêu tương ứng.

b. Thủ tục hành chính

Khác với ĐGTD kinh tế, ĐGTD về TTHC không sàng lọc các chỉ tiêu ngay từ nhóm đối tượng chịu sự tác động, mà sàng lọc từ các yêu cầu đánh giá của TTHC, theo tuần tự: Sự cần thiết, Tính hợp pháp, Tính hợp lý và các chỉ tiêu về lợi ích/chi phí trong việc thực hiện TTHC.

Đánh giá Sự cần thiết : Đơn vị đánh giá sẽ phải trả lời ba câu hỏi sau:

Bảng 3.4. Đánh giá sự cần thiết của TTHC

Câu hỏi	CÓ	KHÔNG
Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực liên quan đến việc thực hiện chính sách?	☐	☐

Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC?	☐	☐
Là biện pháp tối ưu trong các biện pháp có thể được thực hiện để bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	☐	☐

Dựa trên các chỉ tiêu đánh giá Sự cần thiết và thông tin cụ thể được thu thập, Đơn vị đánh giá rà soát nhanh dự thảo chính sách mà các trả lời đều là KHÔNG đối với cả 3 câu hỏi trên, Đơn vị Đánh giá sẽ **DỪNG** quy trình ĐGTD đối với TTHC tại đây và ghi rõ trong Báo cáo ĐGTD về những câu hỏi không được thoả mãn đối với Sự cần thiết phải có TTHC để thực hiện giải pháp chính sách.

Nếu một hoặc hai trong số 3 câu trả lời KHÔNG, thì tiếp tục đánh giá Tính hợp pháp của TTHC.

Khi đánh giá các nội dung nêu trên, Đơn vị đánh giá cần phân tích mối quan hệ của chính sách mới với phương án TTHC được đề xuất (như ban hành TTHC mới, TTHC sửa đổi, đơn giản hóa hoặc bãi bỏ TTHC và thay thế bằng biện pháp khác) để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước nhằm phục vụ cho mục tiêu của chính sách. Trong quá trình phân tích phải nêu được các lý do về sự cần thiết áp dụng giải pháp TTHC, ví dụ như:

- Các hoạt động, công việc của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực mà chính sách mới nhằm điều chỉnh hiện đã được pháp luật điều chỉnh chưa, liệu có khả năng bị chồng chéo các TTHC không?
- Có cần thiết phải áp dụng một phương án TTHC mới để Nhà nước thực hiện được công tác quản lý của mình nhằm đạt được mục tiêu chính sách?

Đánh giá Tính hợp pháp

Bảng 3.5. Đánh giá tính hợp pháp của TTHC

Câu hỏi	CÓ	KHÔNG
TTHC dự kiến ban hành có đầy đủ 8 bộ phận tạo thành không (<i>xem hình 2.6</i>)?	☐	☐
VBQPPL dự định ban hành có thẩm quyền ban hành TTHC không (<i>xem Bảng 2.2</i>)	☐	☐
Nội dung của TTHC dự kiến phù hợp với quy định pháp luật hiện hành không? (<i>xem Bảng 2.2</i>)	☐	☐
Khả năng phù hợp của TTHC dự kiến với các ĐUQT mà Việt Nam đã ký kết(<i>xem Bảng 2.2</i>)	☐	☐

Đánh giá Tính hợp lý**Bảng 3.6. Đánh giá tính hợp lý của TTHC**

Câu hỏi	CÓ	KHÔNG
Giải pháp chính sách có dự kiến trách nhiệm của CQNN đối với TTHC không?	☐	☐
Trình tự thực hiện TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể các bước thực hiện; phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của CQNN và cá nhân, tổ chức khi tham gia thực hiện	☐	☐
Hồ sơ để giải quyết TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể	☐	☐
Thời hạn giải quyết TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể	☐	☐
Đối tượng thực hiện TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể	☐	☐
Cơ quan thực hiện TTHC được quy định phù hợp với thẩm quyền quản lý nhà nước đối với cấp hành chính hoặc địa giới hành chính theo quy định của pháp luật	☐	☐
Phí, lệ phí và các khoản chi trả khác (nếu có) được quy định rõ ràng, cụ thể	☐	☐

Có cung cấp mẫu đơn tờ khai nếu có quy định đơn, tờ khai	☐	☐
Yêu cầu, điều kiện của TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể, cần thiết đối với yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với khả năng đáp ứng của cá nhân, tổ chức	☐	☐
Hình thức, thời hạn có hiệu lực và điều kiện có hiệu lực (nếu có) của kết quả của TTHC được quy định rõ ràng, thuận tiện, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, với quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và tình hình thực tiễn	☐	☐

Nếu một trong các chỉ tiêu của Tính hợp lý nêu trên được lựa chọn là KHÔNG thì đơn vị đánh giá/ cơ quan đề xuất chính sách sửa đổi lại phương án TTHC.

Bảng 3.7 dưới đây là danh sách các chỉ tiêu thường được sử dụng trong đánh giá chi phí/lợi ích về TTHC. Các chỉ tiêu được phân nhóm theo đối tượng chịu tác động về TTHC đã được xác định khi đánh giá về Tính hợp lý của phương án TTHC. Nếu CÓ (tức có gây ra tác động), đơn vị đánh giá sẽ trả lời cụ thể hơn là tác động đó khiến giá trị chỉ tiêu TĂNG hay GIẢM. Nếu KHÔNG (tức không gây ra tác động) thì không cần đánh giá. Ví dụ: một phương án TTHC là nhằm đơn giản hoá một TTHC liên quan đến việc chuẩn bị hồ sơ của tổ chức và người dân nhưng không thay đổi quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ từ CQNN. Như vậy xác định chỉ tiêu KHÔNG gây tác động tới CQNN thì không cần phải đánh giá, tính toán thay đổi đối với chi phí tuân thủ đối với nhóm đối tượng này.

Bảng 3.7. Sàng lọc các chỉ tiêu chi phí/lợi ích (*) trong ĐGTD về TTHC

CÂU HỎI SÀNG LỌC: <i>Giải pháp chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL CÓ hay KHÔNG gây ra các tác động sau?</i>	CÓ		KHÔNG
	Tăng	Giảm	
ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC			
Tác động tới chi phí tuân thủ TTHC			
Tác động tới biên chế công chức			
ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN			
Tác động tới chi phí tuân thủ TTHC			
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC			
Tác động tới chi phí tuân thủ TTHC			
Tác động tới số lượng lao động trong tổ chức			
ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG KHÁC			
Tác động tới chi phí tuân thủ TTHC			
Tác động tới biên chế/ số lao động của tổ chức			

(*) Lưu ý: các chỉ tiêu trên chỉ mang tính gợi ý

Sau khi trả lời các câu hỏi trong Bảng 3.7 ở trên, nếu câu trả lời là “CÓ” đơn vị đánh giá thu thập các thông tin cần thiết để đánh giá định lượng đối với từng đối tượng chịu tác động.

Ngoài ra, để hỗ trợ cho phân tích tác động về giới, các thông tin cụ thể cần phải thu thập sẽ cần xác định theo tiêu chí về giới (nam/nữ) trong dự kiến ban hành TTHC (nếu có thể).

c. Xã hội

Khi bắt đầu thực hiện ĐGTD xã hội, ở bước chuẩn bị ban đầu (lập kế hoạch), Đơn vị đánh giá sử dụng Bảng 3.8 – Sàng lọc chỉ tiêu trong ĐGTD xã hội dưới đây trên cơ sở xác định được nhóm đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và gián tiếp về tác động xã hội. Câu hỏi sàng lọc cần được đặt ra đối với ĐGTD xã hội là: “*Chính sách, giải pháp chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL CÓ hay KHÔNG gây ra những tác động nào trong những lĩnh vực và vấn đề xã hội? nếu CÓ, thì tác động đó là tích cực hay tiêu cực*”. Bảng 3.8 dưới đây gợi ý các chỉ tiêu thường có trong ĐGTD xã hội.

Bảng 3.8. Sàng lọc chỉ tiêu (*) trong ĐGTD xã hội

CÂU HỎI SÀNG LỌC: <i>Giải pháp chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL CÓ hay KHÔNG gây ra tác động trong các lĩnh vực hay vấn đề sau không ?</i>	CÓ		KHÔNG
	Tích cực	Tiêu cực	
ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC			
Phương pháp, phong cách, kỷ luật làm việc và thái độ phục vụ nhân dân (<i>nghĩa là thay đổi từ Chính phủ hành chính, hướng thụ sang việc xây dựng Chính phủ kiến tạo, phục vụ, ...</i>)			
Quy trình, phương pháp làm việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu phục vụ nhân dân	☐	☐	☐
Mô hình cơ sở vật chất tạo điều kiện thuận lợi cho mục tiêu phục vụ nhân dân, bao gồm nhóm người yếu thế (như trụ sở cơ quan có lối lên dành riêng cho người khuyết tật đi lại, CQNN có cán bộ có thể giao tiếp với người thiểu số có ngôn ngữ riêng...)	☐	☐	☐
CQNN (như toà án) có bộ phận làm việc riêng với trẻ em hoặc các vấn đề về trẻ em	☐	☐	☐
(...)			

CÂU HỎI SÀNG LỌC: <i>Giải pháp chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL CÓ hay KHÔNG gây ra tác động trong các lĩnh vực hay vấn đề sau không ?</i>	CÓ		KHÔNG
	Tích cực	Tiêu cực	
Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lề lối làm việc (ví dụ như nâng cao trách nhiệm cán bộ, loại bỏ tệ quan liêu, cửa quyền, hách dịch...)			
Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lề lối làm việc	☐	☐	☐
Thái độ phục vụ nhân dân	☐	☐	☐
(...)			
Tăng/giảm đội ngũ cán bộ nhà nước trong bộ máy quản lý			
Thay đổi cơ cấu tổ chức ảnh hưởng tới tăng/giảm đội ngũ cán bộ nhà nước trong bộ máy quản lý nhằm mục tiêu phục vụ nhân dân	☐	☐	☐
(...)			
Phòng và chống tham nhũng, lãng phí trong bộ máy quản lý nhà nước			
Phòng và chống tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy quản lý nhà nước	☐	☐	☐
Phòng và chống lãng phí trong bộ máy quản lý nhà nước	☐	☐	☐
(...)			
Năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ nhà nước			
Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ nhà nước để thực hiện tốt công việc được giao, phục vụ nhân dân	☐	☐	☐
(...)			

CÂU HỎI SÀNG LỌC: <i>Giải pháp chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL CÓ hay KHÔNG gây ra tác động trong các lĩnh vực hay vấn đề sau không ?</i>	CÓ		KHÔNG
	Tích cực	Tiêu cực	
ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN			
Dân số (<i>Tình trạng số lượng và chất lượng dân số</i>)			
Tỷ lệ tăng dân số chung	☐	☐	☐
Cơ cấu dân số theo tuổi hoặc theo vùng	☐	☐	☐
Cân bằng giới tính nam nữ	☐	☐	☐
Tuổi thọ trung bình	☐	☐	☐
(...)			
Việc làm (<i>Tình trạng cơ hội việc làm và thất nghiệp</i>)			
Cơ hội việc làm	☐	☐	☐
Tỷ lệ thất nghiệp của người trong độ tuổi lao động	☐	☐	☐
Tiền lương trung bình thực tế của người lao động	☐	☐	☐
Lao động được đào tạo	☐	☐	☐
(...)			
Tài sản			
Sở hữu nhà ở	☐	☐	☐
Thu nhập trung bình của hộ gia đình	☐	☐	☐
Phương tiện đi lại cá nhân	☐	☐	☐
(...)			
Sức khỏe (<i>Tình trạng sức khỏe cộng đồng, chất lượng môi trường, bệnh tật và tai nạn, thương tích, điều kiện sống vệ sinh, an toàn, tiện ích chăm sóc sức khỏe</i>)			
Thực phẩm an toàn	☐	☐	☐
Hưởng thụ nước sạch	☐	☐	☐

CÂU HỎI SÀNG LỌC: <i>Giải pháp chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL CÓ hay KHÔNG gây ra tác động trong các lĩnh vực hay vấn đề sau không ?</i>	CÓ		KHÔNG
	Tích cực	Tiêu cực	
Sức khỏe của trẻ em, bệnh học đường	☐	☐	☐
Bệnh nghề nghiệp	☐	☐	☐
(...)			
Môi trường (<i>Ô nhiễm môi trường trong phạm vi gây tác động trực tiếp đến sức khỏe và sinh kế của cộng đồng và bảo tồn đa dạng sinh học</i>)			
Ô nhiễm không khí, đất, nguồn nước, tiếng ồn	☐	☐	☐
Tình trạng xử lý chất thải công nghiệp và sinh hoạt	☐	☐	☐
Hệ sinh thái, đa dạng sinh học	☐	☐	☐
Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	☐	☐	☐
(...)			
Y tế (<i>Khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế</i>)			
Dịch vụ y tế công cộng	☐	☐	☐
Dịch vụ y tế chất lượng cao	☐	☐	☐
Dịch vụ y tế cơ sở	☐	☐	☐
(...)			
Giáo dục (<i>Cơ hội được phổ cập giáo dục, tiếp cận dịch vụ giáo dục</i>)			
Phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở	☐	☐	☐
Tình trạng thất học, mù chữ theo độ tuổi	☐	☐	☐
Tiếp cận giáo dục phổ thông chất lượng cao	☐	☐	☐
Tiếp cận giáo dục cao đẳng, đại học và trên đại học	☐	☐	☐
Tiếp cận đào tạo nghề	☐	☐	☐

CÂU HỎI SÀNG LỌC: <i>Giải pháp chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL CÓ hay KHÔNG gây ra tác động trong các lĩnh vực hay vấn đề sau không ?</i>	CÓ		KHÔNG
	Tích cực	Tiêu cực	
(...)			
Đi lại (Điều kiện và khả năng sử dụng hạ tầng và phương tiện giao thông)			
Dịch vụ giao thông công cộng	☐	☐	☐
Bảo đảm hạ tầng đường xá, giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không)	☐	☐	☐
Sử dụng phương tiện giao thông cá nhân	☐	☐	☐
(...)			
Giảm nghèo (Cơ hội và điều kiện giảm tỷ lệ nghèo đói, giảm nghèo bền vững)			
Thu nhập tối thiểu	☐	☐	☐
Giảm tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo	☐	☐	☐
Số hộ gia đình không có nhà kiên cố	☐	☐	☐
(...)			
Giá trị văn hoá truyền thống (Bảo tồn và chọn lọc giá trị đạo đức và lối sống của từng dân tộc trên bình diện quốc gia, phong tục tập quán vùng miền và dân tộc thiểu số)			
Đạo đức và lối sống Á Đông và Việt Nam	☐	☐	☐
Ngôn ngữ, lối sống và phong tục, tập quán của người thiểu số	☐	☐	☐
(...)			
Gắn kết gia đình và cộng đồng (Mối quan hệ trong gia đình và cộng đồng)			
Tỷ lệ ly hôn	☐	☐	☐
Bạo lực gia đình	☐	☐	☐

CÂU HỎI SÀNG LỌC: <i>Giải pháp chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL CÓ hay KHÔNG gây ra tác động trong các lĩnh vực hay vấn đề sau không ?</i>	CÓ		KHÔNG
	Tích cực	Tiêu cực	
Quyền tham gia quyết định của người dân tại cộng đồng	☐	☐	☐
(...)			
Giảm tỷ lệ tội phạm (<i>giảm các hành vi vi phạm pháp luật hình sự</i>)			
Giảm các hành vi vi phạm pháp luật hình sự	☐	☐	☐
Thể hiện được chính sách nhân đạo của Nhà nước Việt Nam đối với người phạm tội có ý thức hối cải, người phạm tội chưa thành niên...	☐	☐	☐
(...)			
Lĩnh vực và chỉ tiêu khác, nếu cần thiết (<i>ví dụ điều kiện tiếp cận dịch vụ hạ tầng kỹ thuật và bảo đảm xã hội cơ bản</i>)			
Tiếp cận điện lưới	☐	☐	☐
Tiếp cận phương tiện truyền thông (báo giấy, truyền thanh, truyền hình, internet); Khả năng hưởng thụ chính sách trợ giúp xã hội, tiếp cận các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.	☐	☐	☐
(...)			
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC			
Chất lượng phát triển và hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức cộng đồng			
Khả năng phát triển và hoạt động của các tổ chức vì lợi ích của cộng đồng	☐		☐
Khả năng phát triển và hoạt động của các tổ chức nhằm hỗ trợ, bổ khuyết cho các hoạt động của CQNN	☐		☐

CÂU HỎI SÀNG LỌC: <i>Giải pháp chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL CÓ hay KHÔNG gây ra tác động trong các lĩnh vực hay vấn đề sau không ?</i>	CÓ		KHÔNG
	Tích cực	Tiêu cực	
Khả năng tự quản, tự bù đắp kinh phí của các tổ chức	☐		☐
(...)			
Mô hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh để nâng cao hiệu quả kinh doanh, bảo đảm sinh kế của người dân, bảo đảm giá trị văn hoá truyền thống			
Gìn giữ và phát triển các nghề, sản phẩm truyền thống	☐		☐
Phát triển các phương thức sản xuất, kinh doanh mới cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh để nâng cao năng lực cạnh tranh	☐		☐
Sinh kế của người dân (thông qua các mô hình sản xuất, kinh doanh nhỏ và siêu nhỏ) được bảo đảm	☐		☐
(...)			
Trách nhiệm và ý thức đóng góp cho xã hội của doanh nghiệp			
Phát triển trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	☐		☐
Phát triển doanh nghiệp xã hội	☐		☐
Phát triển các mô hình sản xuất sạch, bảo vệ môi trường và sức khoẻ người dân	☐		☐
(...)			
ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG KHÁC			
Bảo đảm quyền kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài, thương nhân nước ngoài			
Bảo đảm quyền đầu tư vào Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với các chính sách mở cửa thị trường, pháp	☐		☐

CÂU HỎI SÀNG LỌC: <i>Giải pháp chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL CÓ hay KHÔNG gây ra tác động trong các lĩnh vực hay vấn đề sau không ?</i>	CÓ		KHÔNG
	Tích cực	Tiêu cực	
luật của Việt Nam và các hiệp định thương mại song phương và đa phương mà Việt Nam đã tham gia			
Bảo đảm quyền kinh doanh của thương nhân nước ngoài phù hợp với các chính sách mở cửa thị trường, pháp luật của Việt Nam và các hiệp định thương mại song phương và đa phương mà Việt Nam đã tham gia	☐		☐
(...)			
Bảo đảm quyền lao động của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài			
Bảo đảm quyền lao động người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phù hợp với các chính sách mở cửa thị trường lao động, pháp luật của Việt Nam và các hiệp định song phương và đa phương mà Việt Nam đã tham gia	☐		☐
(...)			
Bảo đảm quyền tài sản của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài			
Bảo đảm quyền về tài sản được hình thành hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của Việt Nam và các hiệp định song phương và đa phương mà Việt Nam đã tham gia	☐		☐
(...)			

(*) Lưu ý: Các chỉ tiêu chỉ mang tính gợi ý

Mục đích của Bảng 3.8 giúp Đơn vị đánh giá sàng lọc các chỉ tiêu thích hợp cho ĐGTD xã hội. Ở các dòng trong Bảng là các chỉ tiêu thể hiện tác động có thể có của giải pháp chính sách. Đơn vị đánh giá sẽ trả lời câu hỏi sàng lọc bằng cách đánh dấu chọn ở từng dòng trong bảng. Lưu ý rằng, việc sàng lọc lĩnh vực và chỉ tiêu tác động ở giai đoạn này có thể còn mang tính sơ bộ và cảm tính. Do đó sẽ được kiểm định và điều chỉnh trong quá trình thực hiện việc ĐGTD.

Để hỗ trợ cho quá trình ĐGTD về giới, các thông tin cụ thể cần phải thu thập sẽ bao gồm các yếu tố về giới (nam/nữ) trong các trường hợp có thể. Tuy nhiên, ngay ở bước này, trong trường hợp không thể tự đánh giá để đưa ra quyết định lựa chọn hay loại bỏ các chỉ tiêu nhất định, Đơn vị đánh giá có thể và được khuyến nghị yêu cầu sự hỗ trợ của cơ quan, tổ chức có liên quan⁽¹²³⁾.

g. Giới

Việc lồng ghép vấn đề BDG, ĐGTD giới trong ĐGTD về kinh tế và xã hội trong suốt quá trình, nếu có phát sinh vấn đề về giới (câu hỏi 1 dưới đây). Khi xác định phát sinh vấn đề giới, các thông tin thu thập theo các câu hỏi dưới đây trong quá trình thu thập thông tin của các loại ĐGTD khác:

Bảng 3.9. Sàng lọc các chỉ tiêu (*) ĐGTD về giới

CÂU HỎI XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU	CÓ	KHÔNG
Câu hỏi 1. Trong lĩnh vực/các quan hệ xã hội thuộc phạm vi tác động của chính sách có vấn đề giới (có sự phân biệt đối xử giới, bất BDG không ? Nếu có:		
Nguyên nhân của vấn đề giới trong lĩnh vực/quan hệ xã hội	☐	☐

⁽¹²³⁾ Chẳng hạn, thành phố Hà Nội đang xem xét ban hành chính sách hạn chế sử dụng xe máy trong tương lai với hai giải pháp, hoặc cấm hẳn hoặc hạn chế sử dụng tại các địa điểm và thời gian nhất định. Nếu Sở giao thông Vận tải được giao chuẩn bị và đề xuất giải pháp chính sách và tiến hành ĐGTD xã hội thì Sở này chắc chắn đủ năng lực ĐGTD đối với các chỉ tiêu trong lĩnh vực “Đi lại”; tuy nhiên, rất có thể các cán bộ thực hiện nhiệm vụ sẽ gặp khó khăn khi rà soát các chỉ tiêu về “Việc làm” hay “Y tế” và “Sức khỏe”. Do đó, trong trường hợp như vậy, việc yêu cầu hỗ trợ và tham khảo ý kiến của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (đối với các tác động về “Việc làm”), và Sở Y tế (đối với các tác động về “Y tế” và “Sức khỏe”) là cần thiết.

thuộc phạm vi tác động của chính sách là gì?		
Câu hỏi 2. Chính sách và từng giải pháp tác động đến vấn đề giới, giải quyết vấn đề giới như thế nào?		
2.1. Có bảo đảm BDG về pháp lý không?	☐	☐
2.2. Có làm phát sinh vấn đề giới mới không?	☐	☐
2.3. Có khắc phục được các nguyên nhân gây bất BDG đã tồn tại trước đó không?	☐	☐
2.4. Đã có hoặc có cần ban hành biện pháp thúc đẩy BDG hay biện pháp bảo vệ, hỗ trợ người mẹ không?	☐	☐
Câu hỏi 3. Chính sách và giải pháp chính sách có tác động đến chỉ tiêu nào dưới đây đối với mỗi giới?		
3.1. Các chỉ tiêu về kinh tế: Có tác động khác biệt đối với mỗi giới về cơ hội, điều kiện, phát huy hay hạn chế năng lực của mỗi giới để thực hiện quyền, nghĩa vụ và thụ hưởng các kết quả (lợi ích) mà chính sách mang lại cho mỗi giới không?	☐	☐
3.2. Các chỉ tiêu về xã hội: có tác động khác biệt đối với mỗi giới về cơ hội, điều kiện, phát huy hay hạn chế năng lực của mỗi giới để thực hiện quyền, nghĩa vụ và thụ hưởng các kết quả (lợi ích) mà chính sách mang lại cho mỗi giới không?	☐	☐
Câu hỏi 4. Giải pháp chính sách được lựa chọn có đảm bảo BDG có tối ưu hơn so với các giải pháp khác của chính sách không? (trên cơ sở so sánh các giải pháp)	☐	☐
Câu hỏi 5. Điều kiện bảo đảm giải quyết vấn đề giới là gì?		
5.1. Về pháp luật ? có cần ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL hiện hành nào để giải quyết đồng bộ vấn đề giới cùng với chính sách đã LGVĐBDG không?	☐	☐

5.2. Các điều kiện về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực để đảm bảo thi hành chính sách có LGVĐBĐG là gì ⁽¹²⁴⁾ ?	☐	☐
5.3. Các điều kiện về tài chính (từ Nhà nước, tổ chức, người dân) để đảm bảo thi hành chính sách có LGVĐBĐG là gì ⁽¹²⁵⁾ ?	☐	☐
5.4. Các điều kiện khác (cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, CNTT, truyền thông...)?	☐	☐

(*) Lưu ý: các chỉ tiêu chỉ mang tính gợi ý

e. Hệ thống pháp luật

Bảng 3.10 dưới đây sẽ giúp cho việc lựa chọn và xác định các chỉ tiêu ĐGTD đối với HTPL, bao gồm (i) phù hợp với tổ chức bộ máy nhà nước; (ii) bảo đảm các điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức và cá nhân; (iii) bảo đảm các quyền và nghĩa vụ cơ bản theo Hiến pháp, (iv) phù hợp với VBQPPL có giá trị cao hơn, (v) đồng bộ, thống nhất đối với VBQPPL cùng cơ quan ban hành, và (vi) phù hợp với ĐUQT.

Bảng 3.10. Các chỉ tiêu được lựa chọn và thông tin cần thu thập trong ĐGTD HTPL

Chỉ tiêu đánh giá được lựa chọn	Thông tin cần thu thập
Tổ chức quyền lực nhà nước	Hiến pháp 2013
	Luật A
Tổ chức hệ thống cơ quan dân cử (Quốc hội, HĐND)	Hiến pháp 2013
	Luật A

⁽¹²⁴⁾ Ví dụ như phân công trách nhiệm cho các cơ quan có liên quan, hình thành tổ chức mới, điều kiện, tiêu chuẩn, chính sách đối với cán bộ thực thi chính sách, biện pháp giải quyết vấn đề giới.

⁽¹²⁵⁾ Ví dụ như phân công trách nhiệm cho các cơ quan có liên quan, hình thành tổ chức mới, điều kiện, tiêu chuẩn, chính sách đối với cán bộ thực thi chính sách, biện pháp giải quyết vấn đề giới.

Tổ chức hệ thống cơ quan tư pháp	Hiến pháp 2013
	Luật A
Phù hợp với tổ chức bộ máy nhà nước	Hiến pháp 2013
	Luật A
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ kinh tế	Thông qua việc tính toán các chi phí/ lợi ích của từng nhóm đối tượng chịu sự tác động nhằm thi hành chính sách mới (bao gồm: các phương án về tài chính, lao động...). Việc đánh giá khả năng này sẽ được thực hiện thông qua ĐGTD kinh tế.
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ xã hội	Đánh giá khả năng thi hành, tuân thủ của từng đối tượng từ những vấn đề xã hội như trình độ dân trí, việc làm, sức khỏe ... của từng nhóm đối tượng chịu sự tác động và khả năng đáp ứng của hệ thống cơ sở hạ tầng (bao gồm: giao thông, y tế, bảo hiểm, cấp và thoát nước, tiếp cận điện năng, y tế...) cho từng đối tượng. Việc đánh giá khả năng này sẽ được thực hiện thông qua ĐGTD xã hội;
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân từ việc áp dụng TTHC	Từ góc độ TTHC, đánh giá tổ chức, cá nhân có thể thực hiện TTHC mới (nếu có) trên cơ sở khả năng có thể thực hiện được TTHC của tổ chức, cá nhân (như trình tự, cách thức, hồ sơ, đối tượng thực hiện TTHC...) và khả năng đáp ứng của CQNN đối với việc tổ chức việc bảo đảm thực hiện TTHC mới (như khả năng phối hợp để thực hiện TTHC liên thông giữa các cơ quan hành chính, thực hiện lấy ý kiến trong quy trình

	thẩm định, thẩm tra của TTHC...). Việc đánh giá khả năng này sẽ được thực hiện thông qua ĐGTD về TTHC
Quyền và nghĩa vụ cơ bản a, b, c	Hiến pháp 2013
Phù hợp với VBQPPL có hiệu lực cao hơn	Luật A
	Pháp lệnh B, Nghị định C
Phù hợp với chính sách, nghị quyết của Quốc hội (đối với chính sách của cơ quan Trung ương) hoặc với HĐND cùng cấp hoặc cao hơn (đối với chính sách của địa phương)	Nghị quyết A (Quốc hội)
	Nghị quyết B (Chính phủ), Nghị quyết C (HĐND cấp tỉnh đối với chính sách do địa phương ban hành)
Thống nhất, đồng bộ với chính sách, VBQPPL do cùng cơ quan ban hành	Luật A
	Pháp lệnh B, Nghị định C
Khả năng áp dụng trực tiếp ĐUQT hoặc tương thích, phù hợp với ĐUQT	Điều ước quốc tế A
	Điều ước quốc tế B

Bảng 3.11 - Nhận diện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013 dưới đây sẽ giúp đơn vị đánh giá xác định được quyền và nghĩa vụ được quy định trong Hiến pháp hiện nay.

**Bảng 3.11. Nhận diện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo
Hiến pháp 2013**

TT	Nội dung quyền và nghĩa vụ	TT	Nội dung quyền và nghĩa vụ
1.	Bình đẳng giới ☐	2.	Bình đẳng trước pháp luật ☐
3.	Tự do kinh doanh ☐	4.	Tự do ngôn luận ☐
5.	Tự do tín ngưỡng ☐	6.	Tự do báo chí ☐
7.	Tự do tôn giáo ☐	8.	Quyền tiếp cận thông tin ☐
9	Quyền lập hội ☐	10.	Quyền bào chữa ☐
11.	Quyền biểu tình ☐	12.	Quyền không bị trục xuất ☐
13.	Quyền có quốc tịch Việt Nam ☐	14.	Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm ☐
15.	Quyền được Nhà nước CHXHCN Việt Nam bảo hộ khi sống ở nước ngoài ☐	16.	Không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm ☐
17.	Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang ☐	18.	Quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật ☐
19.	Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình ☐	20.	Quyền có nơi ở hợp pháp ☐
21.	Quyền sống ☐	22.	Quyền bầu cử ☐

TT	Nội dung quyền và nghĩa vụ		TT	Nội dung quyền và nghĩa vụ	
23.	Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở	☐	24.	Quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân	☐
25.	Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với CQNN về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước	☐	26.	Quyền tố cáo	☐
27.	Quyền khiếu nại	☐	28.	Quyền sở hữu tư nhân	☐
29.	Quyền thừa kế	☐	30.	Quyền được bảo đảm an sinh xã hội	☐
31.	Quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc	☐	32.	Quyền được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi	☐
33.	Quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác	☐	34.	Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục	☐
35.	Quyền kết hôn, ly hôn	☐	36.	Trẻ em không bị xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em	☐
37.	Trẻ em được tham gia vào các vấn đề về trẻ em	☐	38.	Quyền và nghĩa vụ học tập	☐

TT	Nội dung quyền và nghĩa vụ		TT	Nội dung quyền và nghĩa vụ	
39.	Quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế	☐	40.	Quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa	☐
41.	Quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó	☐	42.	Quyền xác định dân tộc	☐
43.	Quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường	☐	44.	Quyền lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp	☐
45.	Quyền sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ	☐	46.	Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc	☐
47.	Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân	☐	48.	Nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân	☐
49.	Nghĩa vụ nộp thuế theo luật định	☐	50.	Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam được bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng theo pháp luật Việt Nam	☐

II. BƯỚC 2. THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Thu thập thông tin định tính và định lượng

a. Kinh tế

Điền thông tin vào cột chỉ tiêu đánh giá được lựa chọn và các thông tin cần thu thập từ Bảng 3.3 – Sàng lọc các chỉ tiêu ĐGTĐ kinh tế vào Bảng 3.12 dưới đây và tiến hành thu thập thông tin. Trong Bảng 3.12, cột “Thông tin cụ thể cần thu thập” gồm các đầu mục tin cần thu thập để tính toán hoặc làm rõ chỉ

tiêu tương ứng, chẳng hạn: các chỉ tiêu liên quan đến “tỷ lệ”, “tỷ trọng” sẽ cần thực hiện phép chia của một giá trị đại lượng thành phần cho giá trị tổng. Khi đó, thông tin cần thu thập là giá trị đại lượng thành phần và giá trị tổng đó. Cột kế tiếp là đơn vị của thông tin thu thập (nếu thông tin là định lượng). Hai cột tiếp theo thể hiện chi tiết giá trị (trong trường hợp thông tin là định lượng) hoặc chi tiết thông tin (nếu thông tin là định tính). Cột “Phương pháp thu thập thông tin/nguồn thông tin” thể hiện cách thức mà Đơn vị đánh giá tiếp cận dữ liệu và nơi lấy dữ liệu.

Bảng 3.12. Tổng hợp các chỉ tiêu được lựa chọn và thông tin ĐGTD kinh tế

CHỈ TIÊU ĐƯỢC LỰA CHỌN	THÔNG TIN CỤ THỂ CẦN THU THẬP	DỮ LIỆU/ THÔNG TIN			PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN/ NGUỒN THÔNG TIN
		Định lượng		Định tính	
		Đơn vị	Số lượng/giá trị		
KHU VỰC NHÀ NƯỚC					
Chỉ tiêu 1:....					
Chỉ tiêu 2:.....					
NGƯỜI DÂN					
Chỉ tiêu 3:.....					
Chỉ tiêu 4:.....					
TỔ CHỨC					
Chỉ tiêu 5:.....					
Chỉ tiêu 6:.....					

CHỈ TIÊU ĐƯỢC LỰA CHỌN	THÔNG TIN CỤ THỂ CẦN THU THẬP	DỮ LIỆU/ THÔNG TIN			PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN/ NGUỒN THÔNG TIN
		Định lượng		Định tính	
		Đơn vị	Số lượng/giá trị		
ĐỐI TƯỢNG KHÁC					
Chỉ tiêu 7:.....					
Chỉ tiêu 8:.....					

b. Thủ tục Hành chính

Điền thông tin vào cột chỉ tiêu đánh giá được lựa chọn và các thông tin cần thu thập từ các Bảng 3.4 - Đánh giá sự cần thiết của TTHC, Bảng 3.5 - Đánh giá tính hợp pháp của TTHC, Bảng 3.6 - Đánh giá tính hợp lý của TTHC và Bảng 3.7 - Sàng lọc các chỉ tiêu chi phí/lợi ích trong ĐGTD về TTHC vào Bảng 3.13 dưới đây:

Bảng 3.13. Tổng hợp các chỉ tiêu được lựa chọn và thông tin ĐGTD TTHC

Các chỉ tiêu được lựa chọn để ĐGTD TTHC	Thông tin cụ thể cần thu thập để đánh giá chỉ tiêu	DỮ LIỆU/ THÔNG TIN (Định tính)	Phương pháp thu thập thông tin/ Nguồn thông tin
Sự cần thiết			
Chỉ tiêu 1:....			
Chỉ tiêu 2:.....			
.....			
Tính hợp pháp			

Các chỉ tiêu được lựa chọn để ĐGTD TTHC	Thông tin cụ thể cần thu thập để đánh giá chỉ tiêu	DỮ LIỆU/ THÔNG TIN (Định tính)	Phương pháp thu thập thông tin/ Nguồn thông tin
Chỉ tiêu 1:....			
Chỉ tiêu 2:.....			
.....			
Tính hợp lý			
Chỉ tiêu 1:....			
Chỉ tiêu 2:.....			
.....			

Bảng 3.14. Tổng hợp các chỉ tiêu đánh giá định lượng theo nhóm đối tượng trong ĐGTD TTHC

CHỈ TIÊU ĐƯỢC LỰA CHỌN	THÔNG TIN CỤ THỂ CẦN THU THẬP	DỮ LIỆU/ THÔNG TIN <i>(định lượng)</i>		PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN/ NGUỒN THÔNG TIN
		<i>Đơn vị</i>	<i>Số lượng/ giá trị</i>	
KHU VỰC NHÀ NƯỚC				
Chỉ tiêu 1: Tổng chi phí tuân thủ TTHC				
Chỉ tiêu 2: Biên chế, lao động				
NGƯỜI DÂN				
Chỉ tiêu 1: Tổng chi phí tuân thủ TTHC				
TỔ CHỨC				

CHỈ TIÊU ĐƯỢC LỰA CHỌN	THÔNG TIN CỤ THỂ CẦN THU THẬP	DỮ LIỆU/ THÔNG TIN (định lượng)		PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN/ NGUỒN THÔNG TIN
		Đơn vị	Số lượng/ giá trị	
Chỉ tiêu 1: Tổng chi phí tuân thủ TTHC				
Chỉ tiêu 2: Biên chế, lao động				
ĐỐI TƯỢNG KHÁC				
Chỉ tiêu 1: Tổng chi phí tuân thủ TTHC				
Chỉ tiêu 2: Biên chế, lao động				

c. Xã hội

Điền thông tin vào cột chỉ tiêu đánh giá được lựa chọn và các thông tin cần thu thập từ Bảng 3.8 – Sàng lọc các chỉ tiêu trong ĐGTD xã hội vào Bảng 3.15 dưới đây và tiến hành thu thập thông tin theo mẫu sau:

Bảng 3.15. Tổng hợp các chỉ tiêu được lựa chọn và thông tin ĐGTD xã hội

CHỈ TIÊU ĐƯỢC LỰA CHỌN	THÔNG TIN CỤ THỂ CẦN THU THẬP	DỮ LIỆU/ THÔNG TIN			PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN/ NGUỒN THÔNG TIN
		Định lượng		Định tính	
		Đơn vị	Số lượng /giá trị		
KHU VỰC NHÀ NƯỚC					
Lĩnh vực (...)					
Chỉ tiêu 1					

CHỈ TIÊU ĐƯỢC LỰA CHỌN	THÔNG TIN CỤ THỂ CẦN THU THẬP	DỮ LIỆU/ THÔNG TIN			PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN/ NGUỒN THÔNG TIN
		Định lượng		Định tính	
		Đơn vị	Số lượng /giá trị		
Chỉ tiêu 2					
NGƯỜI DÂN					
Lĩnh vực 1 (...)					
Chỉ tiêu 1					
Chỉ tiêu 2					
Lĩnh vực 2 (...)					
Chỉ tiêu 1:.....					
Chỉ tiêu 2:					
Lĩnh vực 3 (...)					
Chỉ tiêu 1 (...)					
Chỉ tiêu 2 (...)					
TỔ CHỨC					
Lĩnh vực (...)					
Chỉ tiêu 1 (...)					
Chỉ tiêu 2 (...)					
ĐỐI TƯỢNG KHÁC					
Lĩnh vực (...)					
Chỉ tiêu 1 (...)					

d. Giới

Như đã nêu ở trên, các thông tin định tính và định lượng để tiến hành phân tích về BDG đã được lồng ghép trong các chỉ tiêu và loại thông tin cần được thu thập tại các bảng thu thập thông tin nhằm ĐGTD kinh tế và xã hội ở trên.

e. Hệ thống pháp luật

Như đã nêu ở trên, việc ĐGTD đối với HTPL sẽ tập trung vào việc đánh giá khả năng thi hành, tuân thủ của từng đối tượng từ góc độ ảnh hưởng, tác động của dự thảo chính sách đối với việc thúc đẩy hay cản trở thi hành, tuân thủ hiệu quả đối với hệ thống chính sách, pháp luật hiện hành. Do vậy, việc thu thập thông tin, dữ liệu đánh giá chỉ tập trung vào các văn bản có chứa các quy định pháp luật liên quan đến dự thảo chính sách.

Bảng 3.16. Tổng hợp các chỉ tiêu được lựa chọn và thông tin ĐGTD đối với HTPL

Chỉ tiêu đánh giá đã được lựa chọn	Thông tin cụ thể cần thu thập	DỮ LIỆU/ THÔNG TIN (<i>định tính</i>)	NGUỒN THÔNG TIN/ DỮ LIỆU
Tổ chức quyền lực nhà nước	Hiến pháp 2013	Hiến pháp 2013	
	Luật A	Luật A	
Tổ chức hệ thống cơ quan dân cử (Quốc hội, HĐND)	Hiến pháp 2013	Hiến pháp 2013	
	Luật A	Luật A	
Tổ chức hệ thống cơ quan tư pháp	Hiến pháp 2013	Hiến pháp 2013	
	Luật A	Luật A	
Phù hợp với tổ chức bộ máy nhà nước	Hiến pháp 2013	Hiến pháp 2013	
	Luật A	Luật A	
Bảo đảm điều	Thông qua việc tính toán		

kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ kinh tế	các chi phí/ lợi ích của từng nhóm đối tượng chịu sự tác động nhằm thi hành chính sách mới (bao gồm: các phương án về tài chính, lao động...). Việc đánh giá khả năng này sẽ được thực hiện thông qua ĐGTD kinh tế.		
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ xã hội	Đánh giá khả năng thi hành, tuân thủ của từng đối tượng từ những vấn đề xã hội như trình độ dân trí, việc làm, sức khoẻ ... của từng nhóm đối tượng chịu sự tác động và khả năng đáp ứng của hệ thống cơ sở hạ tầng (bao gồm: giao thông, y tế, bảo hiểm, cấp và thoát nước, tiếp cận điện năng, y tế...) cho từng đối tượng. Việc đánh giá khả năng này sẽ được thực hiện thông qua ĐGTD xã hội;		
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ	Từ góc độ TTHC, đánh giá tổ chức, cá nhân có thể thực hiện TTHC mới (nếu có) trên cơ sở khả năng có		

quan, tổ chức, cá nhân từ việc áp dụng TTHC	thể thực hiện được TTHC của tổ chức, cá nhân (như trình tự, cách thức, hồ sơ, đối tượng thực hiện TTHC...) và khả năng đáp ứng của CQNN đối với việc tổ chức việc bảo đảm thực hiện TTHC mới (như khả năng phối hợp để thực hiện TTHC liên thông giữa các cơ quan hành chính, thực hiện lấy ý kiến trong quy trình thẩm định, thẩm tra của TTHC...). Việc đánh giá khả năng này sẽ được thực hiện thông qua ĐGTD về TTHC		
Quyền và nghĩa vụ cơ bản a, b, c	Hiến pháp 2013	Hiến pháp 2013	Các nguồn cung cấp VBQPPL.
Phù hợp với VBQPPL có hiệu lực cùng cấp hoặc cao hơn	Luật A	Luật A cùng lĩnh vực với dự thảo chính sách Luật AA không cùng lĩnh vực	
	Pháp lệnh B, Nghị định C		
Phù hợp với chính sách, nghị quyết của Quốc hội (đối với chính sách của cơ quan	Nghị quyết A (Quốc hội)	nhưng một số quy định lại liên quan đến lĩnh vực của dự thảo chính	
	Nghị quyết B (Chính phủ), Nghị quyết C (HĐND cấp tỉnh đối với chính sách do địa phương		

Trung ương) hoặc với HĐND cùng cấp hoặc cao hơn (đối với chính sách của địa phương).	ban hành)	sách Pháp lệnh B hoặc Nghị định C cùng lĩnh vực với dự thảo chính sách Pháp lệnh BB	
Thống nhất, đồng bộ với chính sách, VBQPPL do cùng cơ quan ban hành	Luật A Pháp lệnh B, Nghị định C	hoặc Nghị định CC không cùng lĩnh vực nhưng một số quy định lại liên quan đến lĩnh vực của dự thảo chính sách	
Khả năng áp dụng trực tiếp ĐUQT hoặc tương thích, phù hợp với ĐUQT	Điều ước quốc tế A	Điều ước quốc tế A cùng lĩnh vực	Các nguồn cung cấp ĐUQT của Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương, Bộ Tư pháp hoặc các nguồn khác. Có thể thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan đầu mối theo dõi việc thực thi ĐUQT có liên quan cho ý kiến đối với dự thảo chính sách.
	Điều ước quốc tế B	Điều ước quốc tế B không cùng lĩnh vực nhưng một số quy định lại liên quan đến lĩnh vực của dự thảo chính sách	

2. Đánh giá, phân tích các tác động

Trong bước này, đơn vị đánh giá sẽ sử dụng các thông tin đã thu thập được để tính toán, phân tích chi tiết các chỉ tiêu đã chọn. Thông thường, nhà hoạch định chính sách có thể đưa ra nhiều giải pháp chính sách khác nhau. Do đó việc phân tích cũng sẽ ước tính các ảnh hưởng theo từng giải pháp chính sách.

a. Kinh tế

Trong phân tích tác động về kinh tế, kết quả phân tích các chỉ tiêu trong từng giải pháp chính sách sẽ được phân chia theo các nhóm đối tượng ảnh hưởng. Phân tích kết quả tác động mỗi nhóm đối tượng sẽ làm rõ lợi ích và chi phí liên quan.

Bảng 3.17 là tổng hợp các phân tích với thông tin và dữ liệu đã thu thập theo các nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng. Các phân tích gồm có các kết quả dưới dạng thông tin định lượng và định tính.

Bảng 3.17. Tổng hợp kết quả chính của phân tích tác động kinh tế

Phân tích tác động của giải pháp	Loại thông tin	Nhà nước		Người dân		Tổ chức		Đối tượng khác		Xếp hạng giải pháp CS (Tốt, Trung bình, Yếu)
		Lợi ích/tác động tích cực	Chi phí/Tác động tiêu cực	Lợi ích/tác động tích cực	Chi phí/Tác động tiêu cực	Lợi ích/tác động tích cực	Chi phí/Tác động tiêu cực	Lợi ích/tác động tích cực	Chi phí/Tác động tiêu cực	
Giải pháp chính sách 1	Định lượng									
	Định tính									
Giải pháp	Định									

chính sách 2	lượng									
	Định tính									
Giải pháp chính sách ...	Định lượng									
	Định tính									

Sau khi ghi các phân tích vào trong Bảng, Đơn vị đánh giá sẽ cân nhắc mức độ lợi ích/ tác động tích cực, chi phí/ tác động tiêu cực của từng giải pháp chính sách để lựa chọn giải pháp nào là tốt nhất về mặt kinh tế. Giải pháp nào tốt nhất sẽ được xếp hạng TỐT, các giải pháp tiếp theo được xếp hạng TRUNG BÌNH hoặc YẾU. Trong trường hợp có nhiều giải pháp, Đơn vị đánh giá có thể xếp hạng theo thang điểm.

b. Thủ tục Hành chính

Trong phân tích tác động về TTHC, kết quả phân tích các chỉ tiêu trong từng giải pháp chính sách cũng sẽ được phân chia theo các nhóm đối tượng ảnh hưởng là: Nhà nước, người dân, tổ chức và đối tượng khác.

Bảng 3.18 dưới đây tổng hợp các phân tích với thông tin và dữ liệu đã thu thập theo các nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng. Đơn vị đánh giá sẽ ghi các kết quả phân tích (định lượng hoặc định tính) vào Bảng 3.18 và tiếp đó cân nhắc mức độ lợi ích, chi phí để xếp hạng giải pháp chính sách nào là tốt nhất về phương án TTHC. Giải pháp nào tốt nhất sẽ được xếp hạng TỐT, các giải pháp tiếp theo được xếp hạng TRUNG BÌNH hoặc YẾU. Trong trường hợp có nhiều giải pháp, Đơn vị đánh giá có thể xếp hạng theo thang điểm. Lưu ý, cách xếp hạng của các loại ĐGTD nên tương ứng nhau để dễ dàng trong việc tổng hợp kết quả.

Bảng 3.18. Tổng hợp kết quả chính của phân tích tác động TTHC

Phân tích tác động của giải pháp	Loại thông tin	Nhà nước		Người dân		Tổ chức		Đối tượng khác		Xếp hạng giải pháp CS (Tốt, Trung bình, Yếu)
		Lợi ích/tác động tích cực	Chi phí/Tác động tiêu cực	Lợi ích/tác động tích cực	Chi phí/Tác động tiêu cực	Lợi ích/tác động tích cực	Chi phí/Tác động tiêu cực	Lợi ích/tác động tích cực	Chi phí/Tác động tiêu cực	
Phương án TTHC 1	Định lượng									
	Định tính									
Phương án TTHC 2	Định lượng									
	Định tính									
Phương án TTHC ...	Định lượng									
	Định tính									

c. Xã hội

Kết quả phân tích thông tin từ ĐGTD xã hội đối với mỗi chỉ tiêu sẽ được phản ánh trong Bảng 3.19 dưới đây. Tương tự như hai ĐGTD trên, Đơn vị đánh giá sẽ ghi các kết quả phân tích (định lượng hoặc định tính) vào Bảng 3.19 và tiếp đó cân nhắc mức độ tích cực, tiêu cực để xếp hạng giải pháp chính sách nào là tốt nhất về tác động xã hội. Giải pháp nào tốt nhất sẽ được xếp hạng

TỐT, các giải pháp tiếp theo được xếp hạng TRUNG BÌNH hoặc YẾU. Trong trường hợp có nhiều giải pháp, Đơn vị đánh giá có thể xếp hạng theo thang điểm. Lưu ý, cách xếp hạng của các loại ĐGTD nên tương ứng nhau để dễ dàng trong việc tổng hợp kết quả.

Bảng 3.19. Tổng hợp kết quả chính của phân tích tác động xã hội

Phân tích tác động của giải pháp	Loại thông tin	Nhà nước		Người dân		Tổ chức		Đối tượng khác		Xếp hạng giải pháp CS (Tốt, Trung bình, Yếu)
		Tác động tích cực	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực	Chi phí/ Tác động tiêu cực	
Giải pháp chính sách 1	Định lượng									
	Định tính									
Giải pháp chính sách 2	Định lượng									
	Định tính									
Giải pháp chính sách ...	Định lượng									
	Định tính									

Đề ĐGTD có chiều sâu hơn đối với Nhóm Người dân, tùy thuộc vào từng nội dung dự thảo chính sách, Đơn vị đánh giá phân loại Nhóm Người dân chi tiết theo: (i) nhóm thu nhập; (ii) giới; và (iii) vùng miền, như ở dưới đây:

Bảng 3.20. Tổng hợp kết quả chính của phân tích tác động xã hội theo nhóm thu nhập (nếu có)

Nhóm giàu		Nhóm khá		Nhóm trung bình		Nhóm cận nghèo		Nhóm nghèo		Nhóm yếu thế và người có công	
Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực
Đánh giá ĐL và ĐT (bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)		Đánh giá ĐL và ĐT (bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)		Đánh giá ĐL và ĐT (bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)		Đánh giá ĐL và ĐT (bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)		Đánh giá ĐL và ĐT(bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)		Đánh giá ĐL và ĐT(bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)	
Tổng hợp tác động là Tích cực hoặc Tiêu cực và đề xuất giải pháp hiện thực hoá tác động tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực.											

Bảng 3.21. Tổng hợp kết quả phân tích tác động xã hội theo vùng miền (nếu có)

Thành thị		Nông thôn (đồng bằng)		Miền núi	
Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực
Đánh giá ĐL và ĐT (bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)		Đánh giá ĐL và ĐT (bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)		Đánh giá ĐL và ĐT (bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)	
Tổng hợp tác động là Tích cực hoặc Tiêu cực và đề xuất giải pháp hiện thực hoá tác động tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực.					

**Bảng 3.22. Tổng hợp kết quả phân tích tác động xã hội theo nam/ nữ
(nếu có)**

Nhóm nam giới		Nhóm nữ giới	
Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực
Đánh giá DL và ĐT (bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)	Đánh giá DL và ĐT (bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)	Đánh giá DL và ĐT (bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)	Đánh giá DL và ĐT (bao nhiêu, thế nào và tại sao ?)
Xếp hạng giải pháp (Tốt, Trung bình, Yếu) và đề xuất giải pháp hiện thực hoá tác động tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực.			

Cần lưu ý trong ĐGTD xã hội, phương pháp định tính có xu hướng được áp dụng phổ biến hơn định lượng. Nhưng nếu các vấn đề có số liệu có thể giúp ích cho phân tích định lượng thì thực hiện phân tích định lượng để dễ minh họa cho vấn đề được đánh giá.

d. Giới

Vấn đề về giới được lồng ghép với các nội dung kinh tế và xã hội. Do đó, ĐGTD về giới cũng được xem xét từ góc độ kinh tế và xã hội. Tác động giới của mỗi giải pháp chính sách được phân tích cả định tính và định lượng ở góc độ kinh tế và góc độ xã hội (chi phí/ lợi ích, tác động tích cực/ tác động tiêu cực). Đơn vị đánh giá sau đó sẽ cân nhắc giải pháp chính sách nào phù hợp để xếp hạng. Giải pháp phù hợp nhất được xếp hạng 1, các giải pháp tiếp theo được đánh số tăng dần tương ứng với mức độ phù hợp giảm dần.

Bảng 3.23. Tổng hợp kết quả chính của phân tích tác động về giới

Phân tích tác động của giải pháp	Loại thông tin	Góc độ kinh tế		Góc độ Xã hội		Xếp hạng giải pháp chính sách (Tốt, Trung bình, Yếu)
		Lợi ích	Chi phí	Tích cực	Tiêu cực	
Giải pháp chính sách 1	Định lượng					
	Định tính					
Giải pháp chính sách 2	Định lượng					
	Định tính					
Giải pháp chính sách ...	Định lượng					
	Định tính					

e. Hệ thống pháp luật

Việc phân tích ĐGTD đối với HTPL sẽ được thực hiện bao gồm: (i) ĐGTD tới bộ máy nhà nước; (ii) các điều kiện bảo đảm thi hành; (iii) quyền cơ bản của công dân; (iv) phù hợp HTPL; (v) tương thích với các ĐUQT. Việc đánh giá trước hết là mô tả tác động tích cực, tiêu cực của từng chỉ tiêu đối với từng giải pháp chính sách. Giải pháp nào có nhiều tích cực thì sẽ được xếp hạng TỐT, các giải pháp tiếp theo được xếp hạng TRUNG BÌNH hoặc YẾU. Trong trường hợp có nhiều giải pháp, Đơn vị đánh giá có thể xếp hạng theo thang điểm. Việc ĐGTD được thực hiện như sau:

e.1. Tác động tới tổ chức bộ máy nhà nước

ĐGTD của dự thảo chính sách đối với tổ chức bộ máy nhà nước được thực hiện theo Bảng 3.24 dưới đây:

Bảng 3.24. Mô tả tác động vào tổ chức bộ máy nhà nước

Tích cực: *Phù hợp và bảo đảm cơ cấu tổ chức, tính hệ thống của bộ máy nhà nước hiện tại*

Tiêu cực: *Trái, không phù hợp cơ cấu tổ chức, tính hệ thống của bộ máy nhà nước hiện tại*

CHÍNH SÁCH A		
Giải pháp chính sách 1 Giữ nguyên hiện trạng	Mô tả tác động	
	Tích cực	Tiêu cực
Tổ chức quyền lực nhà nước		
Tổ chức hệ thống cơ quan dân cử (QH, HĐND)		
Tổ chức hệ thống cơ quan tư pháp		
Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước		
Giải pháp chính sách 2	Mô tả tác động	

	Tích cực	Tiêu cực
Tổ chức quyền lực nhà nước		
Tổ chức hệ thống cơ quan dân cử (QH, HĐND)		
Tổ chức hệ thống cơ quan tư pháp		
Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước		
Giải pháp chính sách 3	Mô tả tác động	
	Tích cực	Tiêu cực
Tổ chức quyền lực nhà nước		
Tổ chức hệ thống cơ quan dân cử (QH, HĐND)		
Tổ chức hệ thống cơ quan tư pháp		
Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước		
Tổng hợp tác động là Tích cực hoặc Tiêu cực và đề xuất giải pháp hiện thực hoá tác động tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực.		

e.2. Tác động tới các điều kiện bảo đảm thi hành

Sau khi đã phân tích các tác động kinh tế, xã hội, TTHC, đơn vị đánh giá tổng hợp về các điều kiện bảo đảm thi hành và tuân thủ các quy định pháp luật... của từng nhóm đối tượng theo từng chỉ tiêu được lựa chọn. Để đánh giá được các điều kiện bảo đảm thi hành cần phải xem xét các phân tích tác động về kinh tế, xã hội, TTHC (nếu có) để có được các thông tin đầy đủ và toàn diện. Các chỉ tiêu cần phải được mô tả tác động “Tích cực” và “Tiêu cực” theo Bảng 3.25 dưới đây:

Bảng 3.25. Mô tả tác động vào các điều kiện bảo đảm thi hành

Tích cực: hiệu quả về kinh tế, lợi ích cho nhiều nhóm xã hội; dễ thực hiện TTHC

Tiêu cực: không hiệu quả về kinh tế, tác động xấu cho nhiều nhóm xã hội; khó thực hiện TTHC

CHÍNH SÁCH A		
Giải pháp chính sách 1 Giữ nguyên hiện trạng	Mô tả tác động	
	Tích cực	Tiêu cực
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ kinh tế		
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ xã hội		
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân từ việc áp dụng TTHC		
Giải pháp chính sách 2	Mô tả tác động	
	Tích cực	Tiêu cực
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ kinh tế		
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ xã hội		
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân từ việc áp dụng TTHC		
Giải pháp chính sách 3	Mô tả tác động	
	Tích cực	Tiêu cực
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ kinh tế		

Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ xã hội		
Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân từ việc áp dụng TTHC		
Tổng hợp tác động là Tích cực hoặc Tiêu cực và đề xuất giải pháp hiện thực hoá tác động tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực.		

e.3. Tác động tới quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp

Sau khi đã rà soát khả năng tác động của dự thảo chính sách đối với quyền và nghĩa vụ cơ bản, đơn vị đánh giá mô tả tác động “Tích cực” và “Tiêu cực” theo Bảng 3.26 dưới đây:

Bảng 3.26. Bảng mô tả tác động vào quyền và nghĩa vụ cơ bản

***Tích cực:** Phù hợp và bảo đảm quyền và nghĩa vụ cơ bản*

***Tiêu cực:** Trái, không phù hợp và không bảo đảm quyền và nghĩa vụ cơ bản*

CHÍNH SÁCH A		
Giải pháp chính sách 1 Giữ nguyên hiện trạng	Mô tả tác động	
	Tích cực	Tiêu cực
Quyền/nghĩa vụ cơ bản 1		
Quyền/nghĩa vụ cơ bản 2		
Quyền/nghĩa vụ cơ bản n		
Giải pháp chính sách 2	Mô tả tác động	
	Tích cực	Tiêu cực
Quyền/nghĩa vụ cơ bản 1		
Quyền/nghĩa vụ cơ bản 2		

Quyền/nghĩa vụ cơ bản n		
Giải pháp chính sách 3	Mô tả tác động	
	Tích cực	Tiêu cực
Quyền/nghĩa vụ cơ bản 1		
Quyền/nghĩa vụ cơ bản 2		
Quyền/nghĩa vụ cơ bản n		
Tổng hợp tác động là Tích cực hoặc Tiêu cực và đề xuất giải pháp hiện thực hoá tác động tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực.		

e.4. Tác động tới các quy định pháp luật¹²⁶

Đơn vị đánh giá có thể mô tả tác động bằng việc xác định tính hợp pháp và tính thống nhất thông qua mô tả tác động “Tích cực” và “Tiêu cực” theo Bảng 3.27 dưới đây:

Bảng 3.27. Xác định tính liên quan tới quy định pháp luật hiện hành

***Tích cực:** Phù hợp, tương thích và thống nhất*

***Tiêu cực:** Trái, không phù hợp, không thống nhất*

CHÍNH SÁCH A	Mô tả tác động			
	Tính hợp pháp		Tính thống nhất	
	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực
Giải pháp chính sách 1: Giữ nguyên hiện trạng				
Luật A, Pháp lệnh B				
Nghị định C, nghị quyết D (<i>chỉ rà soát trong trường hợp soạn thảo nghị định có chính sách mới</i>)				

¹²⁶ Phù hợp với Điều 32 của Luật BHVBQPPL 2015.

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ <i>(chỉ rà soát trong trường hợp soạn thảo quyết định có chính sách mới)</i>				
Thông tư <i>(chỉ rà soát trong trường hợp soạn thảo thông tư có chính sách mới)</i>				
Nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh <i>(chỉ rà soát trong trường hợp soạn thảo nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh)</i>				
Giải pháp chính sách 2:				
Luật A, Pháp lệnh B <i>(chỉ nêu trong trường hợp việc thực hiện dự thảo chính sách đã được quy định tại Luật A, Pháp lệnh B. Trong trường hợp thực hiện mà không cần bảo đảm bằng QPPL thì nêu rõ)</i>				
Nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh <i>(chỉ nêu trong trường hợp việc thực hiện dự thảo chính sách đã được quy định tại nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh. Trong trường hợp thực hiện mà không cần bảo đảm bằng QPPL thì nêu rõ)</i>				
Giải pháp chính sách 3:				
Luật A, Pháp lệnh B				

Nghị định C, nghị quyết D (<i>(chỉ rà soát trong trường hợp soạn thảo nghị định có chính sách mới)</i>)				
Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (<i>(chỉ rà soát trong trường hợp soạn thảo quyết định có chính sách mới)</i>)				
Thông tư (<i>(chỉ rà soát trong trường hợp soạn thảo thông tư có chính sách mới)</i>)				
Nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh (<i>(chỉ rà soát trong trường hợp soạn thảo nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh)</i>)				
Tổng hợp tác động là Tích cực hoặc Tiêu cực và đề xuất giải pháp hiện thực hoá tác động tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực.				

e.5. Tương thích với Điều ước quốc tế⁽¹²⁷⁾

Đơn vị đánh giá có thể mô tả tác động bằng việc xác định “Áp dụng trực tiếp” và “Phù hợp” bằng mô tả tác động “Tích cực” và “Tiêu cực” theo Bảng 3.28 dưới đây:

Bảng 3.28. Xác định khả năng liên quan tới điều ước quốc tế

Tích cực: Chấp nhận sự ràng buộc của ĐUQT hoặc có thể áp dụng trực tiếp một phần hoặc toàn bộ ĐUQT vào HTPL

Tiêu cực: Không tương thích với ĐUQT và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bảo lưu một hoặc một số quy định của ĐUQT

⁽¹²⁷⁾ Luật BHVBQPPL 2015, Điều 32.

CHÍNH SÁCH A	Mô tả tác động			
	Áp dụng trực tiếp		Phù hợp	
	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực
Giải pháp chính sách 1: Giữ nguyên hiện trạng				
Điều ước quốc tế đa phương (nếu có)				
Điều ước quốc tế song phương (nếu có)				
Giải pháp chính sách 2:				
Điều ước quốc tế đa phương (nếu có)				
Điều ước quốc tế song phương (nếu có)				
Giải pháp chính sách 3:				
Điều ước quốc tế đa phương (nếu có)				
Điều ước quốc tế song phương (nếu có)				
Tổng hợp tác động là Tích cực hoặc Tiêu cực và đề xuất giải pháp hiện thực hoá tác động tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực.				

Tổng hợp ĐGTD đối với HTPL

Tương tự như bốn loại ĐGTD trên, Đơn vị đánh giá sẽ ghi các kết quả phân vào Bảng 3.29, và tiếp đó cân nhắc mức độ tích cực, tiêu cực để xếp hạng

giải pháp chính sách nào là tốt nhất về tác động HTPL. Giải pháp nào tốt nhất sẽ được xếp hạng TỐT, các giải pháp tiếp theo được xếp hạng TRUNG BÌNH hoặc YẾU. Trong trường hợp có nhiều giải pháp, Đơn vị đánh giá có thể xếp hạng theo thang điểm.

Bảng 3.29. Tổng hợp phân tích đánh giá tác động HTPL

Giải pháp chính sách 1									
Giải pháp chính sách 2									
Giải pháp chính sách n...									

III. BƯỚC 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN VÀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

1. Tổng hợp, so sánh kết quả đánh giá tác động chính sách và đề xuất giải pháp lựa chọn

Như đã nêu ở Chương 2, các loại ĐGTD sau khi được thực hiện xong thì cần được tổng hợp để có thể so sánh các giải pháp chính sách về các loại tác động. Công tác tổng hợp cần mô tả đầy đủ kết quả ĐGTD của từng loại: kinh tế, xã hội, TTHC, giới và HTPL. Tuy nhiên, một phần kết quả của ĐGTD về kinh tế, xã hội, TTHC, và giới cho từng giải pháp chính sách cũng là một phần của ĐGTD về HTPL như đã nêu ở trên.

Khi thực hiện việc tổng hợp các lĩnh vực ĐGTD, có thể được tổng hợp các giải pháp chính sách vào ma trận so sánh giữa các giải pháp đối với từng loại tác độngtheo phương pháp xếp hạng, như ở Bảng 3.30 dưới đây:

Bảng 3.30. Tổng hợp kết quả chính của phân tích tác động chính sách

Các giải pháp	Xếp hạng về đánh giá tác động					Nhận xét chung
	Kinh tế	TT HC	Xã hội	Gi ới	HTPL	
<i>Giải pháp chính sách 1</i>						<i>Nhận xét chung về giải pháp chính sách 1:...</i>
<i>Giải pháp chính sách 2</i>						<i>Nhận xét chung về giải pháp chính sách 2:...</i>
...						
<i>Giải pháp chính sách n</i>						<i>Nhận xét chung về giải pháp chính sách 3:...</i>

Việc tổng hợp và so sánh cũng có thể được thực hiện theo phương pháp mô tả hoặc kết hợp cả hai phương pháp để giúp cho cơ quan có thẩm quyền quyết định chính sách nắm bắt được nội dung của từng loại tác động đối với mỗi giải pháp chính sách; xem xét và so sánh những giải pháp lựa chọn của đơn vị đánh giá và giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề của cơ quan xây dựng chính sách.

Trên cơ sở tổng hợp kết quả phân tích tác động chính sách, Đơn vị đánh giá sẽ đề xuất lựa chọn giải pháp phù hợp. Đề xuất cũng bao gồm việc giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn giải pháp chính sách.

Lưu ý: Việc xếp hạng các giải pháp chính sách đối với từng loại ĐGTD cần phải được xây dựng hệ thống điểm xếp hạng rõ ràng và có cơ sở luận giải đối với từng thang điểm. Việc xếp hạng phải mang tính khách quan để tránh việc cho điểm sai dẫn đến việc lựa chọn sai giải pháp chính sách.

2. Dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách

Đơn vị đánh giá hoàn thiện dự thảo báo cáo ĐGTĐCS trên cơ sở tham khảo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS. Tại giai đoạn này, báo cáo dự thảo sẽ có các nội dung chính như sau:

- Xác định vấn đề bất cập tổng quan: Mô tả được vấn đề thực tiễn
- Mục tiêu giải quyết vấn đề: Mô tả (các) mục tiêu giải quyết vấn đề
- Phương pháp được lựa chọn để đánh giá tác động
- Đánh giá tác động
 - ✓ Tác động kinh tế
 - ✓ Tác động xã hội
 - ✓ Tác động về TTHC (nếu có)
 - ✓ Tác động về giới
 - ✓ Tác động đối với hệ thống pháp luật
- Tổng hợp, so sánh giữa các giải pháp đối với các tác động về kinh tế, xã hội, TTHC (nếu có) và giới (nếu có) và hệ thống pháp luật
- Phụ lục/bảng biểu

IV. BƯỚC 4. LẤY Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

Ở phần giới thiệu về ĐGTĐ ở Chương 2 đã khái quát về công tác lấy ý kiến trong hoạt động ĐGTĐCS.

V. BƯỚC 5. HOÀN THIỆN BÁO CÁO, TRÌNH CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Đơn vị đánh giá hoàn thiện dự thảo báo cáo ĐGTĐCS trên cơ sở tham khảo Mẫu Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Tại giai đoạn này, báo cáo dự thảo sẽ có các nội dung chính như sau:

- Xác định vấn đề bất cập tổng quan: Mô tả được vấn đề thực tiễn
- Mục tiêu giải quyết vấn đề: Mô tả (các) mục tiêu giải quyết vấn đề

- Phương pháp được lựa chọn để đánh giá tác động
- Đánh giá tác động
 - ✓ Tác động kinh tế
 - ✓ Tác động xã hội
 - ✓ Tác động về TTHC (nếu có)
 - ✓ Tác động về giới (nếu có)
 - ✓ Tác động đối với hệ thống pháp luật
- Tổng hợp, so sánh giữa các giải pháp đối với các tác động về kinh tế, xã hội, TTHC (nếu có), giới (nếu có) và hệ thống pháp luật.
- Kết luận và đề xuất giải pháp được lựa chọn.
- Tổng hợp và giải trình của hoạt động lấy ý kiến
- Phụ lục/ bảng biểu

Lưu ý:

- Báo cáo ĐGTD không nên quá dài quá 30 trang (không tính phần tóm tắt, bảng biểu và phụ lục) trừ trường hợp nội dung chính sách có nhiều đề xuất về giải pháp chính sách.
- Báo cáo cần thể hiện các phân tích và các kết quả liên quan của công tác ĐGTD. Báo cáo có thể sử dụng một số dữ liệu thu thập được trong quá trình thực hiện tổng kết thi hành của chính sách hay VBQPPL mà không nên sao chép lại các nội dung của các tài liệu khác trong Hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL (như tờ trình, báo cáo tổng kết thi hành...).
- Ngôn ngữ sử dụng trong Báo cáo cần đơn giản và rõ ràng phù hợp với những người không hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù mà chính sách dự định điều chỉnh.

CHƯƠNG 4

LẤY Ý KIẾN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Chương 4 sẽ giới thiệu khái quát yêu cầu phải lấy ý kiến trong quá trình ĐGTD theo yêu cầu của pháp luật và nhằm bảo đảm tính khoa học trong quá trình xây dựng chính sách và ĐGTĐCS.

“Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội khi đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có trách nhiệm nghiên cứu, soạn thảo dự thảo báo cáo đánh giá tác động; lấy ý kiến góp ý, phản biện dự thảo báo cáo; tiếp thu, chỉnh lý dự thảo báo cáo” (Điều 35. Luật BHVBOPPL 2015).

Khái niệm và định nghĩa

Để bảo đảm tính khoa học và tăng cường quyền của người dân tham gia ý kiến vào việc dự thảo chính sách và VBQPPL, việc lấy ý kiến góp ý trong quá trình ĐGTĐCS được thực hiện theo hai (02) giai đoạn sau:

- **Giai đoạn 1:** Lấy ý kiến trong quá trình thực hiện ĐGTĐCS;
- **Giai đoạn 2:** Lấy ý kiến góp ý, phản biện dự thảo báo cáo ĐGTĐCS; tiếp thu, chỉnh lý dự thảo báo cáo (theo đúng yêu cầu của Luật BHVBQPPL 2015 và Nghị định 34/2016).

Việc lấy ý kiến của từng giai đoạn được thực hiện khái quát như sau:

Giai đoạn 1: Việc lấy kiến cần được thực hiện theo ba (03) bước:

- Xác định đối tượng, phạm vi, nội dung lấy ý kiến, xây dựng kế hoạch và chuẩn bị việc lấy ý kiến trong từng bước đánh giá;
- Tổ chức lấy ý kiến trong quá trình ĐGTĐCS;
- Xử lý kết quả lấy ý kiến, số liệu thu thập được để thực hiện việc đánh giá, xây dựng dự thảo báo cáo ĐGTĐCS.

Giai đoạn 2: Sau khi đã hoàn thành dự thảo báo cáo ĐGTĐCS, việc lấy ý kiến vào dự thảo sẽ được thực hiện như sau (xem thêm Lưu đồ tổng thể tại Chương 3):

• *Xác định hình thức, phạm vi và đối tượng dự kiến lấy ý kiến vào dự thảo báo cáo ĐGTĐCS:* Đơn vị đánh giá cần xác định hình thức lấy ý kiến là thông qua việc đăng tải công khai dự thảo báo cáo ĐGTĐCS trên trang thông tin điện tử của đơn vị/cơ quan chủ trì đề xuất chính sách trong trường hợp phạm vi đối tượng lấy ý kiến rộng rãi hoặc gửi tới các nhóm đối tượng cụ thể để lấy ý kiến góp ý, phản biện dự thảo báo cáo;

• *Thu thập ý kiến góp ý với dự thảo báo cáo:* Đơn vị đánh giá cần có kế hoạch thực hiện việc thu thập ý kiến phù hợp với hình thức và phạm vi được nêu trên. Các ý kiến cần phải được tổng hợp vào trong dự thảo báo cáo ĐGTĐCS theo đúng yêu cầu của mẫu báo cáo ĐGTĐ.

• *Xử lý kết quả lấy ý kiến, tổng hợp, giải trình và đưa nội dung chính vào báo cáo ĐGTĐCS:* Đơn vị đánh giá hoàn chỉnh báo cáo ĐGTĐCS trên cơ sở phân tích ý kiến. Trong trường hợp có những ý kiến không được tiếp thu thì cần có giải thích trong báo cáo ĐGTĐCS.

Phương pháp và quy trình chung cho hoạt động lấy ý kiến

Bước 1 – Xác định đối tượng, phạm vi và công tác chuẩn bị

Đối tượng lấy ý kiến:

Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp hoặc tổ chức đại diện đối tượng chịu sự tác động trực tiếp là đối tượng cần được thực hiện việc lấy ý kiến cho phù hợp. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội chính trị là đối tượng cần thực hiện việc lấy ý kiến.

Đối tượng lấy ý kiến vấn đề chính sách có thể rộng hơn đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, ví dụ lấy ý kiến chuyên gia, nhóm có lợi ích liên quan... Việc xác định đúng đối tượng và phạm vi sẽ giúp cho chất lượng lấy ý kiến được tốt hơn. Do đó, việc xác định phạm vi đối tượng lấy ý kiến cần lưu ý những vấn đề sau:

- Những nhóm đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách (ví dụ: những cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp chịu sự tác động trực tiếp của chính sách);

- Các cán bộ quản lý, chuyên gia, người làm công tác thực tiễn am hiểu về những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách;

- Thành viên của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức bảo vệ quyền lợi của các thành viên là những đối tượng chịu sự tác động trực tiếp hoặc đối tượng có lợi ích liên quan tới chính sách;

- Các nhóm đối tượng khác có lợi ích liên quan tới chính sách.

Lý do cần xác định nhóm đối tượng tham vấn, lấy ý kiến để thiết kế, xây dựng nội dung và phương pháp tham vấn, lấy ý kiến thích hợp, như:

- **Người dân:** nhóm đối tượng này cần chú trọng hỏi về những vấn đề của chính sách có tác động tới lợi ích của họ hoặc những vấn đề thực tiễn bất cập cần có chính sách để giải quyết;

- **Người làm công tác thực tiễn, tổ chức xã hội:** nhóm đối tượng này cần tập trung tham vấn, lấy ý kiến về phạm vi, đối tượng điều chỉnh của chính sách; quan điểm phản biện; các nội dung chính sách liên quan tới lợi ích thành viên;

- **Chuyên gia:** nhóm đối tượng cần tập trung lấy ý kiến về phạm vi, đối tượng điều chỉnh của chính sách; những nội dung mang tính lý luận, học thuật, chuyên ngành để làm rõ căn cứ, lập luận cho nội dung chính sách;

- **Cán bộ quản lý:** nhóm đối tượng này cần tập trung lấy ý kiến những nội dung vừa liên quan đến thực tiễn quản lý nhà nước, khía cạnh lý luận của vấn đề, khả năng thực thi, giải pháp xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật.

Lưu ý:

➤ Tùy theo nội dung chính sách mà xác định các nhóm đối tượng cần ưu tiên lấy ý kiến, lấy ý kiến, nhất là nhóm đối tượng chịu sự tác động trực

tiếp của chính sách, nhưng cũng nên có hình thức mở để các đối tượng khác có thể tham gia.

➤ Một số nhóm đối tượng chịu sự tác động trực tiếp đặc thù có thể lấy ý kiến thông qua các tổ chức xã hội đại diện cho nhóm đối tượng đó về những vấn đề tác động trực tiếp tới họ. Ví dụ như chính sách di cư người dân tộc ra khỏi vùng lõi của các khu rừng đặc dụng để bảo vệ rừng thì bên cạnh lấy ý kiến một số nhóm người dân tộc (thường khó tiếp xúc) thì có thể lấy ý kiến tổ chức xã hội đại diện cho họ.

➤ Tổ chức xã hội hay chính trị xã hội được lấy ý kiến thì nên ưu tiên các tổ chức đại diện cho một nhóm đối tượng chịu sự tác động. Những tổ chức đại diện cho nhiều nhóm đối tượng (như Mặt trận tổ quốc) có thể bị ảnh hưởng bởi tính không độc lập hoặc mâu thuẫn lợi ích giữa các nhóm đối tượng.

➤ Để tăng cường tính khách quan trong lấy ý kiến, các đối tượng được lấy ý kiến có thể được lựa chọn ngẫu nhiên, như bốc thăm danh sách người dân trong phạm vi đối tượng lấy ý kiến để lựa chọn một danh sách chính thức. Cần hạn chế việc lấy ý kiến người dân bằng việc lấy ý kiến những cán bộ cơ sở (như tổ trưởng dân phố, trưởng thôn, trưởng xóm...) vì sẽ làm việc lấy ý kiến trở nên hình thức.

➤ Để việc lấy ý kiến đối với dự thảo báo cáo ĐGTĐCS theo yêu cầu của pháp luật được hiệu quả, đơn vị đánh giá hoặc cơ quan chủ trì soạn thảo/đề xuất chính sách cần xác định được các cơ quan, tổ chức có liên quan, chịu sự tác động của chính sách dự định ban hành để gửi dự thảo báo cáo ĐGTĐCS đề nghị góp ý.

➤ Việc lấy ý kiến trong quá trình thực hiện ĐGTĐ là rất quan trọng vì sẽ giúp cho công tác đánh giá được toàn diện hơn, nâng cao được khả năng tiếp cận các nguồn thông tin, dữ liệu hữu ích cho hoạt động đánh giá, và giúp cho việc thử nghiệm các mô hình mẫu, phương án giả định của các loại ĐGTĐ.

Địa bàn, khu vực cần tổ chức lấy ý kiến

Nhóm đối tượng chịu sự tác động cần được tổ chức lấy ý kiến theo địa bàn. Tùy theo nội dung của chính sách, vấn đề thực tiễn có thể phân chia địa bàn theo một số tiêu chí như sau:

- **Phân chia theo khu vực:** nông thôn, thành thị, miền núi, đồng bằng ở quy mô lấy ý kiến cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh. Phân chia theo huyện, xã, tổ dân phố, xóm, cụm, buôn, sóc... ở quy mô lấy ý kiến địa phương.

- **Phân chia theo mức độ phát triển kinh tế:** Ở quy mô quốc gia, việc phân chia theo các khu vực như: Khu vực trung tâm phát triển kinh tế (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh), khu vực phát triển công nghiệp (Bình Dương, Đồng Nai, Hưng Yên, Hải Dương...), khu vực phát triển nông nghiệp (Đồng Tháp, An Giang, Thái Bình...). Ở quy mô địa phương, việc phân chia này theo các khu vực: trung tâm hành chính, kinh tế của tỉnh, huyện.

- **Phân chia theo tính đa dạng văn hóa:** địa phương có nhiều người dân tộc sinh sống và duy trì tập tục, lối sống truyền thống, địa phương có nhiều lao động nhập cư...

Lưu ý:

➤ Địa bàn tham vấn, lấy ý kiến có thể lựa chọn bằng phương pháp chọn trực tiếp, chỉ định cụ thể địa bàn tham vấn, lấy ý kiến hoặc lựa chọn bằng phương pháp ngẫu nhiên đối với địa bàn. Phương pháp ngẫu nhiên là việc lựa chọn ngẫu nhiên một địa bàn khảo sát trong khu vực dự định khảo sát bằng bốc thăm, bằng phần mềm máy tính. Phương pháp ngẫu nhiên bảo đảm được tính khách quan trong việc tham vấn. Tuy nhiên, phương pháp này thường được sử dụng khi tham vấn ở phạm vi nhiều địa bàn, chi phí dành cho việc tham vấn lớn, khả năng thu xếp với địa phương cho công tác tham vấn của đơn vị đánh giá. Ngược lại, phương pháp lựa chọn trực tiếp sẽ giúp cho đơn vị thực hiện đánh giá chủ động hơn về khả năng thu xếp ở địa phương, ngân sách dự kiến cho việc tham vấn.

➤ Có thể tham khảo các báo cáo đánh giá về chỉ số giữa các địa phương để lựa chọn theo tiêu chí thích hợp, ví dụ Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI), Chỉ số công lý...

Hình thức lấy ý kiến

Việc lấy ý kiến có thể được tổ chức dưới một hay kết hợp nhiều hình thức khác nhau, như: khảo sát ý kiến bằng bảng hỏi gửi trực tiếp hoặc trực tuyến, phỏng vấn trực tiếp đối tượng, hội nghị lấy ý kiến trong quá trình ĐGTĐ. Hình thức tổ chức lấy ý kiến thông qua việc công bố dự thảo báo cáo ĐGTĐCS trên trang thông tin điện tử (website) của cơ quan đề xuất chính sách, đơn vị thực hiện ĐGTĐ hoặc gửi dự thảo tới trực tiếp đối tượng cần lấy ý kiến... Mỗi hình thức có những đặc điểm cụ thể sau:

- **Khảo sát bằng bảng hỏi:** Đây là phương pháp thường được áp dụng lấy ý kiến đối tượng trên phạm vi rộng. Phương pháp này đòi hỏi đơn vị tổ chức lấy ý kiến phải có kỹ năng xây dựng các câu hỏi bao quát được các vấn đề cần lấy ý kiến. Nếu bảng hỏi dành cho đối tượng lấy ý kiến tự trả lời thì các câu hỏi nên ở dưới dạng đóng (như trả lời “đúng” hay “sai”). Bảng hỏi dành cho phỏng vấn trực tiếp thì có thể có nhiều câu hỏi mở, câu hỏi có tính dẫn dắt để người phỏng vấn thu thập được nhiều thông tin nhất. Khảo sát bằng bảng hỏi có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư trực tiếp tới đối tượng khảo sát hoặc đăng trên trang thông tin điện tử. Kết quả các câu trả lời được thống kê và tính toán (xử lý định lượng) về số lượng, tỷ lệ phần trăm quan điểm, ý kiến của đối tượng về một vấn đề. Việc các thông tin thu thập được từ các bảng hỏi trả lời cần được xử lý chính xác bằng các phần mềm thống kê (ví dụ: Stata, SPSS, excel...) hoặc các website khảo sát và thống kê (www.vietsurvey.vn, www.surveymonkey.com...).

- **Hội nghị lấy ý kiến:** là một hình thức thường được sử dụng rộng rãi trong các hoạt động lấy ý kiến của CQNN, bao gồm: tọa đàm, hội thảo, họp cử

tri, họp các hộ dân cư. Để hội nghị lấy ý kiến được tổ chức có hiệu quả về nội dung và kinh phí thì cần lưu ý tới phạm vi của hội nghị lấy ý kiến, như:

- *Hội nghị lấy ý kiến nhân dân ở địa bàn rộng*, như: hội nghị lấy ý kiến nhân dân với đại diện trên toàn quốc, toàn tỉnh hoặc liên huyện, liên xã...

- *Hội nghị lấy ý kiến có đối tượng hẹp hoặc nhóm nhỏ có trọng tâm*, như: hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến một nhóm đối tượng chịu sự tác động của chính sách, giải pháp chính sách hoặc lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học đối với chính sách, giải pháp chính sách.

- ***Phỏng vấn trực tiếp (còn gọi là phỏng vấn sâu hay gặp gỡ, phỏng vấn cá nhân)***: Đây là phương pháp áp dụng lấy ý kiến đối tượng trên phạm vi hẹp nhằm thu thập thông tin chi tiết, cụ thể đối với vấn đề của chính sách, vấn đề cần ĐGTD. Tùy theo quy mô ngân sách của hoạt động ĐGTD và chất lượng thông tin của khảo sát bằng bảng hỏi hay hội nghị, đơn vị đánh giá thực hiện thêm việc phỏng vấn trực tiếp đối tượng bị tác động. Để việc phỏng vấn trực tiếp được thành công, người thực hiện phỏng vấn phải nghiên cứu kỹ vấn đề cần được đánh giá, thông tin từ các hình thức khác (nếu có) để có thể trao đổi, thu thập thông tin chi tiết nhất đối với vấn đề nghiên cứu. Cuộc phỏng vấn cần được chuẩn bị về không gian, thời gian, địa điểm, an toàn và bí mật để bảo đảm sự thoải mái cho người trả lời.

- ***Lấy ý kiến thông qua trang thông tin điện tử (website)***: là hình thức khá phổ biến hiện nay với kinh phí thấp dưới hai cách thức:

- Lấy ý kiến thông qua khảo sát bằng bảng hỏi (bao gồm trực tuyến hoặc tải bảng hỏi về để trả lời và gửi lại);

- Lấy ý kiến vào dự thảo báo cáo ĐGTD CS.

Để việc lấy ý kiến này có hiệu quả, đơn vị tổ chức lấy ý kiến cần đăng tải hướng dẫn về cách thức tham gia lấy ý kiến, trả lời bảng hỏi, thông tin về địa chỉ liên lạc của cán bộ phụ trách khảo sát (như điện thoại, email) để người khảo sát có thể tiếp cận để làm rõ những vấn đề cần thiết hoặc gửi phản hồi. Tránh

việc tiếp nhận thông tin nhưng không có cơ chế phản hồi nên không khuyến khích người dân tham gia các lần lấy ý kiến tiếp theo.

Lưu ý:

- Cần lựa chọn hình thức lấy ý kiến phù hợp nội dung và đối tượng cần lấy ý kiến; khả năng ngân sách dự kiến cho hoạt động lấy ý kiến. Việc lấy ý kiến có thể lồng ghép với một số hoạt động giữ mối liên hệ với cử tri, kết hợp với khảo sát tổng kết thực tiễn vấn đề cần giải quyết của chính sách.
- Trong quá trình thực hiện lấy ý kiến cần luôn kiểm tra xem thông tin thu thập trong quá trình này đã đầy đủ chưa để có kế hoạch tiếp tục thu thập.
- Xác định những thông tin cần cho phân tích định tính hoặc định lượng để thu thập trong quá trình lấy ý kiến. Luôn luôn kiểm tra về tính chính xác của các thông tin thu thập.
- Cần tránh lấy ý kiến bản dự thảo báo cáo ĐGTD chưa hoàn chỉnh hoặc là bản đã bị sửa đổi hoặc huỷ bỏ. Việc này sẽ làm lãng phí, không hiệu quả của hoạt động lấy ý kiến.

Lập kế hoạch lấy ý kiến:

Trước khi tiến hành ĐGTD, đơn vị đánh giá cần lập kế hoạch cụ thể cho hoạt động lấy ý kiến (giai đoạn 1) để thu thập các thông tin tốt nhất phục vụ cho quá trình lập chính sách. Nhiều kinh nghiệm cho thấy, hoạt động xây dựng chính sách, VBQPPL càng lấy ý kiến sớm thì chất lượng của chính sách, VBQPPL càng được nâng cao và cũng tác động để giảm bớt được khối lượng của quá trình soạn thảo, nghiên cứu về tác động.

Kế hoạch lấy ý kiến cần có các nội dung chính sau:

- (i) Đối tượng lấy ý kiến (thứ tự ưu tiên của từng loại đối tượng)
- (ii) Hình thức lấy ý kiến;
- (iii) Thời điểm tổ chức lấy ý kiến (trong quá trình ĐGTĐCS, sau khi đã hoàn thành dự thảo báo cáo ĐGTĐCS...) và thời gian kéo dài của mỗi cuộc

lấy ý kiến. Ngoài ra, thời điểm và thời gian lấy ý kiến cũng cần phải phù hợp với đối tượng được lấy ý kiến;

(iv) Địa bàn, khu vực tổ chức lấy ý kiến;

(v) Nhân lực của đơn vị đánh giá tham gia lấy ý kiến, kế hoạch đào tạo, tập huấn, phổ biến kỹ năng, chương trình cho các nhân sự có thể tham gia hoạt động lấy ý kiến (tùy theo từng hình thức lấy ý kiến được lựa chọn);

(vi) Ngân sách dự kiến cho hoạt động lấy ý kiến;

(vii) Kế hoạch liên hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể hỗ trợ, tham gia hoạt động lấy ý kiến;

(viii) Xác định địa chỉ tiếp nhận ý kiến trong trường hợp, lấy ý kiến bằng bảng hỏi, phiếu khảo sát;

(ix) Xây dựng bộ tài liệu lấy ý kiến (nội dung, bộ câu hỏi; kịch bản lấy ý kiến, phương pháp ghi chép thông tin, phương pháp tổng hợp thông tin...);

(x) Phương tiện và cơ sở vật chất cho mỗi cuộc lấy ý kiến (phòng họp, âm thanh, ánh sáng...).

Sau khi đã có dự thảo báo cáo ĐGTĐCS, đơn vị đánh giá xây dựng kế hoạch cụ thể cho hoạt động lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức đối với dự thảo báo cáo ĐGTĐCS (giai đoạn 2). Tương tự như hoạt động lấy ý kiến ở giai đoạn 1, kế hoạch lấy ý kiến ở giai đoạn 2 cần bao gồm các nội dung sau:

(i) Cơ quan, tổ chức cần lấy ý kiến (bao gồm cơ quan, tổ chức có liên quan, chịu sự tác động của chính sách dự định ban hành).

(ii) Hình thức lấy ý kiến (gửi công văn hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị đánh giá/cơ quan chủ trì đề xuất chính sách)

(iii) Thời điểm gửi công văn hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị đánh giá/cơ quan chủ trì đề xuất chính sách đề nghị góp ý vào dự thảo báo cáo và thời điểm dự kiến thu hồi ý kiến;

(iv) Nhân lực để tổng hợp ý kiến và phương pháp tổng hợp ý kiến;

(v) Ngân sách dự kiến cho hoạt động lấy ý kiến

Lưu ý:

- Việc lập kế hoạch tham vấn càng chi tiết, cẩn thận thì giúp cho tổ chức tham vấn được thành công và hiệu quả về chi phí.
- Khi lập kế hoạch cần phải chú ý tới thời điểm phù hợp tổ chức tham vấn, như không phải ngày mùa đối với nông dân, thời điểm gấp rút hoàn thiện kế hoạch công tác năm của các ngành...
- Tổ chức tham vấn về tác động chính sách có thể kết hợp với việc nghiên cứu, khảo sát về tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật.
- Cần xác định nội dung trọng tâm của tham vấn, đối tượng ưu tiên để chuẩn bị tốt về nhân lực, phương tiện và thời gian, hạn chế việc thay đổi kế hoạch mà không chú ý tới nội dung trọng tâm và đối tượng ưu tiên.

Xác định nội dung lấy ý kiến

Nội dung lấy ý kiến trong quá trình ĐGTD (giai đoạn 1) sẽ phải bám sát 5 (năm) nội dung cơ bản của ĐGTD-CS (tác động kinh tế, tác động xã hội, tác động giới, tác động TTHC và tác động HTPL). Phạm vi nội dung mỗi cuộc lấy ý kiến của phụ thuộc vào hình thức và đối tượng lấy ý kiến. Để hoạt động ĐGTD có chất lượng, những nội dung chính sau cần được lấy ý kiến:

- (i) Lợi ích và thiệt hại kinh tế của dự thảo chính sách (lưu ý mỗi nhóm đối tượng sẽ có những quan điểm, số liệu khác nhau về nội dung này);
- (ii) Khả năng tuân thủ của người dân, tổ chức khi thực hiện một yêu cầu của chính sách, giải pháp chính sách và TTHC (bao gồm thời gian, các bước thủ tục, quy trình, chi phí...);
- (iii) Chi phí của bộ máy nhà nước trong việc thực thi chính sách, giải pháp chính sách (bao gồm thời gian, nhân lực, cơ sở vật chất, quy trình, thủ tục...);

(iv) Các tác động tích cực và tiêu cực của mỗi khía cạnh tác động xã hội (như việc làm, sức khỏe, y tế, giáo dục...) đối với mỗi chính sách, giải pháp chính sách;

(v) Sự khác biệt giữa các giới, các nhóm yếu thế đối với những khía cạnh tác động xã hội và kinh tế;

(vi) Các tác động tới quyền cơ bản của công dân, tính hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của HTPL và tương thích với các ĐUQT.

Lưu ý:

➤ Không nên có quá nhiều nội dung tham vấn cho một nhóm đối tượng.

➤ Cần có các nội dung tham vấn của nhiều nhóm đối tượng trùng nhau để có thể so sánh quan điểm, ý kiến của các nhóm đối tượng về cùng một vấn đề.

➤ Cần chủ động thực hiện việc tham vấn ở giai đoạn ĐGTĐCS (giai đoạn 1) và chủ động gửi công văn lấy ý kiến góp ý dự thảo báo cáo ĐGTĐCS (giai đoạn 2) hơn chỉ đơn thuần thực hiện việc lấy ý kiến theo quy định của pháp luật. Việc đăng tải dự thảo báo cáo ĐGTĐCS đơn thuần sẽ không thu hút được các đối tượng tham gia góp ý, thậm chí còn làm tưởng là không cần góp ý vào báo cáo ĐGTĐCS. Trong trường hợp đăng toàn văn báo cáo ĐGTĐCS để lấy ý kiến, đơn vị đánh giá cần có một hướng dẫn cụ thể về nội dung cần lấy ý kiến đối với báo cáo này.

Bước 2 – Tổ chức lấy ý kiến

Để hoạt động lấy ý kiến có hiệu quả, công tác tổ chức lấy ý kiến của mỗi hình thức có thể thực hiện như sau:

Khảo sát bằng bảng hỏi: Thành công của khảo sát bằng bảng hỏi ở 3 tiêu chí cơ bản:

- Tỷ lệ bảng hỏi được trả lời cao

- Chất lượng các câu trả lời tốt
- Số lượng các câu trả lời đầy đủ, hợp lệ

Để đạt được các tiêu chí nêu trên, đơn vị thực hiện ĐGTD cần thực hiện những công việc theo quy trình sau đây:

(i) Lập kế hoạch khảo sát như đã nêu ở Bước 1 với việc xác định cụ thể đối tượng khảo sát, số lượng đối tượng, địa chỉ của đối tượng để gửi bảng hỏi.

(ii) Xây dựng bảng hỏi theo như đã nêu ở Bước 1. Sau khi thiết kế nhập bảng hỏi thì cần tổ chức phỏng vấn thử để xác định khả năng trả lời, ngôn ngữ, hình thức của bảng hỏi đã thiết kế.

(iii) Bảng hỏi cần được in nhân bản cẩn thận để tránh sai sót và gửi tới đối tượng hỏi. Nên đánh số bảng hỏi để tránh việc in sao tùy tiện bảng hỏi dẫn đến tỷ lệ phân bổ mẫu bị sai quy mô. Trong trường hợp bảng hỏi được tải về (download) ở trên trang thông tin của đơn vị lập chính sách và khảo sát thì không cần làm thủ tục này. Cần đề ra thời hạn phải gửi phản hồi cho bảng hỏi.

(iv) Gửi bảng hỏi tới đối tượng khảo sát, nghiên cứu. Đồng thời với việc gửi bảng hỏi, cần chú ý tới công tác truyền thông thích hợp để huy động đối tượng khảo sát trả lời câu hỏi đầy đủ và có chất lượng.

(v) Thu thập bảng hỏi đã trả lời, trong trường hợp tỷ lệ phản hồi thấp liên hệ tới các đối tượng khảo sát nhưng chưa trả lời bảng hỏi để nhắc việc trả lời bảng hỏi.

(vi) Nhập dữ liệu thu thập thông qua các bảng hỏi trả lời hợp lệ và tiến hành phân tích.

Việc các thông tin thu thập được từ các bảng hỏi trả lời cần được xử lý chính xác. Một số phần mềm thống kê sẽ giúp cho việc nhập dữ liệu và phân tích dữ liệu (phần mềm thống kê Stata, SPSS, Excel hoặc các website khảo sát và thống kê (www.vietsurvey.vn, www.surveymonkey.com...)). Trong một số khảo sát có nguồn tài chính tốt, việc nhập dữ liệu vào máy tính được thực hiện bởi

hai nhóm độc lập thực hiện song song để kiểm tra tính chính xác của quá trình nhập liệu. Khi nhận được bảng hỏi phản hồi thì đơn vị đánh giá cần rà soát nhanh những bảng hỏi hợp lệ và chưa hợp lệ.

Hội nghị lấy ý kiến:

Để hội nghị lấy ý kiến đạt được chất lượng và đúng mục tiêu lấy ý kiến, công tác tổ chức lấy ý kiến cần thực hiện như sau:

(i) Lập kế hoạch khảo sát như đã nêu ở Bước 1 với việc xác định cụ thể đối tượng được mời tới lấy ý kiến, số lượng đối tượng, địa điểm tổ chức lấy ý kiến, thời gian tổ chức và kịch bản của hội nghị lấy ý kiến.

(ii) Xây dựng nội dung cần lấy ý kiến, trao đổi để làm rõ các vấn đề được đánh giá.

(iii) Liên hệ với chính quyền địa phương, đoàn thể và đối tượng cần lấy ý kiến chính... để chuẩn bị cho việc lấy ý kiến.

(iv) Chuẩn bị các phương tiện, cơ sở vật chất cần thiết cho các hội nghị lấy ý kiến, như bút, giấy trắng, bảng, hệ thống trang âm...

(v) Thực hiện hội nghị lấy ý kiến theo hình thức, phương pháp đã nêu.

(vi) Viết báo cáo.

Phỏng vấn trực tiếp (còn gọi là phỏng vấn sâu hay gặp gỡ, phỏng vấn cá nhân)

Để việc phỏng vấn thành công và hiệu quả, đơn vị đánh giá cần thực hiện các công việc sau:

(i) Lập kế hoạch khảo sát như đã nêu ở Mục 4.1.d với việc xác định cụ thể đối tượng cần phỏng vấn trực tiếp và kịch bản chi tiết của việc phỏng vấn trực tiếp;

(ii) Xây dựng nội dung cần lấy ý kiến hoặc bảng hỏi “mở” để xác định các nội dung cần thiết phỏng vấn, trao đổi;

(iii) Liên hệ với chính quyền địa phương, đoàn thể và đối tượng cần lấy ý kiến chính... để chuẩn bị cho việc lấy ý kiến.

(iv) Chuẩn bị địa điểm phỏng vấn sao cho tạo cảm giác thoải mái, thuận tiện cho người được phỏng vấn để họ sẵn sàng cung cấp thông tin.

(v) Viết báo cáo theo ngày, theo nhóm đối tượng hoặc theo khu vực khi kết thúc phỏng vấn trong ngày phỏng vấn để bảo đảm thông tin không bị thiếu sót.

Lấy ý kiến thông qua trang thông tin điện tử (website): là hình thức khá phổ biến hiện nay với kinh phí thấp. Việc lấy ý kiến này được thực hiện dưới hai cách thức:

a. Lấy ý kiến thông qua khảo sát bằng bảng hỏi (bao gồm trực tuyến hoặc tải bảng hỏi về để trả lời và gửi lại);

b. Lấy ý kiến bằng xin ý kiến nhận xét vào dự thảo báo cáo ĐGTĐCS.

Dù ở bất kỳ cách thức nào, để thực hiện việc lấy ý kiến qua trang thông tin điện tử có hiệu quả, đơn vị thực hiện đánh giá cần thực hiện những công việc sau:

- Phổ biến, tuyên truyền tới các đối tượng bị tác động, đối tượng cần lấy ý kiến đề nhu cầu cần thu thập ý kiến của họ đối với việc ĐGTĐ trên trang thông tin điện tử được chỉ định (cần nêu rõ tên, đường dẫn (link) của trang tin điện tử).

- Nội dung và thiết kế của trang tin điện tử phải dễ tìm kiếm thông tin, hoặc có quảng cáo, hướng dẫn về nội dung khảo sát, đánh giá. Ngoài ra, trang tin phải có cơ chế tiếp nhận thông tin như khảo sát trực tuyến, hộp thư điện tử nhận thư góp ý hoặc góp ý trực tuyến... và cần có cơ chế gửi thông tin phản hồi đã tiếp nhận được thông tin.

- Trong trường hợp trang thông tin chỉ đăng tải bảng hỏi hoặc dự thảo báo cáo ĐGTĐCS để đối tượng lấy ý kiến gửi ý kiến góp ý thì đơn vị tổ chức lấy ý

kiến cần đăng tải hướng dẫn về cách thức tham gia lấy ý kiến, cách thức trả lời bảng hỏi, thông tin về địa chỉ liên lạc của cán bộ phụ trách khảo sát (như điện thoại, email) để người khảo sát có thể tiếp cận để làm rõ những vấn đề cần thiết hoặc gửi phản hồi. Tránh việc tiếp nhận thông tin nhưng không có cơ chế phản hồi nên không khuyến khích người dân tham gia các lần lấy ý kiến tiếp theo.

•Khoảng thời gian tổ chức lấy ý kiến cần được thông báo rõ ràng trên trang thông tin điện tử. Việc tham gia góp ý, cung cấp thông tin của cá nhân, tổ chức cần được thông tin đầy đủ nhưng phải giữ bí mật các thông tin nhân thân của người tham gia góp ý, khảo sát.

Lưu ý:

- Công tác tổ chức tham vấn cần được xây dựng kế hoạch cụ thể và truyền thông mạnh mẽ tới các đối tượng chịu sự tác động. Không nên để xảy ra sự thiếu thống nhất trong quá trình thực hiện lấy ý kiến ở địa phương.
- Không nên có chỉ đăng tải dự thảo báo cáo ĐGTĐCS mà không có bất kỳ một hướng dẫn hay thông tin phản hồi nào về tình hình tiếp nhận và xử lý các ý kiến phản hồi.
- Không nên giao quá nhiều việc cho một người hoặc một nhóm thực hiện lấy ý kiến vì có thể chậm trễ trong quá trình lấy ý kiến dẫn đến người dân có thể không nhiệt tình tham gia khảo sát

Bước 3 - Xử lý kết quả lấy ý kiến

Sau đã thực hiện các hoạt động tham vấn, đơn vị đánh giá cần tổng hợp, xử lý các thông tin để hoàn thiện các nội dung của Báo cáo ĐGTĐCS. Một số công việc cần lưu ý như sau:

- Trong khảo sát bằng bảng hỏi, cần lưu ý tới việc thành lập các cơ chế bằng phần mềm, hoặc thủ công để nhập dữ liệu thu thập từ bảng hỏi về để phân tích. Số liệu thu thập được có ý nghĩa rất lớn trong việc định lượng mong muốn, ý kiến của người dân về vấn đề chính sách;

➤ Đối với các loại hình khảo sát khác, người thu thập thông tin cần tóm tắt lại các ý kiến và phân loại theo từng chủ đề, mục tiêu của lấy ý kiến hoặc nội dung của chính sách hoặc vấn đề cần đo lường, xác định mức độ tác động để hoàn thiện Báo cáo ĐGTĐCS;

➤ Việc xử lý thông tin lấy ý kiến cần phải chú ý tới các mục tiêu sau:

- Vấn đề của chính sách có nghiêm trọng tới mức độ phải có sự can thiệp của nhà nước bằng ban hành quy định pháp luật? Còn có lựa chọn, phương án nào khác?;

- Các nhóm ý kiến, quan điểm của các đối tượng lấy ý kiến về hệ quả của chính sách đối với họ, lợi ích công cộng và lợi ích phát triển xã hội;

- Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với vấn đề của chính sách, nội dung chính sách hay giải pháp chính sách để giải quyết vấn đề;

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung dự thảo chính sách.

Báo cáo tổng hợp phải ngắn gọn, súc tích để người soạn báo cáo ĐGTĐCS hoàn thiện báo cáo ĐGTĐCS, và cơ quan soạn thảo, thẩm định, thẩm tra có thể quan tâm khi xem xét báo cáo ĐGTĐCS hay đề xuất chính sách. Báo cáo tổng hợp này có thể là một phần của Báo cáo ĐGTĐCS hoặc phần tổng hợp này được xây dựng thành một báo cáo riêng và được đính kèm như là một phụ lục của Báo cáo ĐGTĐCS.

Trong trường hợp lấy ý kiến vào dự thảo báo cáo ĐGTĐCS mà ý kiến đóng góp đòi hỏi phải thực hiện việc ĐGTĐ lại một hoặc nhiều nội dung thì đơn vị đánh giá cần phải nghiên cứu, rà soát lại phương pháp, số liệu để quyết định việc đánh giá lại hay không. Trong trường hợp có đánh giá lại hay không đánh giá lại thì cũng phải giải trình trong báo cáo tổng hợp của hoạt động lấy ý kiến. Tương tự như vậy đối với các ý kiến đề nghị chỉnh sửa dự thảo báo cáo ĐGTĐCS thì cũng cần cân nhắc việc chỉnh lý và phải có giải trình đối với việc chấp thuận chỉnh lý hay không.